CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MAI LÂM

------o0o------

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của dự án "NHÀ MÁY SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN MAI LÂM"

Địa điểm thực hiên dự án: xã Tân Minh, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

CHỦ CƠ SỞ

Hưng Yên, Tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 1
1. Tên chủ cơ sở 1
2. Tên cơ sở 1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở 4
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở 4
3.2. Quy trình sản xuất của cơ sở 5
3.3. Sản phẩm của dự án: 13
4. Nguyên, nhiên, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án 13
4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu của dự án 13
4.2. Điện năng, nguồn cung cấp điện năng của dự án 15
4.3. Nhu cầu sử dụng nước và nguồn cung cấp nước của dự án 15
5. Dự án không sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất 17
6. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư 17
6.1. Quy mô hạng mục công trình của dự án 18
6.2. Danh mục máy móc, thiết bị 17
6.3. Tổng vốn đầu tư của dự án 21
6.4. Tiến độ thực hiện dự án 21
6.5. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án 21
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 24
1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 24
2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường 25
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 27
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 27
1.1. Thu gom, thoát nước mưa: 27
1.2. Thu gom, thoát nước thải: 30
1.3. Xử lý nước thải: 31
2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải 40
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 48
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt 48

3.2 Chất thải công nghiệp thông thường.....50
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....52
4.1. Nguồn phát sinh CTNH.....53
4.2. Biện pháp lưu giữ, xử lý CTNH.....53
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....54
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....55
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....60
8. Các nội dung tiếp tục thực hiện so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....61
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG63
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....63
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:.....64
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn.....64
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....66
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....68
CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....69
1.Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....69
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:.....69
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:.....69
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....70
3.Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....70
CHƯƠNG VI: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....71
1.Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.....71
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.....71
2.1.Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng.....71
2.2. Các cam kết khác.....71

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
QH	Quốc hội
NĐ-CP	Nghị định – Chính phủ
WHO	Tổ chức y tế thế giới
BTCT	Bê tông cốt thép
GPMT	Giấy phép môi trương
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
BYT	Bộ Y tế
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
CTTT	Chất thải thông thường
CTNH	Chất thải nguy hại
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Danh mục nguyên vật liệu của cơ sở.....13
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở.....16
Bảng 1.3. Quy mô hạng mục công trình của cơ sở.....17
Bảng 1.4. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở.....18
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của HTXL nước thải sinh hoạt.....37
Bảng 3.2. Hoá chất của HTXL nước thải sinh hoạt.....38
Bảng 3.3. Lượng chất thải nguy hại phát sinh.....5**2**
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.....63
Bảng 4.2. Bảng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đề nghị cấp phép 64
Bảng 4.3. Bảng khối lượng chất thải rắn thông thường đề nghị cấp phép...65
Bảng 4.4. Bảng khối lượng chất thải rắn nguy hại đề nghị cấp phép.....65
Bảng 4.5. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn.....67
Bảng 4.6. Giá trị giới hạn đối với độ rung.....67
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý.....68
Bảng 5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải ...69

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Vị trí địa lý khu vực thực hiện dự án.....2
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình kéo sợi chải thô compact.....6
Hình 1.3. Sơ đồ quy trình kéo sợi chải kỹ compact.....9
Hình 1.4. Dây chuyền sản xuất của cơ sở.....12
Hình 1.5. Hình ảnh một số sản phẩm của cơ sở.....13
Hình 1.6. Nguyên liệu chính của cơ sở.....14
Hình 1.7. Sơ đồ cân bằng nước của dự án.....17
Hình 1.8. Hình ảnh một số công trình đã xây dựng của cơ sở.....18
Hình 1.9. Hình ảnh một số máy móc thiết bị của cơ sở.....20
Hình 1.10. Sơ đồ tổ chức quản lý của công ty.....**22**
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa của dự án.....27
Hình 3.2. Hình ảnh hệ thống thoát nước mái tại cơ sở.....28
Hình 3.3. Hình ảnh hệ thống thoát nước mặt tại cơ sở.....29
Hình 3.4. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà bếp...30
Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo bể tách dầu mỡ.....30
Hình 3.6. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh....31
Hình 3.7. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....31
Hình 3.8. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy.....33
Hình 3.9. Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy.....39
Hình 3.10. Sơ đồ thu gom xử lý bụi bông từ dây máy bông, máy chải thô, máy cuộn củi và máy chải kỹ 42
Hình 3.11. Hình ảnh hệ thống gom, thu hồi bụi, xơ bông.....43
Hình 3.12. Sơ đồ công nghệ thu gom bụi kèm máy kéo sợi thô, máy kéo sợi con và máy đánh ống.....43
Hình 3.13. Hình ảnh thiết bị thút thổi bom bụi di động.....44
Hình 3.14. Sơ đồ công nghệ hệ thống điều không lọc bụi.....45
Hình 3.15. Hình ảnh khu thu bụi bằng quạt hút bố trí quanh xưởng sản xuất.....47
Hình 3.16. Hình ảnh lồng lọc bụi của hệ thống điều không.....47
Hình 3.17. Hình ảnh khu lưu giữ chất thải sinh hoạt.....50
Hình 3.18. Khu lưu giữu chất thải thông thường.....52
Hình 3.19. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại 54

CHƯƠNG I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

Công ty Cổ phần Thiết bị điện Mai Lâm

Địa chỉ trụ sở chính: thôn Tử Dương, xã Tân Minh, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện: Bà Hoàng Thị Hồng Chức vụ: Giám đốc.

Điện thoại: 0932739688;

Email: ctycpmailam@gmail.com

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0901012427 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 05 năm 2017; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 7 tháng 01 năm 2025.

2. Tên cơ sở

Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm

Quyết định chủ trương đầu tư số 182/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 do Uỷ ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp;

Địa điểm thực hiện: Hiện tại dự án đã hoàn thành xây dựng các công trình trên khu đất có diện tích khoảng 49.000 m^2 trên địa bàn xã Tân Minh, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành DN 150359 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp ngày 12/3/2024, vào sổ cấp GCN số CT22174;

- Vị trí địa lý khu đất như sau:

+ Phía Tây Bắc giáp Công ty TNHH sản xuất và nguyên liệu Harco;

+ Phía Tây Nam giáp đường gom cao tốc Hà Nội – Hải Phòng;

+ Phía Đông Nam giáp Công ty Cổ phần Bigfeed Hưng Yên;

+ Phía Tây Bắc giáp mương thuỷ lợi.



Hình 1. 1: Vị trí dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm

**** Mối tương quan giữa dự án với các đối tượng xung quanh:***

* Giao thông:

Đường giao thông của thôn, xã đều được bê tông hóa hoặc trải nhựa đường vì vậy điều kiện giao thông tương đối thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu và tiêu thụ, phân phối sản phẩm tới các địa phương, thành phố khác.

* Sông suối:

Huyện Yên Mỹ có hệ thống sông Bắc Hưng Hải chạy từ Bắc xuống Đông Nam (sông Từ Hồ, sông Trung, sông Kim Ngưu). Ngoài ra, còn có các kênh dẫn nước chính (Tam Bá Hiển, Trung thủy nông T_{11}, T_3) chảy qua giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn nước tưới tiêu phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân khu vực dọc hai bờ sông.

Ngoài ra giáp khu vực công ty còn có mương thoát nước chung nằm ở phía Đông Bắc khu đất giúp cho việc tiêu thoát nước của dự án được thuận lợi, không gây ngập úng.

* Kinh tế - xã hội.

Gần khu vực Dự án không có vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, các khu bảo tồn thiên nhiên khu nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và các khu di tích lịch sử văn hóa, di sản văn hóa đã xếp hạng, vì vậy hoạt động sản xuất của cơ sở không gây ảnh hưởng tới các đối tượng kinh tế, xã hội này.

* Khu dân cư:

Khoảng cách gần nhất tới khu dân cư khoảng 100m về cuối khu vực thực hiện dự án nên hoạt động sản xuất của công ty không gây tác động lớn đến môi trường và ảnh hưởng đến đời sống của khu vực dân cư. - Hiện trạng cấp điện, nước:

+ Hiện trạng cấp điện: Nguồn điện được cung cấp liên tục và ổn định thông qua trạm biến áp của công ty đã xây dựng và lắp đặt

- Hiện trạng cấp, thoát nước:

+ Công ty sử dụng nước sạch do Công ty TNHH nước sạch Ngọc Tuấn - Nagaoka.

- Hệ thống thoát nước được thiết kế và xây dựng đồng bộ với việc xây dựng nhà xưởng đảm bảo việc tiêu thoát nước, tránh tình trạng ngập úng cục bộ làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của nhà máy.

**** Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có):***

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên;

+ Thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở số 89/SXD-QLXD ngày 16/7/2024 do Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yêncấp.

+ Thông báo chấp thuận Mặt bằng quy hoạch tổng thể dự án đầu tư số 29/TB-SXD ngày 23/01/2019 của sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên cấp.

- Cơ quan thẩm định các loại giấy phép có liên quan đến môi trường: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên;

**** Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**:*

- Quyết định số 2814/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm;

****) Quy mô của dự án đầu tư:***

Quy mô diện tích sử dụng đất: Dự án được xây dựng tại khu đất có diện tích 49.000 m^2.

Theo Quyết định chủ trương đầu tư số 182/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 do Uỷ ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp thì dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm ***có*** tổng vốn đầu tư là 100.000.000 đồng nên theo tiêu chí phân loại dự án của Luật đầu tư công thì cơ sở thuộc dự án nhóm B (cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đến dưới 1.000 tỷ đồng), theo Khoản 4, Điều 8 của Luật Đầu tư công năm 2019.

***) Loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ và phân loại dự án đầu tư:**

+ Quy mô diện tích sử dụng đất: Dự án được xây dựng tại khu đất có diện tích 49.000 m^2.

Quyết định chủ trương đầu tư số 182/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 do Uỷ ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp thì dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm thực hiện mục tiêu Sản xuất thiết bị điện; sản phẩm cơ khí; đồ nhựa dân dụng các loại (sản xuất từ hạt nhựa nguyên sinh, không sử dụng nhựa tái chế, không tái chế nhựa) với Quy mô: Đèn led tiết kiệm điện các loại: 2 triệu sản phẩm/năm; Đèn trang trí, đèn ốp trần:

500.000 sản phẩm/năm; Ổ cắm, công tắc điện, đui đèn, phích cắm: 3 triệu sản phẩm/năm; Aptomat dùng trong gia đình, công nghiệp: 500.000 sản phẩm/năm; Phụ kiện khác: 2 triệu sản phẩm/năm; Dây điện: 3 triệu mét/năm; Cáp điện: 1 triệu sản phẩm/năm; Sản phẩm cơ khí: 10.000 sản phẩm/năm; Các sản phẩm nhựa dùng trong gia đình, công nghiệp: 100.000 sản phẩm/năm...

Như vậy, cơ sở thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn quy định tại mục số 17, phụ lục II, nghị định 08/2022/NĐ-CP do đó cơ sở có tiêu chí môi trường thuộc dự án nhóm I.

Bên cạnh đó, Quy trình sản xuất của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm không có công đoạn mạ, phủ màu bằng sơn hoặc hoá chất; làm sạch bằng hoá chất độc; gia công, sửa chữa hàng hoá thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài nên có tiêu chí về môi trường tương đương dự án nhóm III được quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Tuy nhiên, dự án đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp Quyết định số 2814/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm. Khi đi vào hoạt động chính thức, dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm sẽ hoạt động với mục tiêu sản xuất Đèn led tiết kiệm điện các loại: 2 triệu sản phẩm/năm; Ổ cắm, công tắc điện, đui đèn, phích cắm: 3 triệu sản phẩm/năm; Aptomat dùng trong gia đình, công nghiệp: 500.000 sản phẩm/năm; Phụ kiện khác: 2 triệu sản phẩm/năm; Dây điện: 3 triệu mét/năm; Cáp điện: 1 triệu sản phẩm/năm; Các sản phẩm nhựa dùng trong gia đình, công nghiệp: 100.000 sản phẩm/năm... đã được đánh giá trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt. Khi đi vào hoạt động ổn định, dự án có phát sinh nước thải xả ra môi trường phải được xử lý. Do đó dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trình Sở Nông nghiệp và môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường.

.

3 Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở

Căn cứ theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm được phê duyệt tại số 2814/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hưng Yên thì quy mô, công suất của Dự án như sau:

Mục tiêu: Sản xuất thiết bị điện; đồ nhựa dân dụng các loại (sản xuất từ hạt nhựa nguyên sinh, không sử dụng nhựa tái chế, không tái chế nhựa)

Quy mô:

+ Đèn led tiết kiệm điện các loại: 2 triệu sản phẩm/năm;

+ Các thiết bị điện dân dụng và các phụ kiện điện khác, cụ thể:

Ổ cắm, công tắc điện, đui đèn, phích cắm: 3 triệu sản phẩm/năm;
Aptomat: 500.000 sản phẩm/năm;
Các phụ kiện điện khác (cầu chì, chao đèn, bảng điện): 2 triệu sản phẩm/năm.

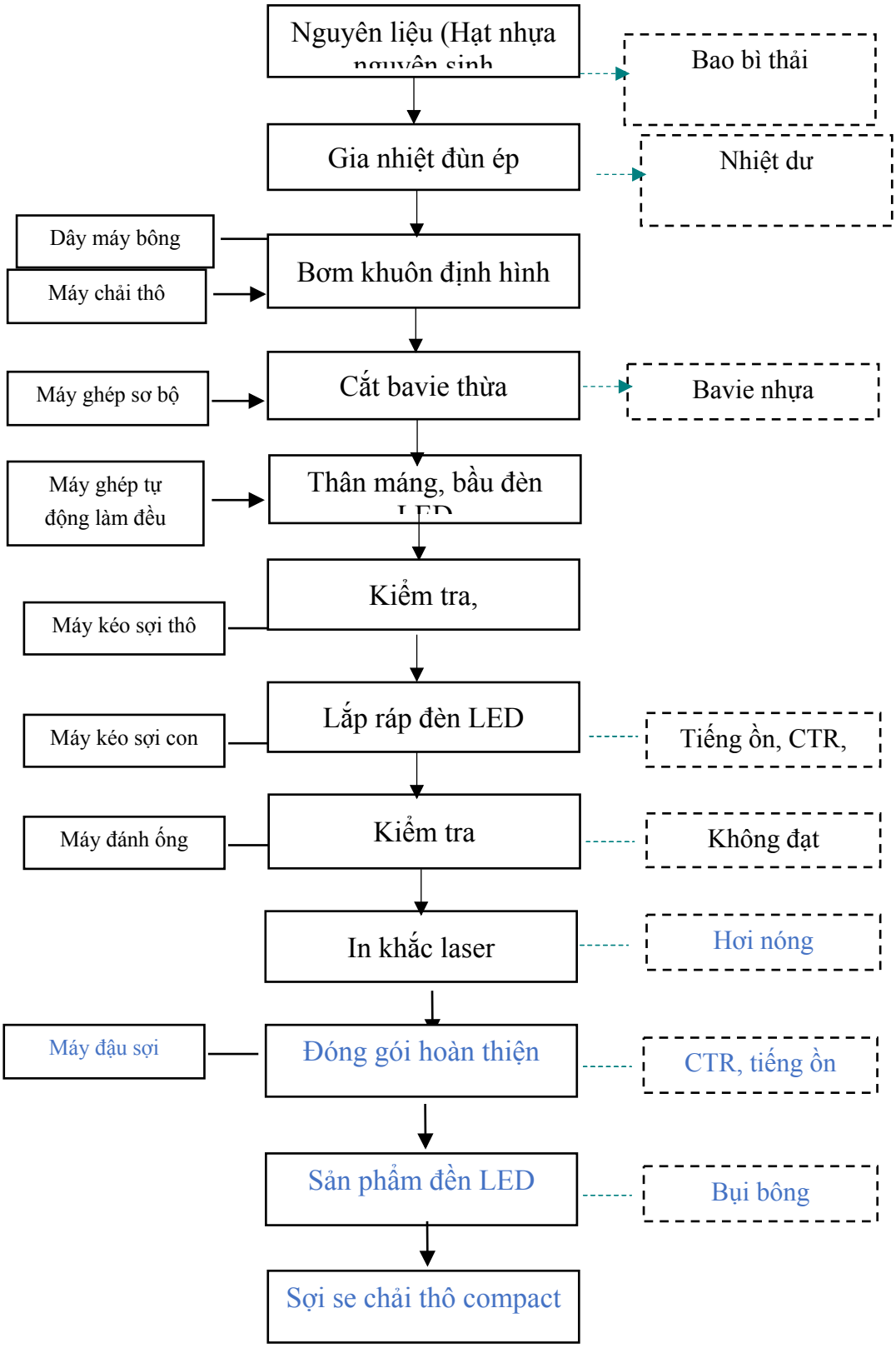
+ Dây điện dân dụng: 3 triệu mét/năm (khoảng 500 tấn sản phẩm dây điện đồng/năm)

Cá điện: 1 triệu mét sản phẩm /năm (trong đó có khoảng 500 tấn sản phẩm cáp đồng/năm và 200 tấn sản phẩm cáp nhâm/năm)

Các sản phẩm nhựa dùng trong gia đình, công nghiệp: 100.000 sản phẩm/năm...

3.2. Quy trình sản xuất của cơ sở

3.2.1 Quy trình sản xuất đèn LED tiết kiệm điện



Hình 1. 2. Sơ đồ quy trình kéo sợi se chải thô compact

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu chính

Nguyên liệu sử dụng là xơ bông được ép chặt thành từng kiện trong đó có cả tạp chất. Tạp chất trong bông có thể là các vụn mạt gỗ, vỏ cây, lá cây, hạt bông còn sót lại mà khi thu hoạch chưa loại bỏ hết, các sợi bông chưa đủ độ chín,...

Công đoạn loại bỏ tạp chất:

Khi bông nguyên liệu đi qua dây máy bông sẽ được xé tơi, loại bỏ tạp chất lớn, loại bỏ các xơ ngoại lai. Công đoạn này có phát sinh 1 lượng chất thải rắn là các tạp chất và các xơ ngoại lai và 1 lượng bụi bông bay.

Công đoạn xé tơi bông:

Bông được xé tơi sau khi đi qua máy chải thô thì các tạp chất thô trong bông được loại bỏ, điểm kết nếp (gồm các xơ bông bị rối lại với nhau) cũng được loại bỏ 85% để tạo thành các sợi xơ. Các sợi xơ đã được phân chải được xếp theo hàng song song với nhau và đã được định hình thành sợi với định lượng khoảng 3-6 g/m tùy chỉnh. Công đoạn này có phát sinh 1 lượng chất thải rắn là các tạp chất thô trong bóng nguyên liệu và bụi bông.

Công đoạn ghép sợi sơ:

Sau khi qua máy chải thô, các sợi xơ sẽ được chuyển qua máy ghép sơ bộ, nhiệm vụ của máy ghép sơ bộ là ghép đều các sợi xơ với nhau và tiếp tục định hướng xơ được thẳng hơn, song song hơn cho ra sợi cúi (cúi chải thô) đều hơn mượt hơn.

Công đoạn ghép tự động làm đều:

Các sợi cúi (cúi chải thô) sau khi được hình thành được đưa qua máy ghép có tự động làm đều. Nhiệm vụ của máy ghép có tự động làm đều là tăng độ song song của xơ và tạo thành các sợi cúi ra có định lượng đều nhau từ 3-8g/m tùy chọn.

Công đoạn kéo sợi thô:

Các sợi cúi ra sẽ được đưa qua máy kéo sợi thô. Nhiệm vụ của máy kéo sợi thô là kéo dài cúi ra thành các sợi thô có định lượng nhỏ hơn từ 0,3-0,8g/m tùy chọn và có cấu trúc quả sợi thô phù hợp để lắp được trên máy kéo sợi con. Công đoạn này có phát sinh 1 lượng bụi bông.

Công đoạn kéo sợi con:

Các sợi thô sau đó sẽ được đưa qua máy kéo sợi con compact. Nhiệm vụ của máy kéo sợi con compact là kéo dài sợi thô ra thành sợi con compact (chính

là các sợi chỉ ta thường thấy) có định lượng nhỏ hơn sợi thô từ 40-50 lần và làm cho các sợi xơ song song xoắn lại với nhau để tạo bền cho sợi. Công đoạn này có phát sinh 1 lượng bụi bông.

Công đoạn nối sợi con:

Các sợi con compact sẽ được cho qua máy đánh ống để nối các sợi con lại với nhau và cắt bỏ các đoạn sợi không đạt chất lượng của sợi con và tạo ra sợi chải thô compact. Công đoạn này có phát sinh 1 lượng chất thải rắn là các đoạn sợi không đạt chất lượng và bụi bông.

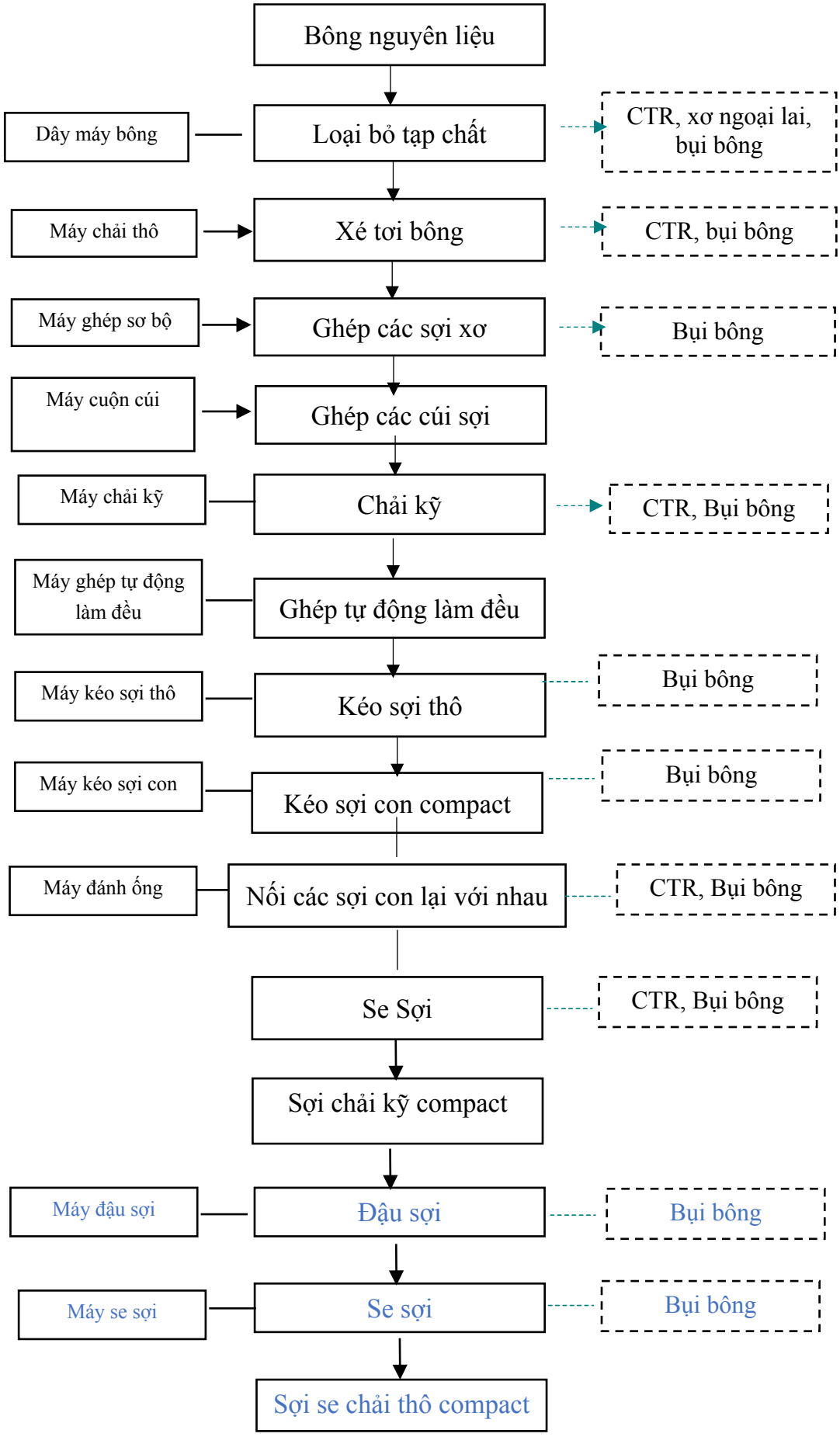
Công đoạn đậu sợi:

Sợi chải thô compact sau khi được nối sẽ được chuyển qua công đoạn đậu sợi. Máy đậu sợi sẽ sử dụng các trục quay để hình thành 2 sợi song song. Công đoạn này có phát sinh một lượng bụi bông.

Công đoạn se sợi:

Sợi chải thô compact sau khi được đậu sợi sẽ được chuyển qua công đoạn se sợi. Máy se sợi sẽ sử dụng các trục quay để hình thành sợi hoàn chỉnh. Sợi được se thành từng côn sợi có độ dài và độ dày phù hợp và tạo ra sợi se chải thô compact. Công đoạn này có phát sinh một lượng bụi bông.

3.2.2 Sơ đồ nguyên lý dây chuyền kéo sợi se chải kỹ compact



Hình 1. 3. Sơ đồ quy trình kéo sợi se chải kỹ compact

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu:

Nguyên liệu sử dụng là xơ bông được ép chặt thành từng kiện trong đó có cả tạp chất. Tạp chất trong bông có thể là các vụn mạt gỗ, vỏ cây, lá cây, hạt bông còn sót lại mà khi thu hoạch chưa loại bỏ hết, các sợi bông chưa đủ độ chín....

Công đoạn loại bỏ tạp chất:

Khi bông nguyên liệu đi qua dây máy bông sẽ được xé tơi, loại bỏ tạp chất lớn, loại bỏ các xơ ngoại lai. Công đoạn này có phát sinh 1 lượng chất thải rắn là các tạp chất và các xơ ngoại lai và 1 lượng bụi bông bay.

Công đoạn xé tơi bông:

Bông được xé tơi sau khi đi qua máy chải thô thì các tạp chất thô trong bông được loại bỏ, điểm kết nếp (gồm các xơ bông bị rối lại với nhau) cũng được loại bỏ 85% để tạo thành các sợi xơ. Các sợi xơ đã được phân chải được xếp theo hàng song song với nhau và đã được định hình thành sợi với định lượng khoảng 3-6 g/m tùy chỉnh. Công đoạn này có phát sinh 1 lượng chất thải rắn là các tạp chất thô trong bông nguyên liệu và bụi bông.

Công đoạn ghép sợi sơ:

Sau khi qua máy chải thô, các sợi xơ sẽ được chuyển qua máy ghép sơ bộ, nhiệm vụ của máy ghép sơ bộ là ghép đều các sợi xơ với nhau và tiếp tục định hướng xơ được thẳng hơn, song song hơn cho ra sợi cúi (cúi chải thô) đều hơn mượt hơn.

Công đoạn ghép các củi sợi:

Các sợi cúi (Cúi chải thô) sau khi hình thành được đưa qua máy cuộn cúi. Nhiệm vụ của máy cuộn cái là ghép các cúi sợi lại với nhau để phù hợp cấp cho máy chải kỹ.

Công đoạn chải kỹ:

Các cúi sợi sau khi được ghép lại sẽ qua máy chãi kỹ để được loại bỏ các sợi xơ ngắn trong củi sợi, loại bỏ các tạp chất tinh, loại bỏ các điểm kết của xơ và tiếp tục phân chải sơ làm cho các sợi xơ song song hơn tạo thành củi sợi chải kỹ. Công đoạn này có phát sinh 1 lượng chất thải rắn là các tạp chất tinh, các điểm kết của xơ và bụi bông.

Công đoạn ghép tự động làm đều:

Các cúi sợi chải kỹ sau khi hình thành được đưa qua máy ghép có tự động làm đều. Nhiệm vụ của máy ghép có tự động làm đều là tăng độ song song của xơ và tạo thành các sợi cúi ra chải kỹ có định lượng đều nhau từ 3-8g/m tùy chọn.

Công đoạn kéo sợi thô:

Các sợi cúi ra chải kỹ tiếp theo sẽ được đưa qua máy kéo sợi thô. Nhiệm vụ của máy kéo sợi thô là kéo dài cúi ra chải kỹ thành các sợi thô chải kỹ có định lượng nhỏ hơn từ 0.3-0.8g/m tùy chọn và có cấu trúc quả sợi thô phù hợp để lắp được trên máy kéo sợi con. Công đoạn này có phát sinh 1 lượng bụi bông.

Công đoạn kéo sợi con:

Các sợi thô chải kỹ sau đó sẽ được đưa qua máy kéo sợi con compact. Nhiệm vụ của máy kéo sợi con compact là kéo dài sợi thô chải kỹ ra thành sợi con chải kỹ compact (chính là các sợi chỉ ta thường thấy) có định lượng nhỏ hơn sợi thô chải kỹ từ 40-50 lần và làm cho các sợi xơ song song xoắn lại với nhau để tạo bền cho sợi. Công đoạn này có phát sinh 1 lượng bụi bông.

Công đoạn nối sợi con:

Các sợi con chải kỹ compact sẽ được cho qua máy đánh ống để nối các sợi con lại với nhau và cắt bỏ các đoạn sợi không đạt chất lượng của sợi con và tạo ra sợi chải kỹ compact. Công đoạn này có phát sinh 1 lượng chất thải rắn là các đoạn sợi không đạt chất lượng và bụi bông,

Công đoạn đậu sợi:

Sợi chải kỹ compact sau khi được nối sẽ được chuyển qua công đoạn đậu sợi. Máy đậu sợi sẽ sử dụng các trục quay để hình thành 2 sợi song song. Công đoạn này có phát sinh một lượng bụi bông.

Công đoạn se sợi:

Sợi chải kỹ compact sau khi được đậu sợi sẽ được chuyển qua công đoạn se sợi. Máy se sợi sẽ sử dụng các trục quay để hình thành sợi hoàn chỉnh. Sợi được se thành từng côn sợi có độ dài và độ dày phù hợp và tạo ra sợi se chải kỹ compact. Công đoạn này có phát sinh một lượng bụi bông.

.



Hình 1.4 : Dây chuyền sản xuất của cơ sở

* Toàn bộ hoạt động của máy móc thiết bị trên dây chuyền sản xuất sử dụng nhiên liệu là điện năng.

Trong quá trình hoạt động, công ty cam kết không thực hiện công đoạn hồ sợi tại dự án.

Sản phẩm sợi chải kỹ compact và sợi chải thổ compact được thực hiện trên cùng dây chuyền sản xuất. Khác với quá trình sản xuất ra sợi chải kỹ compact, để tạo sản phẩm sợi chải thô compact, trên dây chuyền sản xuất sẽ không sử dụng máy cuộn củi và máy chải kỹ.

Ngoài hoạt động của các thiết bị chính trong dây chuyền sản xuất trên. Dự án còn sử dụng máy xé sợi thô và máy vệ sinh trục nhung. Máy xé sợi thô có nhiệm vụ tách và thu hồi các đoạn sợi thô còn bám trên ống sợi thô. Lượng sợi thu hồi ở công đoạn này được đưa lại vào máy chải thô để tiếp tục kéo sợi. Máy vệ sinh trục nhưng có nhiệm vụ làm sạch các sợi bông bám trên trục nhung – một chi tiết trên máy kéo sợi con. Các sợi bông được thu gom và trở thành chất thải rắn sản xuất.

Quá trình sản xuất sợi chải thô compact và chải kỹ compact có phát sinh 1 lượng lớn bụi bông, tuy nhiên Các thiết bị sản xuất đều có trang bị thiết bị thu hồi bụi bông tại chỗ. Cụ thể, dây máy bông, máy chải thô, máy cuộn cúi và máy chải kỹ được lắp đặt tích hợp 1 hệ thống thu gom bụi và xơ bông từ trong máy và các máy kéo sợi thô, máy kéo sợi con, máy đánh ống có kèm thiết bị hút bụi di động. Ngoài ra để đảm bảo thu hồi bụi bông triệt để, đồng thời để đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm và môi trường làm việc của công nhân sản xuất chủ dự án tiến hành lắp đặt hệ thống điều không lọc bụi .

Ngoài ra, để đảm bảo cho hoạt động của các máy móc sản xuất của nhà máy, Công ty bố trí xưởng cơ khi bên trong nhà máy nhằm mục đích sửa chữa các thiết bị, phụ tùng cơ khí bị hỏng trong dây chuyền sản xuất. Hoạt động của xưởng cơ khí bao gồm các công đoạn: Phay, cắt, hàn, khoan kim loại... Các công đoạn này làm phát sinh một lượng nhỏ bụi, khí thái, tiếng ồn và chất thải rắn.

3.3. Sản phẩm của dự án

Sản phẩm của dự án bao gồm: Sợi se chải thô compact, Sợi se chải kỹ compact chất lượng cao chỉ số bìinh quân từ Ne 28/1 đến Ne 40/1. Sợi se chải kỹ compact dự án dự kiến sản xuất 80% công suất của nhà máy tức 4.800 tấn/năm; Sợi se chải thô compact sản xuất 20% công suất của nhà máy tức 1.200 tấn/năm.



Hình 1.5 Hình ảnh một số sản phẩm của cơ sở

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án

4.1. Nguyên, nhiên vật liệu của dự án

Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên liệu phục vụ cho dự án được trình bày cụ thể trong bảng sau:

Bảng 1.1. Danh mục nguyên, nhiên vật liệu của cơ sở

STT	Tên nguyên liệu	Khối lượng	Số lượng	Nguồn cung cấp
Nguyên, vật liệu chính				
1	Xơ bông	Tấn/năm	6.600	Nhập khẩu
Nguyên, nhiên vật liệu phụ trợ cho sản xuất				
2	Bao bì đóng gói sản phẩm	Tấn/năm	12,1	Việt Nam

3	Túi PE	Tấn/năm	11,4	Việt Nam
4	Ống côn giấy	cái/năm	3.175.000	Việt Nam; Nhập khẩu
Nguyên, nhiên vật liệu khác				
5	Dầu mỡ bôi trơn máy móc	tấn/năm	0,2	Việt Nam
6	Que hàn (phục vụ xưởng cơ khí)	tấn/năm	0,02	Việt Nam
7	Gas (phụ vụ bếp ăn)	tấn/năm	1	Việt Nam



Hình 1.6: Nguyên liệu chính của cơ sở

) Đặc tính kỹ thuật của xơ bông:

- Xơ bông nhập theo kiện.
- Độ mảnh 3,5 – 4,9 micronaire.
- Chiều dài 1 1/8 đến 1 5/32.
- Độ bền trong trạng thái tiêu chuẩn 28-33 gl/tex; trong trạng thái ẩm 28-57gl/tex.

- Khả năng hấp thụ ẩm 24-27% tại độ ẩm tương đối 96%.

- Độ dãn đứt: ở trạng thái tiêu chuẩn là 3-9,5%.

- Độ đàn hồi: Hồi phục 7% sau khi kéo giãn 2% và 45% sau khi kéo giãn 5%.

- Độ ẩm tiêu chuẩn: 7%.

- Tỷ lệ tạp chất dưới: 2,5%.

Chủ dự án cam kết các nguyên liệu sử dụng không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

4.2. Điện năng, nguồn cung cấp điện năng của dự án

Nhu cầu về điện: Nguồn điện cung cấp cho các hoạt động sản xuất, chiếu sáng, sinh hoạt và an ninh của Nhà máy được cung cấp từ trạm biến áp đặt trong khuôn viên của Nhà máy. Công ty đã ký hợp đồng cung cấp điện với Điện lực Hưng Yên.

Để đảm bảo cung cấp nguồn điện thường xuyên và đủ công suất phục vụ cho hoạt động ổn định của dự án. Chủ đầu tư áp dụng các biện pháp sau:

+ Đấu nối đường điện quốc gia có công suất phù hợp:

+ Lắp đặt 2 trạm biến áp trung tâm với công suất mỗi trạm khoảng 2000KVA sử dụng lưới điện quốc gia để cung cấp cho hoạt động của toàn bộ dây chuyền máy móc. Điện áp cho thiết bị công nghệ bằng cáp điện Cu/XLPE/PVC 7 sợi/pha:

+ Đường dây sẽ được nối theo các trục giao thông;

+ Đầu tư các hệ thống đèn chiếu sáng hiện đại;

+ Sử dụng các thiết bị điện có chất lượng đảm bảo và công suất phù hợp;

+ Áp dụng các biện pháp phòng chống cháy chập và các biện pháp tiết kiệm điện.

Lượng điện sử dụng tại dự án là khoảng 2.500.000 kwh/tháng.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước và nguồn cung cấp nước của dự án

Nguồn cấp nước: dự án sử dụng nguồn nước máy được cung cấp bởi Công ty TNHH nước sạch Ngọc Tuấn - Nagaoka.

Nhu cầu sử dụng nước tại dự án:

- *Nước cấp cho sinh hoạt:* Theo tiêu chuẩn nước cho nhu cầu sinh hoạt trong cơ sở sản xuất công nghiệp từ 45-100 lít/ca/ngày (theo Tiêu chuẩn TCVN 13606:2023 – Cấp nước – Mạng lưới đường ống công trình). Hiện tại, nhà máy đã hoạt động với công suất tối đa theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã

được phê duyệt, số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án là 140 người; Công nhân làm việc 8 tiếng/ca/ngày. Do đó lượng nước sử dụng ước tính 1 ca = 100 lít/người/ca.. Vậy nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sinh hoạt là:

NC_1= 140 người x 0,1 m^3/người/ngày đêm = 14 m^3/ngày đêm.;

- *Nước cấp cho hệ thống điều không lọc bụi:*

Trong hệ thống điều không lọc bụi sẽ chia thành 3 buồng điều không AC-1, AC-2, AC-3 và bể chứa nước là riêng cho 3 buồng này, lượng nước cấp bổ sung do bay hơi cho hệ thống điều không lọc bụi cụ thể như sau:

+ Nước cấp bổ sung cho buồng điều không AC-1: khoảng 2,5m^3/ngày (lượng cấp ban đầu là 25m);

+ Nước cấp bổ sung cho buồng điều không AC-2: khoảng 3m^3/ngày (lượng cấp ban đầu là 30m^3);

+ Nước cấp bổ sung cho buồng điều không AC-3: khoảng 2m^3/ngày (lượng cấp ban đầu là 20m^3);

- *Nước cấp cho tưới cây, rửa đường:* khoảng 3m^3/ngày,

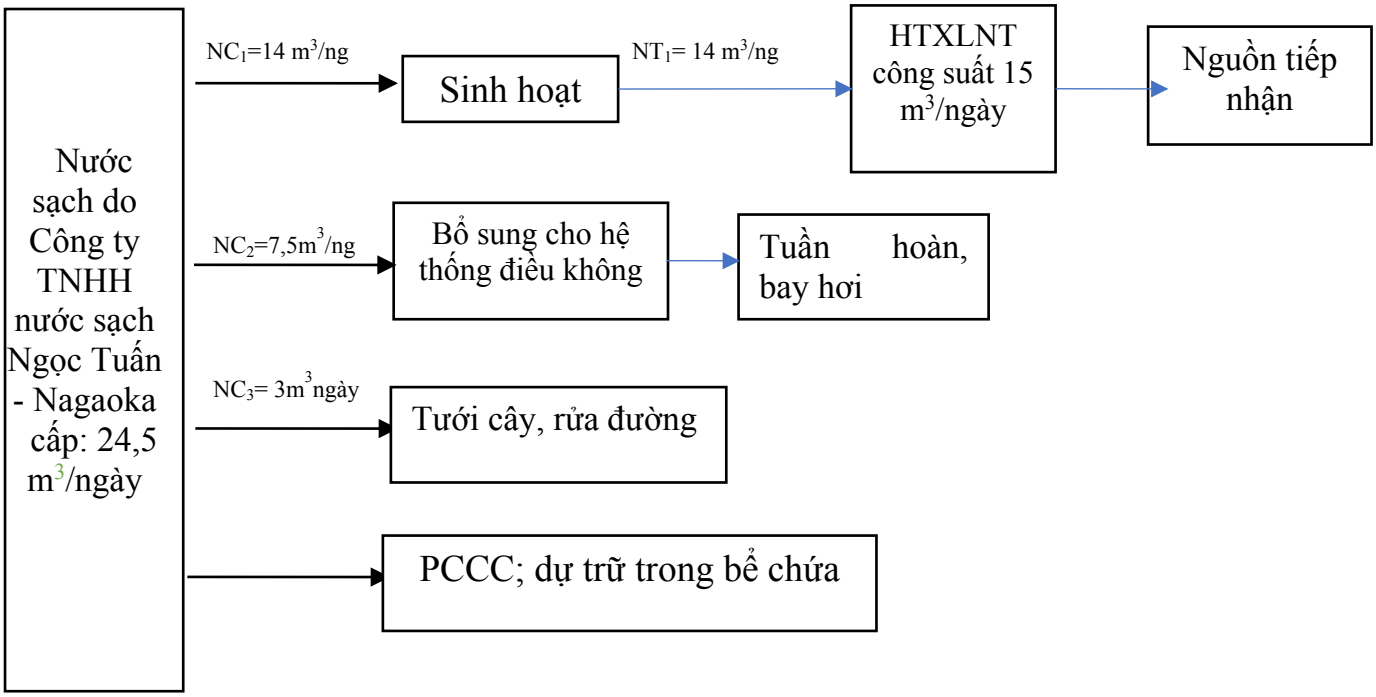
- *Nước sử dụng cho phòng cháy chữa cháy*: được dự trữ trong bể và chỉ sử dụng khi có hỏa hoạn;

Bảng 1.2: Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

TT	Tên loại	Đơn vị tính	Số lượng
1	Nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt	m^3/ngày	14
2	Nước cấp bổ sung cho hệ thống điều không lọc bụi	m^3/ngày	7,5
3	Nước cấp dùng cho tưới cây, rửa đường…	m^3/ngày	3
4	Nước sử dụng cho phòng cháy chữa cháy	Dự trữ trong bể, chỉ sử dụng khi có hỏa hoạn	
Tổng		m^3/ngày	24,5

Mạng cấp nước sinh hoạt sẽ được bơm định kỳ theo giờ trong ngày. Mạng cấp nước phục vụ phòng cháy chữa cháy được bố trí 06 họng cứu hỏa cho mỗi xưởng, đảm bảo bán kính hoạt động trên dưới 100m. Dự án sẽ xây dựng 02 bể dự trữ nước, tổng thể tích chứa khoảng 50m^3 nước để phục vụ cho nhu cầu sử dụng nước của công nhân và PCCC.

Sơ đồ cân bằng nước sử dụng được thể hiện trong hình dưới đây:



Hình 1.7. Sơ đồ cân bằng nước tại nhà máy

5. Dự án không sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

6. Các thông tin khác có liên quan đến dự án

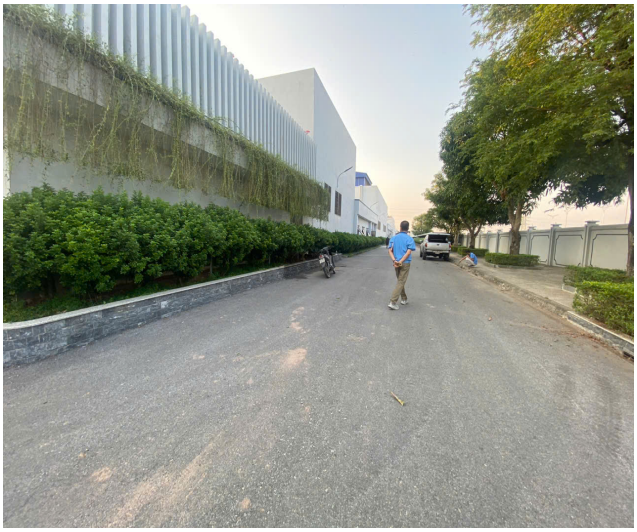
6.1. Quy mô hạng mục công trình của dự án

Theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 – Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm đã được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt thì các hạng mục công trình chính và phụ trợ của dự án đã và đang xây dựng trong khu đất có diện tích 42.000m^2 thuộc khu đất có tổng diện tích 80.000m^2 của dự án Nhà máy sợi Trà Lý được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.3. Quy mô hạng mục công trình của cơ sở

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích	Tình trạng
1	Cổng số 1	m^2	-	Đã xây dựng
2	Nhà điều hành 3 tầng	m^2	390	Đã xây dựng
3	Kho thành phẩm	m^2	2.178	Đã xây dựng
4	Xưởng sợi cọc số 1 + công trình phục vụ sx 3 tầng	m^2	14.028	Đã xây dựng
5	Xưởng cơ khí	m^2	195	Đã xây dựng
6	Nhà chứa chất thải rắn	m^2	97,5	Đã xây dựng
7	Nhà bảo vệ	m^2	29,75	

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích	Tình trạng
8	Trạm xử lý nước thải			
8.1	*Bể xử lý nước thải*	*m^2*	*230*	*Đã xây dựng*
8.2	*Nhà điều hành trạm xử lý nước thải*	*m^2*	*31,62*	*Đã xây dựng*
9	Kho thành phẩm	m^2	3.730	Chuẩn bị xây dựng
10	Xưởng sợi cọc số 2	m^2	10.507	Chuẩn bị xây dựng
11	Sân đường, cây xanh…	m^2	10.614,8	-
	Tổng	m^2	**42.000**	

Hình 1.8: Một số công trình đã xây dựng tại cơ sở

6.2. Danh mục máy móc của dự án

Danh mục máy móc phục vụ cho quá trình sản xuất của dự án được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 1.4. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

	Tên Máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Nguồn gốc	Năm sản xuất	Tình trạng
Máy móc thiết bị sản xuất chính						
1	Hệ thống cung cấp bông (dây máy bông)	HT	1	Đức	2019	Hoạt động tốt
2	Máy cuộn cúi	Chiếc	2	Đức	2019	Hoạt động tốt
3	Máy chải thô TC15	Chiếc	13	Đức	2019	Hoạt động tốt
4	Máy chải kỹ TC012	Chiếc	10	Đức	2019	Hoạt động tốt
5	Máy kéo sợi thô (kèm thiết bị thu hồi bụi).	HT	6	Đức	2019	Hoạt động tốt
6	Máy ghép sơ bộ	Chiếc	3	Đức	2019	Hoạt động tốt

7	Máy ghép tự động làm đều	Chiếc	7	Đức	2019	Hoạt động tốt
8	Máy kéo sợi con Zinser Z72-1440 cọc (kèm thiết bị - Chiếc thu hồi bụi)	Chiếc	16	Đức	2019	Hoạt động tốt
9	Máy kéo sợi con Zinser Z72 impact-1440 cọc (kèm - Chiếc thiết bị thu hồi bụi)	Chiếc	6	Đức	2019	Hoạt động tốt
10	Máy đánh ống tự động (kèm thiết bị thu hồi bụi)	Chiếc	9	Italia	2019	Hoạt động tốt
11	Hệ thống điều không lọc bụi	HT	4	Trung Quốc	2019	Hoạt động tốt
12	Thiết bị nén khí					
12.1	*Máy nén khí*	*Chiếc*	*3*	*Nhật Bản*	*2019*	*Hoạt động tốt*
12.2	*Bộ sấy khô khí nén*	*Chiếc*	*3*	*Nhật Bản*	*2019*	*Hoạt động tốt*
12.3	*Bộ lọc thô*	*Chiếc*	*3*	*Nhật Bản*	*2019*	*Hoạt động tốt*
12.4	*Bộ lọc tinh*	*Chiếc*	*3*	*Nhật Bản*	*2019*	*Hoạt động tốt*
12.5	*Bình chứa khi dung tích 3000 lit*	*Chiếc*	*1*	*Việt Nam*	*2019*	*Hoạt động tốt*
13	Hệ thống thiết bị thí nghiệm					
13.1	*Máy thí nghiệm bông HVI700 mẫu*	*Chiếc*	*1*	*Thuỵ Sỹ*	*2019*	*Hoạt động tốt*
13.2	*Máy thí nghiệm AFIS PRO2*	*Chiếc*	*1*	*Thuỵ Sỹ*	*2023*	*Hoạt động tốt*
13.3	*Máy thí nghiệm Uster 6*	*Chiếc*	*1*	*Thuỵ Sỹ*	*2019*	*Hoạt động tốt*
13.4	*Máy cường lực Tensojet*	*Chiếc*	*1*	*Thuỵ Sỹ*	*2019*	*Hoạt động tốt*
13.5	*Guồng sợi con*	*Chiếc*	*1*	*Italy*	*2019*	*Hoạt động tốt*
13.6	*Guồng củi*	*Chiếc*	*2*	*Italy*	*2019*	*Hoạt động tốt*
13.7	*Máy đo độ săn*	*Chiếc*	*1*	*Italy*	*2019*	*Hoạt động tốt*
13.8	*Máy đo độ ẩm Aqua Lab*	*Chiếc*	*1*	*Italy*	*2019*	*Hoạt động tốt*
13.9	*Cân điện tử*	*Chiếc*	*2*	*Italy*	*2019*	*Hoạt động tốt*
14	*Máy xé sợi thô*	*Chiếc*	*1*	*Trung Quốc*	*2019*	*Hoạt động tốt*
15	*Máy vệ sinh trục nhung*	*Chiếc*	*2*	*Ấn Độ*	*2019*	*Hoạt động tốt*
16	Dây chuyền đậu sợi	Dây chuyền	2	*Ấn Độ*	*2019*	*Hoạt động tốt*
17	Dây chuyền xe sợi	Dây chuyền	2	*Ấn Độ*	*2019*	*Hoạt động tốt*
Các máy móc, thiết bị khác						
18	Thiết bị văn phòng	HT	1	Việt Nam	2019	Hoạt động tốt

19	Thiết bị sửa chữa máy móc tại xưởng cơ khí					
17.1	*Máy cắt*	*HT*	*3*	*Trung Quốc*	*2019*	*Hoạt động tốt*
17.2	*Máy cưa*	*HT*	*3*	*Việt Nam*	*2019*	*Hoạt động tốt*
17.3	*Máy khoan*	*HT*	*3*	*Việt Nam*	*2019*	*Hoạt động tốt*
17.4	*Máy hàn*	*HT*	*2*	*Việt Nam*	*2019*	*Hoạt động tốt*
20	Phương tiện vận chuyển	HT	1	Việt Nam	2019	Hoạt động tốt
21	Máy biến áp	HT	1	Việt Nam	2019	Hoạt động tốt
22	Máy phát điện	Chiếc	3	Việt Nam	2019	Hoạt động tốt

Hiện tại toàn bộ hệ thống máy móc, thiết bị của Dự án Nhà máy sợi Trà Lý đều đang được lắp đặt tập trung sản xuất tại xưởng sợi cọc số 1. Sau khi xưởng sợi cọc số 2 hoàn thiện, cơ sở sẽ chuyển toàn bộ dây chuyền se sợi từ xưởng sợi cọc số 1 qua lắp đặt tại xưởng sợi cọc số 2 để tiếp tục hoạt động sản xuất.



Hình 1.9: Một số máy móc thiết bị của cơ sở

Hệ thống thiết bị thí nghiệm của dự án dùng để kiểm tra độ đạt tiêu chuẩn của sản phẩm. Trong quá trình kiểm tra, dự án không sử dụng bất kì loại hóa chất nào. Tất cả các máy trong hệ thống thiết bị thí nghiệm chỉ kiểm tra các yếu tố vật lý của sợi. Các thiết bị thí nghiệm được bố trí tại phòng kỹ thuật của Công ty.

Đối với các máy kéo sợi thô, máy kéo sợi con, máy đánh ống đều có kèm thiết bị thu gom bụi bông tích hợp với dây chuyền máy. Đối với dây máy bông, máy chải thô, máy cuộn cái, máy chải kỹ, máy xe sợi có đường ống dẫn gom bụi để đưa về xử lý tại hệ thống buồng lọc bụi của nhà máy.

6.3. Tổng vốn đầu tư của dự án

Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 637.880 triệu đồng. Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án: 146.000 triệu đồng, chiếm 22,89% tổng vốn đầu tư.

6.4. Tiến độ thực hiện dự án:

Hoàn thành thực hiện các thủ tục hành chính từ tháng 3/2017 đến tháng 9/2020;

Xây dựng nhà điều hành, nhà xưởng và các hạng mục công trình phụ trợ và từ tháng 10/2020 đến 6/2022;

Lắp đặt một phần máy móc thiết bị và sản xuất thử nghiệm một số sản phẩm từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2022;

Cơ sở chính thức hoạt động sản xuất, kinh doanh từ tháng 01/2023.

6.5. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm như sau:

Nhu cầu sử dụng lao động của dự án

TT	Chức vụ	Số lượng
1	Bộ phận quản lý hành chính	
2	Giám đốc	1
3	Phó Giám đốc	1
4	Bộ phận văn phòng	
5	Phòng Hành chính – Kế toán	2
6	Phòng kinh doanh	2
7	Phòng kỹ thuật	5
8	Nhân viên bảo vệ, tạp vụ	5
9	Bộ phận sản xuất	
10	Quản lý	2
11	Công nhân	122
	Tổng cộng	**140**

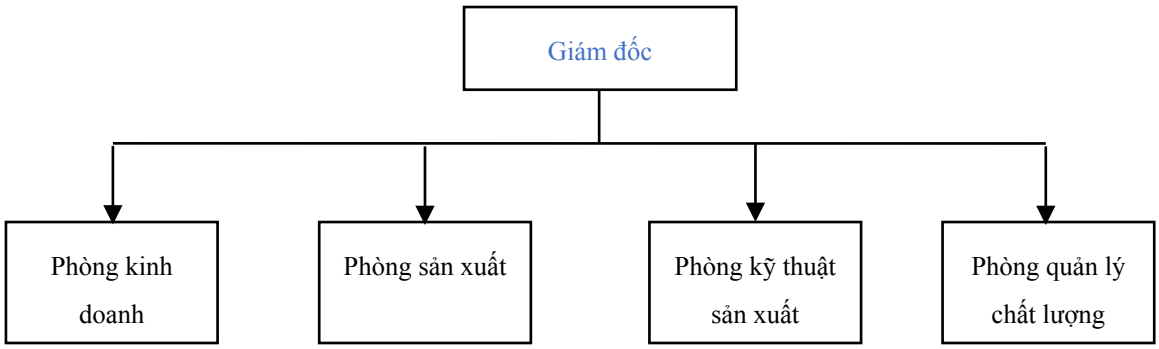
**) Chế độ làm việc:*

Đảm bảo người lao động làm việc 8 tiếng/ngày. Tuy nhiên, chế độ làm việc giữa các bộ phận có sự điều chỉnh khác biệt nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình hoạt động.

+ Nhân viên quản lý sẽ làm việc theo giờ hành chính do đơn vị quy định.

+ Công ty sẽ xây dựng chế độ làm việc theo ca, kíp.

Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy của Công ty cổ phần thiết bị điện Mai Lâm như sơ đồ sau:



Hình 1.10. Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý của nhà máy

**) Chính sách tuyển dụng lao động và đào tạo:*

Phương thức tuyển dụng dựa trên nguyên tắc tự nguyện, cùng với sự lựa chọn cho phù hợp về trình độ và tay nghề của từng người. Công ty tuyển lao động theo hình thức ký hợp đồng lao động giữa Giám đốc hoặc người được Giám đốc ủy quyền và người lao động phù hợp với các quy định của luật pháp.

Công ty luôn ưu tiên sử dụng lao động là người địa phương, đặc biệt là con em các hộ gia đình đang sống xung quanh khu vực Dự án.

Tùy theo từng vị trí được tuyển dụng, Công ty tổ chức các đợt đào tạo tập trung hoặc riêng lẻ nhằm trang bị cho lao động những hiểu biết sơ bộ cũng như những kiến thức cơ bản về việc sản xuất sản phẩm của dự án,

**) Chế độ đãi ngộ khác*

+Hưởng lương và phụ cấp;

+ Được nghỉ chủ nhật và ngày lễ tết theo quy định đối với nhân viên quản lý.

+ Được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của công ty.

+ Hưởng BHXH —BHYT.

+ Được thưởng vào dịp lễ, tết;

+ Được làm việc trong một môi trường chuyên nghiệp, thân thiện.

+ Được tham gia các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn.

**) Phương án an toàn lao động*

Hoạt động của Dự án sẽ không gây ra các yếu tố nghiêm trọng đối với người lao động. Tuy nhiên toàn bộ nhân viên tại các khu vực của Dự án ngoại

trừ nhân viên văn phòng sẽ được trang bị đầy đủ quần áo đồng phục. Trang bị đồng phục sẽ được phát định kỳ cho nhân viên mỗi năm 01 lần.

Để đảm bảo vệ sinh công nghiệp và an toàn lao động, trong bố trí dây chuyền công nghệ sẽ tập trung chú ý đến điều kiện làm việc và vận hành máy của người lao động như tiếng ồn, bụi và nhiệt độ cũng như trang bị, đồ dùng bảo hộ lao động cho từng người thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định hiện hành của nhà nước.

Việc bố trí thiết bị phải nhất thiết tuân thủ các nội dung sau:

+ Các thiết bị cao hoặc đặt cao phải có sàn thao tác, phải có sàn lên xuống và lan can bảo vệ;

+ Bố trí điện chiếu sáng ở nơi sản xuất và chiếu sáng bảo vệ và đường đi lại;

+ Hệ thống tiếp đất thiết bị và tiếp đất chống sét phải thường xuyên kiểm tra;

Đối với người lao động: Mọi người lao động phải được đào tạo về nghề nghiệp và học tập về an toàn lao động, thực hiện đúng nội dung về vệ sinh công nghiệp và an toàn lao động cho phân xưởng, thiết bị và bản thân người lao động.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Theo Quyết định 611/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 08/7/2024 về việc Phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì mục tiêu quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thì mục tiêu tổng quát là "Chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của Nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế cac-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu."

Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm tiến hành kiểm soát chặt chẽ chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án. Cụ thể:

+ Nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án được thu gom và xử lý đảm bảo QCĐP 01:2019/HY trước khi thải ra ngoài môi trường.

+ Chất thải rắn: Chủ dự án tiến hành thu gom, phân loại và lưu giữ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Do đó Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm phù hợp với quan điểm, mục tiêu của quyết định.

- Theo Quyết định số 489/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 10/6/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu, chỉ tiêu phát triển như sau:

Đến năm 2030, Hưng Yên phát triển nhanh, bền vững, trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, có quy mô kinh tế và trình độ phát triển trong nhóm dẫn đầu cả nước; theo hướng trở thành một đô thị thông minh, xanh, môi trường

sống tốt; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại; công nghiệp thuộc nhóm phát triển mạnh của cả nước; phát triển bền vững theo xu hướng chuyển đổi xanh dựa trên sự phát triển nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp; xã hội phát triển hài hòa với thiên nhiên; bản sắc văn hóa được bảo tồn và phát huy; đời sống nhân dân được nâng cao; quốc phòng và an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

Bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh trật tự, an toàn xã hội; chủ động nắm chắc tình hình, không bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; thực hiện tốt phòng chống các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống; xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân.

Tầm nhìn đến năm 2050, Hưng Yên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố thông minh, thành phố giàu đẹp, văn minh, văn hiến hiện đại, giàu bản sắc văn hóa, phát huy đầy đủ những giá trị cốt lõi của văn hóa Phố Hiến xưa; là nơi đáng sống của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng; là trung tâm kết nối giữa các địa phương trong vùng và cả nước. Các hoạt động kinh tế, xã hội và quản trị của chính quyền vận hành chủ yếu theo phương thức của nền kinh tế số, xã hội số. Các ngành sản xuất, dịch vụ phát triển theo phương thức thông minh với các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thực hiện mục tiêu đạt phát thải dòng bằng "0". Các lĩnh vực xã hội phát triển hài hoà. Quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; người dân có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc.

Dự án đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 54/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 và Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 15/5/2019; Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm. Đồng thời, chủ dự án đã đầu tư xây dựng các công trình BVMT xử lý nước thải, đạt quy chuẩn thải ra môi trường. Vì vậy, dự án cơ bản phù hợp với các quy hoạch liên quan và yêu cầu về BVMT.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

**** Môi trường không khí***

Trong quá trình hoạt động, dự án không phát thải khí thải phải xử lý trực tiếp ra ngoài môi trường tiếp nhận

Bên cạnh đó, chủ dự án cũng đã áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh như làm tường bao quanh che chắn, trồng cây xanh quanh khu vực dự án do đó hạn chế được bụi và tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.

**** Môi trường nước***

Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mặt riêng biệt với nước thải. Toàn bộ lượng nước mặt trong cơ sở được thu gom và thoát qua hệ thống đường cống bê tông có kích thước Ø600 và Ø1.000 và được lắng cặn bằng các hố ga có song chắn rác bố trí dọc hệ thống.

Công ty đã đầu tư xây dựng 01 HTXL nước thải tập trung công suất 15 m^3/ngày đêm nằm trong khuôn viên nhà máy. Nước thải sau xử lý đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép của QCĐP 01:2019/HY; K=1,2; K_{hy}=0,85): Quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với nước thải sinh hoạt.

Công ty đã phối hợp cùng đơn vị chức năng tiến hành quan trắc mẫu nước thải sau xử lý, qua các kết quả nhận thấy tất cả các thông số phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCĐP 01:2019/HY; K=1,2; K_{hy}=0,85).

(Kết quả phân tích được đính kèm tại phụ lục của báo cáo).

Nguồn tiếp nhận nước thải của Dự án là Kênh nhánh tiêu Ao Cả, hệ thống Trạm bơm Làng Ngà nằm tiếp giáp phía Tây của Công ty.

Kênh nhánh tiêu Ao Cả, hệ thống Trạm bơm Làng Ngà nằm tiếp giáp phía Tây của Công ty với chiều dài khoảng 1.800m, bề rộng khoảng 2m, lưu lượng khoảng 1,3m^3/s, kênh làm nhiệm vụ tiêu thoát nước cho khu vực xã Tân Minh, huyện Yên Mỹ sau đó thoát ra sông Điện Biên.

Qua theo dõi thực tế tại dự án thời gian qua cho thấy khu vực dự án không xảy ra tình trạng ngập úng, điều đó cho thấy khả năng tiêu thoát nước của khu vực tương đối tốt.

Do đó với lượng nước thải của dự án tối đa khoảng 15 m^3/ngày đêm của dự án đã được xử lý đạt QCĐP 01:2019/HY; K=1,2; K_{hy}=0,85 sẽ không ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước, chất lượng nước của Kênh nhánh tiêu Ao Cả, hệ thống Trạm bơm Làng Ngà nằm tiếp giáp phía Tây của Công ty.

**** Chất thải rắn***

Trong quá trình vận hành, Công ty có phát sinh một lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại từ hoạt động của các các bộ công nhân viên và các công đoạn sản xuất của Nhà máy.

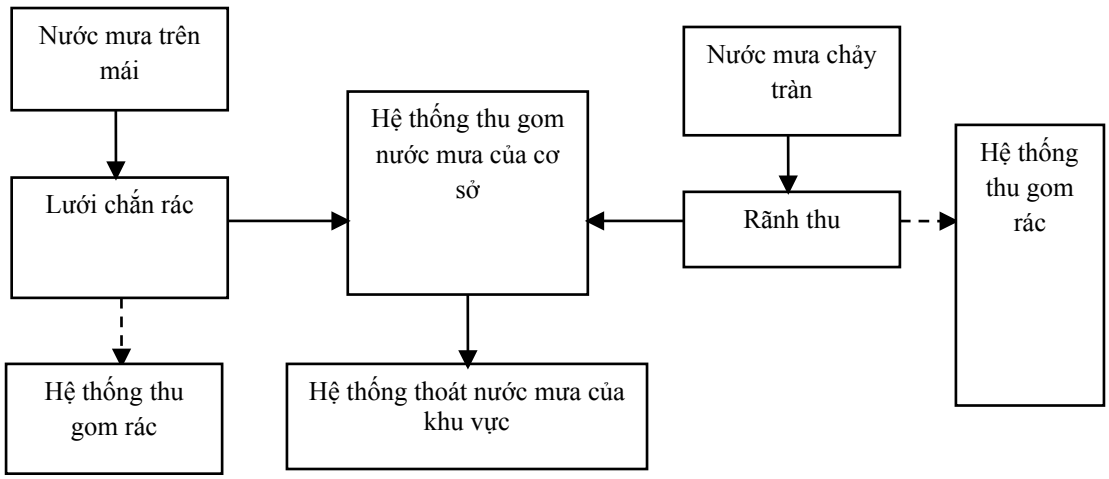
Tuy nhiên, công ty đã lập tổ vệ sinh môi trường tại nhà máy, hàng ngày đi quét dọn sạch sẽ các khu nhà làm việc, nhà xưởng, thực hiện thu gom, phân loại, lưu giữ toàn bộ khối lượng chất thải rắn phát sinh và ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển toàn bộ lượng chất thải rắn đi xử lý theo đúng quy định.

Chương III: *KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ*

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Cơ sở đã xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với nước thải. Nước mưa được thu gom về các hố ga sau khi qua song chắn rác nhờ hệ thống thoát nước mưa được thiết kế xung quanh nhà máy, nước mưa được đổ thẳng ra hệ thống thoát nước mặt chung của khu vực. Sơ đồ thu gom nước mưa của cơ sở được thể hiện như sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa

- Khu vực sân bãi được xây dựng có độ dốc cần thiết để thoát nước nhanh, tránh tình trạng ứ đọng nước mưa.

+ Đối với nước mưa trên các mái nhà của nhà máy được thu gom bằng hệ thống máng tôn bao quanh mái nhà và chảy vào đường ống dẫn kích thước Ø110 dẫn trực tiếp về hố ga để lắng sơ bộ trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Tổng chiều dài máng thu gom nước mưa trên mái là 600m.



Hình 3.2 : Hình ảnh hệ thống thoát nước mái tại cơ sở

+ Đối với nước mưa chảy tràn trên sân, đường tự chảy về hố ga, sau đó theo đường cống bê tông có kích thước Ø600 và Ø1.000 sau đó dẫn về phía Tây khu vực dự án rồi chảy tràn tự nhiên theo địa hình.

Trên hệ thống thu nước mưa, bố trí 35 hố ga, mỗi hố ga có thể tích khoảng 1,0m^3, khoảng cách giữa các hố ga lắng khoảng 30 mét, độ sâu rãnh ban đầu là 0,6m bố trí dọc theo hệ thống đường giao thông nội bộ.Trên miệng hố ga và trước miệng cống thoát nước bố trí song chắn rác tại các vị trí trên đường nước vào hố ga và trước cống thoát. Nước mưa trong nhà máy thoát ra hệ thống thoát nước mưa của khu vực.



Hình3.3: Hình ảnh hệ thống thoát nước mặt tại cơ sở

Tổng chiều dài tuyến thu gom nước mưa chảy tràn trên bề mặt của cơ sở là 1.000m. Số lượng cửa xả nước mưa của cơ sở là 01 cửa xả nằm về phía Tây khu đất thực hiện dự án.

Ngoài ra Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Định kỳ 1 tuần/lần kiểm tra, nạo vét hệ thống đường ống dẫn nước mưa. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời;

- Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho toàn hệ thống thoát nước mưa. Không để các loại rác thải, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước;

- Thực hiện tốt các công tác vệ sinh công cộng để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong nước mưa;

- Các khu vực chứa nguyên vật liệu ngoài trời phải được che chắn tốt để giảm thiểu bụi bẩn sẽ bị cuốn theo khi trời mưa;

- Cuối mỗi đường ống thoát nước mưa xây dựng bể lắng/hố ga để tách chất rắn lơ lửng trong nước mưa trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Dự án với tọa độ điểm xả nước mưa như sau: (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^{o}30'$, múi chiếu 3^{o}):

NM2: X(m):2.306.401 Y(m): 553.954

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải được tách riêng với hệ thống thu gom nước mưa.

***) Thu gom nước thải sinh hoạt từ nhà bếp:**

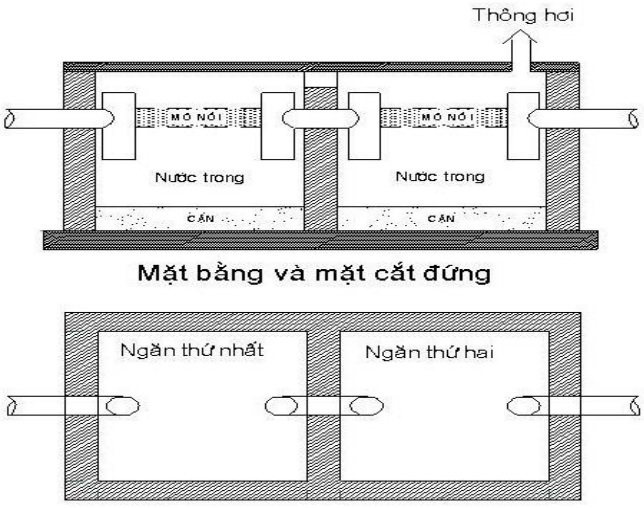


Hình 3. 4: Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà bếp

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà bếp được tách rác cơ học bằng cách cho qua song chắn rác để giữ lại những rác thải có kích thước lớn rồi đi vào bể tách dầu mỡ nhằm loại bỏ lượng dầu mỡ có trong nước thải.

Bể tách mỡ: Có nhiệm vụ tiếp nhận các nguồn nước thải phát sinh từ nhà bếp và tách các chất nổi trước khi bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

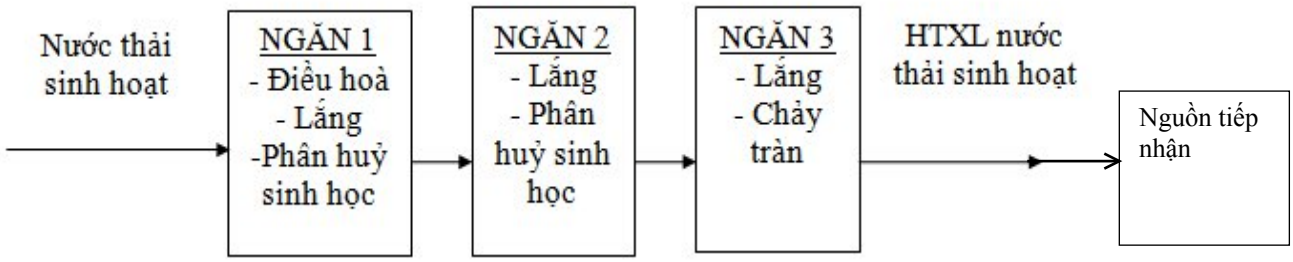
Nước thải từ khu vực bếp ăn sau khi xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ có thể tích S= 1,5*1,5*1,5 =3,375 m^3 dẫn vào đường ống HDPE D200 dài 350m chảy về hố ga chuyển bậc nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung.



Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo bể tách dầu mỡ

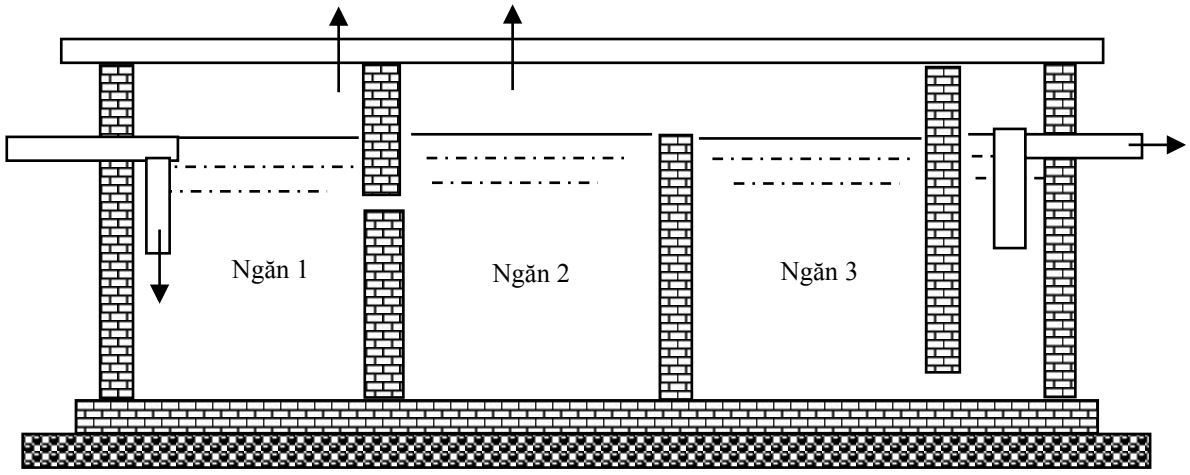
****) Thu gom nước thải từ các công trình nhà vệ sinh:***

Giải pháp xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của khu vệ sinh, rửa chân tay là sử dụng bể tự hoại 3 ngăn được trình bày theo sơ đồ sau:



Hình 3.6. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh

Bể tự hoại 3 ngăn: Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất bẩn hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, đồng thời cho phép tách riêng 2 pha(lên men axit và lên men kiềm). Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí có tác dụng làm sạch triệt để hơn nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của vật liệu lọc và ngăn cặn lơ lửng trôi ra theo nước. Định kỳ Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thông hút bể phốt.



Hình 3.7. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Nước thải từ nhà vệ sinh của cơ sở được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tại cơ sở bố trí 03 bể tự hoại: 01 bể tự hoại có thể tích 20 m^3 tại nhà vệ sinh khu nhà điều hành; 01 bể tự hoại có thể tích 20 m^3 tại nhà vệ sinh xưởng sản xuất; 01 bể tự hoại có thể tích 20 m^3 tại nhà vệ sinh khu điều hành trạm xử lý nước thải .

Nước thải từ nhà vệ sinh khu điều hành sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ được dẫn theo hệ thống đường ống thu gom nước thải HDPE D200 dài 250m đưa về hố ga chuyển bậc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước thải từ nhà vệ sinh xưởng sản xuất sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ được dẫn theo hệ thống đường ống thu gom nước thải HDPE D200 dài 450m đưa về hố ga chuyển bậc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước thải từ nhà vệ sinh khu điều hành trạm xử lý nước thải sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ được dẫn theo hệ thống đường ống thu gom nước thải HDPE D200 dài 20m đưa về hố ga chuyển bậc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả xử lý của bể tự hoại chủ dự án còn kết hợp một số biện pháp như:

- Định kỳ kiểm tra nạo vét hệ thống đường ống dẫn nước thải. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc để có kế hoạch sữa chữa, thay thế và nâng cấp kịp thời.

- Định kỳ (06 tháng/01 lần) bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình xử lý.

***1.3. Xử lý nước thải**:*

1.3.1. Nguồn phát sinh nước thải:

**) Nguồn phát sinh:*

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động rửa chân tay, vệ sinh và nấu ăn của công nhân tại cơ sở.

**) Lượng nước thải phát sinh:*

Nước thải sinh hoạt: Với lượng công nhân tối đa tại dự án là 140 người (cơ sở có hoạt động nấu ăn ca), với lượng nước cấp cho sinh hoạt tại chương I là 14 m^3/ngày đêm. Căn cứ theo Nghị định số 80/2014/NĐ - CP của Chính phủ Về thoát nước và xử lý nước thải, thì lượng nước thải sinh hoạt tính bằng 100% lượng nước cấp. Như vậy lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của công ty là 14 m^3/ngày đêm. Nguồn thải này phát sinh không lớn nhưng liên tục trong ngày, thành phần chủ yếu là các tạp chất, các hợp chất hữu cơ hoà tan, vi sinh vật… Vì vậy, cần phải thu gom và xử lý triệt để nguồn nước thải này đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường tiếp nhận. Đồng thời sẽ gây nên mùi hôi thối khó chịu, tạo ra các ổ vi khuẩn gây bệnh, tạo điều kiện để ruồi, muỗi phát triển là nguyên nhân tiềm tàng gây nên dịch bệnh cho con người.

1.3.2. Quy trình công nghệ xử lý:

Cơ sở đã xây dựng hoàn thiện và đi vào vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15m^3/ngày đêm đảm bảo hệ thống vận hành an toàn với lượng nước thải cần xử lý thực tế bằng 93% công suất tối đa, đồng thời dự phòng trường hợp phát sinh thêm. Mục tiêu xử lý nước thải phát sinh của dự án

đạt QCĐP 01:2019/HY (K=1,2; K_{hy} = 0,85) trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

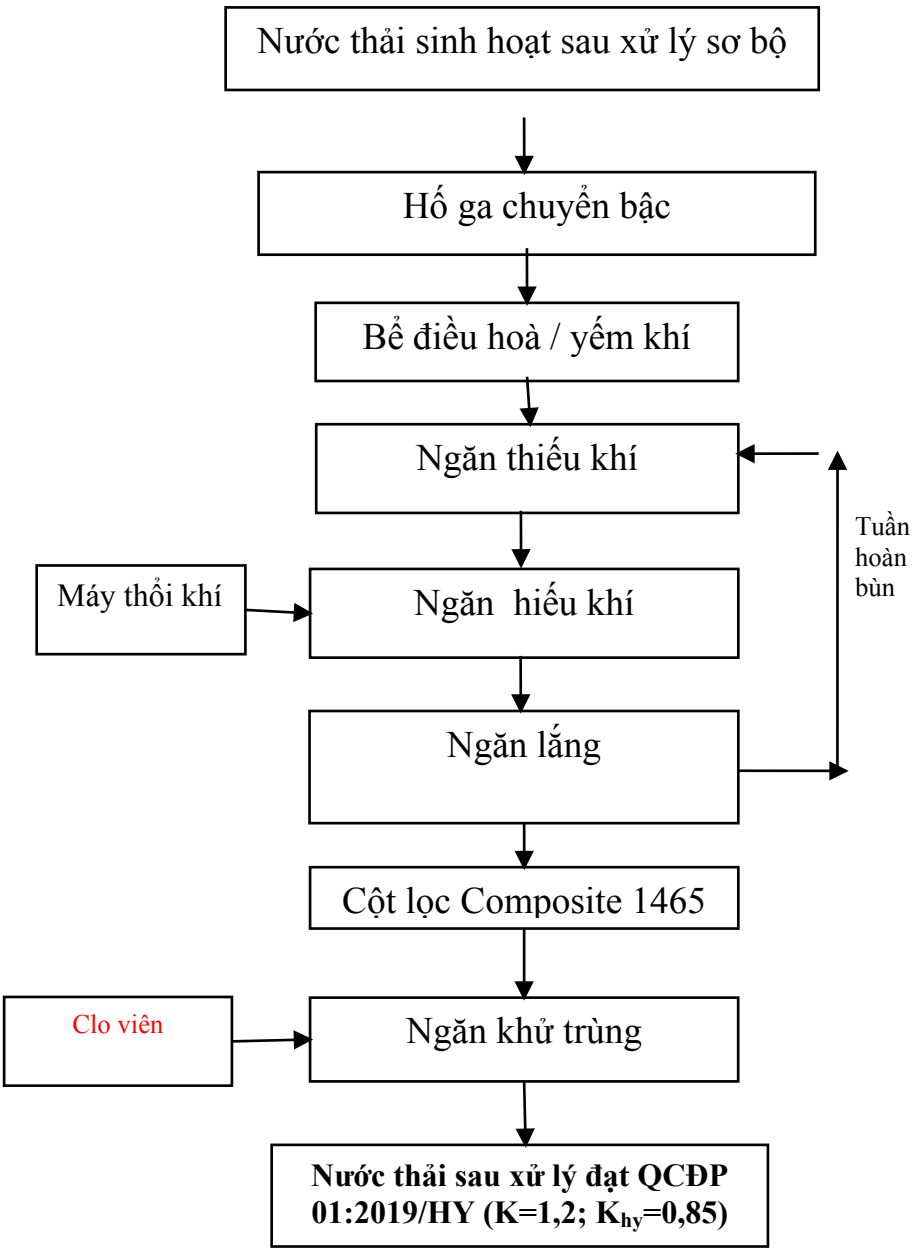
Đơn vị đầu tư và giám sát: Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm

Đơn vị thiết kế và thi công: Công ty TNHH công nghệ môi trường và xây dựng Đại Thành

Hệ thống xử lý nước thải với công suất 15m^3/ngày đêm.

Chế độ vận hành**:** vận hành liên tục (24 giờ/ngày).

Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý:



Hình 3.8. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy

Thuyết minh quy trình xử lý:

Nước thải được phân các nguồn khác nhau và được thu về hố ga chuyển bậc rồi được bơm dẫn sang bể điều hòa/yếm khí của hệ thống xử lý nước thải.

•*Hố ga chuyển bậc*

Nước thải từ các nguồn sẽ được thu vào hố ga chuyển bậc trước khi chảy qua bể điều hòa/yếm khí. Sau đó dòng nước thải ổn định lưu lượng và nồng độ các chất sẽ được đưa lên module để thực hiện các quy trình xử lý tiếp theo.

- *Bể điều hòa/ yếm khí*

Nước thải sẽ được điều chỉnh pH đảm bảo duy trì 6,6 – 7,6, đảm bảo tốt cho quá trình phát triển của vi sinh vật yếm khí và sẽ được thông qua đường ống cấp toàn bộ lượng nước thải vào ngăn yếm khí với vận tốc từ 0,6 – 0,9m.
Hỗn hợp bùn và nước thải sẽ được tiếp xúc nhau và phát triển sinh khối bằng cách vi sinh vật sử dụng các chất ô nhiễm, tạo thành 70% – 80% CH_4. Lượng khí metan này sẽ được bám dính vào bùn và cùng với khí tự do nổi lên trên bề mặt. Bùn sau đó sẽ được lắng xuống do tách hoàn toàn khí.

- *Ngăn thiếu khí (Anoxic)*

Ngăn thiếu khí Anoxic được sử dụng nhằm khử nitơ từ sự chuyển hóa nitrate thành nitơ tự do. Lượng nitrate này được tuần hoàn từ lượng bùn tuần hoàn từ ngăn lắng và lượng nước thải từ bể Aerotank (đặt sau bể thiếu khí). Nước thải sau khi khử nitơ sẽ tiếp tục tự chảy vào ngăn hiếu khí kết hợp nitrate hóa.

Thông số quan trọng ảnh hưởng tới hiệu quả khử nitơ là (1) thời gian lưu nước của bể thiếu khí; (2) nồng độ vi sinh trong bể; (3) tốc độ tuần hoàn nước và bùn từ Ngăn hiếu khí và Ngăn lắng; (4) nồng độ chất hữu cơ phân hủy sinh học (5) phần nồng độ chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học; (6) nhiệt độ. Trong các thông số trên, phần nồng độ chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học đóng vai trò cực kì quan trọng trong việc khử nitơ. Nghiên cứu cho thấy nước thải cùng một nồng độ hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học (rbCOD) nhưng khác về thành phần nồng độ chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học (rbCOD). Trường hợp nào có rbCOD càng cao, tốc độ khử nitơ càng cao.

Hai hệ enzyme tham gia vào quá trình khử nitrate:

Å Đồng hóa (assimilatory): NO_3^-‡ NH_3, tổng hợp tế bào, khi N-NO_3^- là dạng nitơ duy nhất tồn tại trong môi trường.

Ç Dị hóa (dissimilatory) ‡ quá trình khử nitrate trong nước thải.

+ Quá trình đồng hóa:

$3NO_3^- + 14CH_3OH + CO_2 + 3H^+ ‡ 3C_5H_7O_2N + H_2O$

+ Quá trình dị hóa:

Bước 1: $6NO_3^- + 2CH_3OH ‡ 6NO_2^- + 2CO_2 + 4H_2O$

Bước 2: $2NO_2^- + 3CH_3OH ‡ 3N_2 + 3CO_2 + 3H_2O + 6OH^-$

$6NO_3^- + 5CH_3OH ‡ 5CO_2 + 3N_2 + 7H_2O + 6OH^-$

+ Tổng quá trình khử nitrate:

$NO_3^- + 1,08CH_3OH + H^+ ‡ 0,065C_5H_7O_2N + 0,47N_2 + 0,76CO_2 + 2,44H_2O$

Ngăn thiếu khí được khuấy trộn bằng máy khuấy nhằm giữ bùn ở trạng thái lơ lửng và nhằm tạo sự tiếp xúc giữa nguồn thức ăn và vi sinh. Hoàn toàn không được cung cấp oxy cho bể này vì oxy có thể gây ức chế cho vi sinh khử nitrate.

- *Ngăn hiếu khí (Aerotank)*

Ngăn Aerotank sử dụng các vi sinh vật hiếu khí để phân hủy các chất hữu cơ thích hợp có trong nước thải trong điều kiện được cung cấp oxy liên tục.

Công trình xử lý sinh học tiếp theo là ngăn Aerotank kết hợp nitrate hóa. Mục đích của bể này là (1) giảm nồng độ các chất hữu cơ thông qua hoạt động của vi sinh tự dưỡng hiếu khí; (2) thực hiện quá trình nitrate hóa nhằm tạo ra lượng nitrate cho hệ thống thiếu khí phía trước thông qua nhóm vi sinh vật Nitrosomonas và Nitrobacter. Máy thổi khí được vận hành liên tục nhằm cung cấp oxy cho cả hai nhóm vi sinh vật hiếu khí này hoạt động. Đối với quần thể vi sinh vật tự dưỡng hiếu khí, trong điều kiện thổi khí liên tục, quần thể vi sinh vật này sẽ phân hủy các hợp chất hữu cơ có trong nước thải thành các hợp chất vô cơ đơn giản như CO_2 và H_2O theo 3 giai đoạn:

Oxy hóa các chất hữu cơ:

$C_xH_yO_z + O_2 \xrightarrow{\text{Enzyme}} CO_2 + H_2O + \Delta H$

Tổng hợp tế bào mới:

$C_xH_yO_z + NH_3 + O_2 \xrightarrow{\text{Enzyme}}$ Tế bào vi khuẩn $+ CO_2 + H_2O + C_5H_7NO_2 - \Delta H$

Phân hủy nội bào:

$C_5H_7NO_2 + 5O_2 \xrightarrow{\text{Enzyme}} CO_2 + 2H_2O + NH_3 \pm \Delta H$

Theo các giai đoạn trên, vi sinh vật hiếu khí không chỉ oxy hóa các chất hữu cơ trong nước thải tạo thành những hợp chất vô cơ đơn giản mà còn tổng hợp phospho và nitơ nhằm tổng hợp, duy trì tế bào và vận chuyển năng lượng

cho quá trình trao đổi chất của chúng. Đây là giai đoạn mang tính ưu tiên hơn so với giai đoạn nitrate hóa của nhóm vi sinh vật Nitrosomonas và Nitrobacter. Do vậy giai đoạn xử lý các chất hữu cơ sẽ được ưu tiên xảy ra trước bởi nhóm vi sinh vật tự dưỡng. Tuy nhiên lượng chất hữu cơ không phải được xử lý triệt để mà còn một lượng dư cho nhóm vi sinh nitrate hóa sử dụng để chuyển hóa nitrate. Dưới tác dụng của Nitrosomonas và Nitrobacter, quá trình nitrate hóa xảy ra theo các phương trình phản ứng sau đây:

$NH_3 + 3/2O_2 \ddagger NO_2^- + H^+ + H_2O$ + sinh khối : Nitrosomonas

$NO_2^- + ½O_2 \ddagger NO_3^-$ + sinh khối : Nitrobacter

Trong bể bùn hoạt tính hiếu khí với vi sinh vật sinh trưởng dạng lơ lửng kết hợp nitrate hóa, quá trình phân hủy xảy ra khi nước thải tiếp xúc với bùn trong điều kiện sục khí liên tục. Việc sục khí nhằm đảm bảo các yêu cầu cung cấp đủ lượng oxy một cách liên tục và duy trì bùn hoạt tính ở trạng thái lơ lửng. Tốc độ sử dụng oxy hòa tan trong bể bùn hoạt tính phụ thuộc vào:

- Tỷ số giữa lượng thức ăn (chất hữu cơ có trong nước thải) và lượng vi sinh vật: tỷ lệ F/M;
- Nhiệt độ;
- Tốc độ sinh trưởng và hoạt động sinh lý của vi sinh vật;
- Nồng độ sản phẩm độc tích tụ trong quá trình trao đổi chất;
- Lượng các chất cấu tạo tế bào;
- Hàm lượng oxy hòa tan;
- NH_4^+ và NO_2^-;
- BOD_5/TKN; pH và độ kiềm.

Các vi sinh vật này sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải và thu năng lượng để chuyển hóa thành tế bào mới, chỉ một phần chất hữu cơ bị oxy hóa hoàn toàn thành CO_2, H_2O, NO_3^-, SO_4^{2-},… Một cách tổng quát, vi sinh vật tồn tại trong hệ thống bùn hoạt tính bao gồm Pseudomonas, Zoogloea, Achromobacter, Flacobacterium, Nocardia, Bdellovibrio, Mycobacterium, và hai loại vi khuẩn nitrate hóa Nitrosomonas và Nitrobacter.

Thêm vào đó, nhiều loại vi khuẩn dạng sợi như Sphaerotilus, Beggiatoa, Thiothrix, Lecicothrix, và Geotrichum cũng tồn tại.

Nước thải sau khi ra khỏi bể Aerotank, một phần nước thải sẽ được bơm chìm tuần hoàn về ngăn Anoxic để thực hiện quá trình khử Nitrate.

- *Ngăn lắng*

Tại đây, xảy ra quá trình lắng tách pha và giữ lại phần bùn (vi sinh vật). Tại ngăn lắng, hỗn hợp nước thải cùng bùn được dẫn vào ống trung tâm, di chuyển từ trên xuống dưới đáy bể. Trong quá trình di chuyển, các bông bùn do va chạm vào tấm chắn của ống trung tâm, bị mất lực và rơi xuống đáy bể. Phần nước trong lan tỏa ra hai bên và dâng lên thành bể. Phần bùn lắng này sẽ được bơm bùn tuần hoàn về ngăn Anoxic nhằm duy trì nồng độ vi sinh vật.

- *Cột lọc Composite 1645*

Nước sau quá trình lắng sẽ chảy lên cột lọc Composite 1465, lớp cặn lơ lửng sẽ được giữ lại trên bề mặt. Phần nước sạch sẽ được thẩm thấu qua lớp vật liệu lọc (cát, than, sỏi,..)và dẫn về ngăn khử trùng.

- *Ngăn khử trùng*

Tại đây, nước được khử trùng bằng Clo. Quá trình tiêu diệt vi sinh vật xảy ra qua hai giai đoạn. Đầu tiên hóa chất khử trùng khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh, sau đó phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến sự diệt vong của tế bào vi sinh.

Bùn hoạt tính: Phần lớn lượng bùn hoạt tính được bơm sang về bể thiếu khí theo đường bùn tuần hoàn, nhằm cung cấp bùn hoạt tính bổ sung vi sinh vật, tăng hiệu quả của quá trình xử lý Amoni, Phốt pho. Phần bùn dư còn lại được tách đưa đi xử lý.

Nước thải sau khi qua Bể khử trùng đảm bảo nước thải đạt QCĐP 01:2019/HY (K=1,2; K_{hy} = 0,85) Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt. Công suất xử lý tối đa: 15 m^3/ ngày, đêm.

Bảng danh mục kích thước các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải nước thải tập trung công suất 15 m^3/ngày đêm.

Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

TT	Các hạng mục	Đặc tính
1	Hố ga chuyển bậc	- Số lượng: 01 bể - Đáy và nắp bằng bê tông cốt thép, thành và tường ngăn xây gạch chỉ
2	Bể gom điều hòa/yếm khí	- Số lượng: 01 bể - Đáy và nắp bằng bê tông cốt thép, thành và tường ngăn xây gạch chỉ - Thể tích thực V =4,5*2*2= 18 m^3
3	Ngăn thiếu khí	- Số lượng: 01 bể

TT	Các hạng mục	Đặc tính
		- Vật liệu: Composite - Thể tích thực V = 2*1*2= 4 m^3
4	Ngăn hiếu khí	- Số lượng: 01 ngăn - Vật liệu: Composite - Trên bể bố trí 01 máy thổi khí cùng hệ thống phân phối khí - Thể tích thực V = 2x 2x 2= 8 m^3
5	Ngăn lắng	- Số lượng: 01 ngăn - Vật liệu: Composite Trong bể bố trí 02 máy bơm nước thải đặt chìm - Thể tích: V=2x 1x 2= 4 m^3
6	Cột lọc Composite 1465	- Số lượng: 01 cột. - Vật liệu: inox bọc composite đường kính 350mmm
7	Ngăn khử trùng	- Số lượng: 01 ngăn - Vật liệu: Composite - Thể tích: V=2 x 1x 2= 4 m^3

****) Hóa chất sử dụng cho hệ thống***

Danh mục hóa chất sử dụng cho hệ thống cụ thể như sau:

Bảng 3. 2. Hóa chất cấp cho HTXLNT sinh hoạt công suất 15 m^3/ngày đêm

TT	Loại hóa chất	Thời gian	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	Clo viên	1 tháng	5kg	Ngăn khử trùng

- Chế độ vận hành: Liên tục 24h.

Hồ sơ bản vẽ hoàn công đối với công trình xử lý nước thải được đính kèm tại phần phụ lục của báo cáo.

Hình ảnh công trình HTXL nước thải tại cơ sở:



Hình 3.9 : Hệ thống XLNTSH tập trung công suất 15 m3/ngày của cơ sở

**** Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải***:

Nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án sau khi xử lý đảm bảo QCĐP 01:2019/HY (K=1,2; K_{hy} = 0,85) theo đường ống uPVC 110 dài 15m thoát ra hệ thống thoát nước nằm phía Tây khu đất thực hiện dự án có tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0$30’, múi chiếu 3^0

X(m): 2.306.471; Y(m): 553.915

Phương thức xả thải: tự chảy.

Chế độ xả thải: Liên tục.

Đường ống xả nước thải của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm làm bằng vật liệu uPVC có đường kính 110mm, cao hơn mặt nước khoảng 50cm, dễ giám sát và có thể lấy mẫu bất kỳ thời điểm nào. Công ty cũng đã gắn biển chỉ dẫn vị trí xả nước thải với đầy đủ thông tin công ty, toạ độ, chế độ xả thải ở cả 02 mặt trên tường rào của công ty.

2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải

Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm không phát sinh bụi, khí thải phải xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường. Tuy nhiên nhằm hạn chế tác động của dự án ra môi trường bên ngoài, Công ty đã thực hiện một số biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải cụ thể như sau:

**** Biện pháp phòng ngừa tác động xấu đến môi trường không khí***

- Lập kế hoạch điều động các xe ô tô vận chuyển hàng hóa ra vào trong khu vực dự án một cách hợp lý, khoa học.

- Trồng nhiều cây xanh có tán lớn gần khu vực vận chuyển hàng hóa để giảm thiểu bụi.

- Không chở hàng hóa vượt quá tải trọng của xe ôtô.

- Không sử dụng các phương tiện vận tải cũ nát, quá thời hạn lưu hành.

- Nhà máy áp dụng chế độ kiểm tra, bão dưỡng và duy tu máy móc định kỳ theo đúng yêu cầu công nghệ, đảm bảo hiệu suất làm việc cao của máy móc thiết bị, giảm thiểu phế phẩm và chất thải.

Thường xuyên tưới rửa sân đường nội bộ và vệ sinh quét dọn các khu vực bốc. dỡ hàng hóa, kho nguyên liệu để giảm lượng cát bụi bị xe cuốn theo.

- Sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường.

- Khu vực bếp ăn của Nhà máy sẽ lắp đặt chụp hút và thiết bị khử mùi.

- Khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt sẽ thường xuyên được vận chuyển đi xử lý, tránh không phát sinh mùi khó chịu ảnh hưởng đến chất lượng không gian khu vực dự án.

- Chủ dự án sẽ tăng cường trồng cây xanh che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, bụi phát tán ra ngoài môi trường. Cây xanh có tác dụng che nắng, giảm bức xạ nhiệt, hút bụi và giữ bụi, lọc sạch không khí, giảm bức xạ phản xạ, giảm nhiệt độ của không khí, hấp thụ tiếng ồn. Sóng âm truyền qua các dải cây xanh sẽ bị suy giảm năng lượng, mức độ cường độ âm thanh nhiều hay ít phụ thuộc mật độ lá cây, kiểu lá và kích thước của cây xanh cũng như chiều rộng của dải đất trồng cây. Dự án sẽ bố trí trồng hệ thống cây xanh dọc xung quanh nhà máy và khuôn viên phía trước nhà máy cụ thể như sau:

**** Giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm:***

Để giảm nồng độ bụi, tác động của khí thải và tạo không khí trong lành trong phạm vi doanh nghiệp, một số biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

+ Các xe vận chuyển được che đậy kín, đảm bảo không phát tán bụi vào môi trường không khí;

+ Các xe phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động;

+ Thiết bị và máy móc cơ khí được bảo trì thường xuyên.

**** Bụi phát sinh từ xưởng sản xuất:***

Để giảm thiểu tối đa tác động của bụi phát sinh từ xưởng lắp ráp, cũng như sức khỏe người lao động thì chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu sau:

+ Lắp đặt hệ thống thông thoáng nhà xưởng tạo môi trường làm việc thông thoáng.

+ Dọn dẹp sạch sẽ khu vực thực hiện công đoạn này sau mỗi ca sản xuất;

+ Định kỳ thu gom lượng bụi, vụn kim loại lắng đọng tại khu vực gia công, khoan, uốn, cắt rồi vận chuyển về khu lưu giữ chất thải.

+ Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho cán bộ công nhân viên làm việc trong công ty.

+ Công ty sẽ tiến hành trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trực tiếp trong xưởng sản xuất, xưởng cơ khí.

+ Thường xuyên quét dọn thu hồi bụi sau mỗi ca sản xuất.

**** Biện pháp thu hồi bụi bông từ các công đoạn sản xuất***

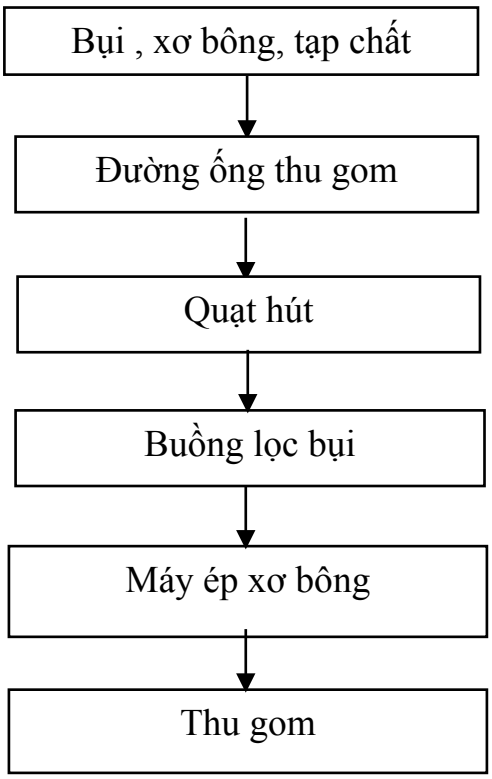
Quá trình sản xuất sợi chải thô compact và sợi chải kỹ compact sử dụng thiết bị thu hồi bụi bông đi kèm với thiết bị bao gồm hai nhóm thiết bị:

+Hệ thống gom, thu hồi bụi và xơ bông : kèm theo dây máy bông, máy chải thỏ, máy cuộn củi và máy chải kỹ.

+ Thiết bị hút thổi gom bụi di động kèm máy kéo sợi thô, máy kéo sợi con, máy đánh ống.

** Hệ thống gom, thu hồi bụi và xơ bông:*

Đây là hệ thống được nối liền trực tiếp với các hệ thống máy: dây máy bông, máy chải thô, máy cuộn cúi và máy chải kỹ. Công nghệ thu gom và xử lý được minh họa qua sơ đồ sau:



Hình 3.10. Sơ đồ hệ thống gom, thu hồi bụi và xơ bông từ dây máy bông, máy chải thô, máy cuộn cúi và máy chải kỹ

Thuyết minh nguyên lý hoạt động và phương án bố trí hệ thống:

Nguyên lý thu hồi bụi và xơ bông tại các đầu dây máy bông, máy chải thô, máy cuộn cúi và máy chải kỹ như sau: Bụi, các tạp chất, bông xơ không đạt tiêu chuẩn được thải loại trong buồng làm việc của các máy được kết nối trực tiếp với hệ thống các đường ống dẫn giúp vận chuyển thu hồi bụi và xơ bông đưa vào buồng lọc bụi nhờ lực hút của quạt hút ly tâm. Phần lớn xơ bông và tạp chất được giữ lại trong buồng lọc. Khí sạch sẽ đi qua các túi lọc có cấu tạo bằng vải lông dạng tổ ong có tác dụng giữ lại bụi và xơ bông bám lên thành túi. Bụi và xơ bông, tạp chất trong bông sẽ được quạt hút đẩy vào máy ép xơ bông để ép thành kiện, một phần để tái sản xuất, một phần để chuyển giao cho đơn vị có đủ điều kiện tái chế. .

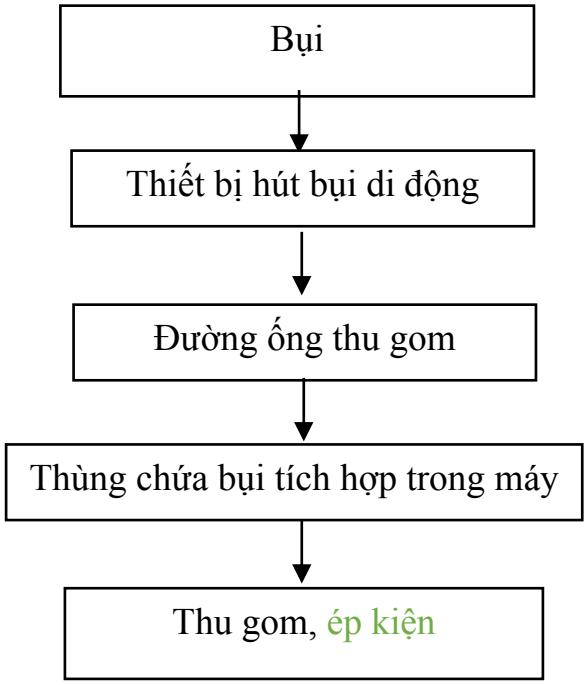
+ Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý như sau:

- Quạt hút sử dụng có công suất 45 kW, lưu lượng gió: 50.000 m3/h.
- Số lượng túi lọc: 20 túi, kích thước 150mm x1500 mm.



Hình 3.11: Hình ảnh hệ thống gom, thu hồi bụi, xơ bông

***)** *Thiết bị hút bụi di động kèm theo máy kéo sợi thô, máy kéo sợi con, máy đánh ống :* Có nhiệm vụ làm sạch cục bộ tại vị trí hoạt động của các máy này. Công nghệ thu gom và xử lý được minh họa qua sơ đồ sau:



Hình 3.12. Sơ đồ công nghệ thiết bị hút bụi di động kèm máy kéo sợi thô, máy kéo sợi con và máy đánh ống

Nguyên lý hoạt động:

Các thiết bị hút bụi di động được lắp đặt chạy dọc theo chiều dài máy cần vệ sinh (máy kéo sợi thô, máy kéo sợi con, máy đánh ống). Tại đây, bụi bông phát sinh tại các máy sản xuất sẽ được hút vào thiết bị hút bụi di động qua các ống hút thổi. Từ thiết bị hút bụi di động, bụi bông sẽ dẫn theo đường ống thu gom tập trung tại thùng gom bụi được bố trí phía cuối của máy sản xuất. Bụi sẽ được đưa vào máy ép bông để ép thành kiện..

Dự án sử dụng 3 thiết bị hút bụi di động đi kèm máy sản xuất tương ứng với máy kéo sợi thô, máy kéo sợi con, máy đánh ống, có công suất : 2,2 kW/1 thiết bị.



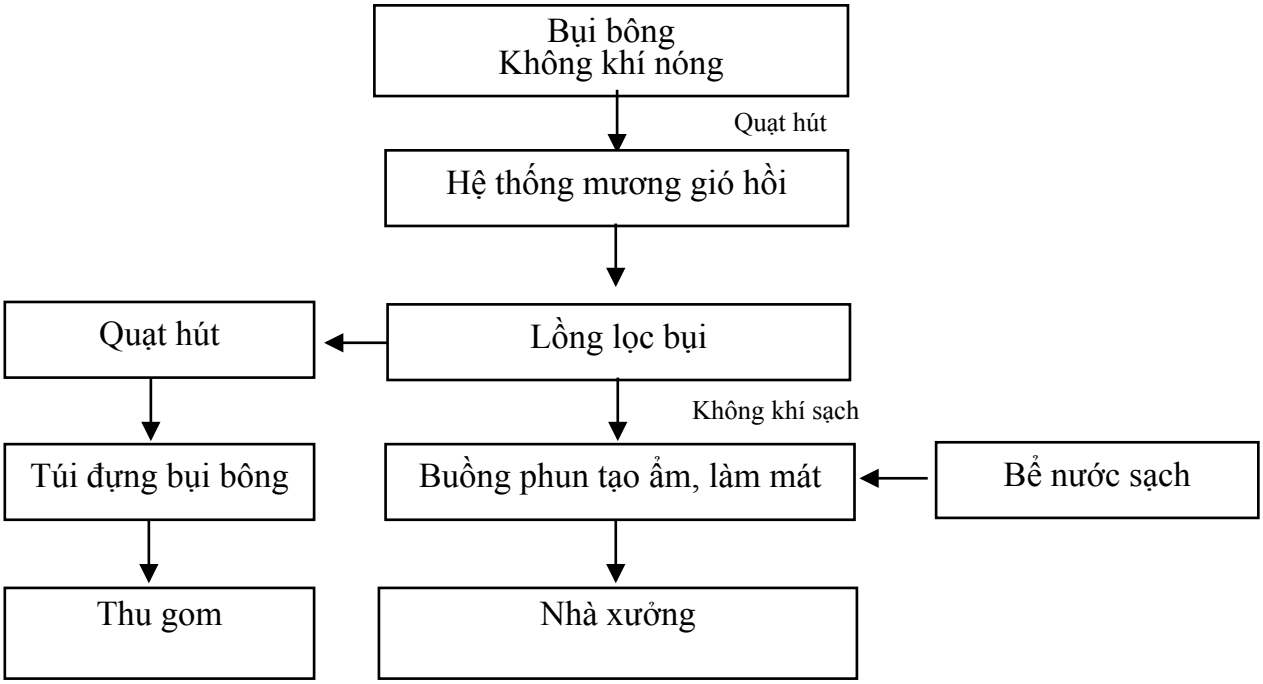
Hình 3.13: Hình ảnh thiết bị hút thổi gom bụi di động

**** Biện pháp cải thiện môi trường lao động cho công nhân:***

Ngoài ra, để đảm bảo thu hồi bụi bông triệt để, đồng thời để đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm và môi trường làm việc của công nhân sản xuất chủ dự án sẽ tiến hành lắp đặt hệ thống điều không lọc bụi để điều hòa không khí và lọc, loại bỏ triệt để bụi, bụi bông trong không khí nhà xưởng. Hệ thống điều không bao gồm hệ thống các mương gió hồi được xây dựng ngầm dưới nền nhà xưởng, hệ thống này chạy dọc theo chiều dài xưởng máy với nhiệm vụ hút và gom bụi bông cũng như lượng khí nóng trong khoang máy. Hệ thống buồng phun với

nhiệm vụ phun nước thành các tia nhỏ giúp làm ẩm và giảm nhiệt độ của không khí trước khi đưa khí trở lại vào gian nhà xưởng.

Sơ đồ nguyên lý vận hành hệ thống điều không lọc bụi như sau:



Hình 3.14. Sơ đồ công nghệ hệ thống điều không lọc bụi

Thuyết minh nguyên lý hoạt động:

- Khí nóng và bụi bông trong nhà xưởng được hút về hệ thống mương gió hồi qua các miệng hút bụi bông nằm dọc theo chiều dài xưởng máy;

- Hệ thống mương gió hồi là hệ thống các mương ngầm được xây dựng dưới nền xưởng, có tác dụng dẫn hướng cho luồng khí hồi đến các lồng lọc bụi;

- Các quạt gió hồi tạo áp suất hút để hút các bụi bông vào mương gió;

- Bụi bông sau khi qua mương gió hồi sẽ đi vào các lồng lọc bụi, tại đây các bụi bông cỡ lớn sẽ được giữ lại;

- Bụi bông tại lồng lọc bụi sẽ được thu gom bằng các ống hút gom bụi và được tập trung lại tại các túi đựng;

- Sau mỗi ca làm việc, công nhân vệ sinh sẽ thu gom bụi bông ở túi đựng bụi và để vào khu lưu giữ tạm thời chất thải rắn chờ xử lý;

- Phần không khí sau khi qua lồng lọc bụi đã tương đối sạch, được tiếp tục di chuyển tới các buồng phun, tại đây các tia nước sẽ được phun dạng sương giúp loại bỏ các bụi bông tinh còn sót lại, tạo ẩm cho không khí và làm mát. Để tạo được các tia nước cực nhỏ cần các máy bơm và bép phun nước với hiệu suất làm việc lớn;

- Ngoài phần khí được lấy tại nhà xưởng, còn lấy thêm 1 lượng khí ngoài môi trường qua các cánh cửa chớp;

- Sau khi được lọc sạch bụi, làm mát và tạo ẩm, không khi đã hoàn toàn đủ tiêu chuẩn để tiếp tục quay trở lại lưu thông. Không khí được đi qua các quạt thổi để tạo thêm lực đẩy;

- Khí sạch được quay trở lại nhà xưởng bởi các đường cấp khí vào phân bố khắp toàn bộ gian máy.

** Đánh giá hiệu quả xử lý*: Hiệu suất lọc bụi của thiết bị cao, không khí khi qua - hệ thống điều không được làm mát và lọc sạch, giảm nhiệt độ, hàm lượng ôxy tăng đồng thời được bù ẩm, tạo môi trường làm việc lý tưởng giúp tăng năng suất lao động và đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

** Phương án lắp đặt*

Hệ thống được xây dựng ngầm dưới nền nhà xưởng, hệ thống này chạy dọc theo chiều dài xưởng máy với nhiệm vụ hút và gom bụi bông cũng như lượng khí nóng trong khoang máy nhờ các quạt hút. Vì cả hệ thống nhà xưởng sản xuất có rất nhiều các công đoạn với diện tích rất rộng nên hệ thống điều không được chia thành 3 buồng điều không hoạt động độc lập:

- Buồng điều không ĐK1: với lưu lượng không khí lưu động dự kiến là 376.000m/h, dành cho buồng bông, chải thô, ghép sơ bộ, ghép tự động làm đều, cuộn cúi, chải kỹ và khu vực máy kéo sợi thô. Bể nước sạch kèm theo buồng điều không sử dụng có dung tích khoảng 25m. Bơm công suất 0,15kW/220V/50Hz.

- Buồng điều không ĐK2: với lưu lượng không khí lưu động dự kiến là 710.000m/h, dành cho khu vực máy sợi con. Bể nước sạch kèm theo buồng điều không sử dụng có dung tích khoảng 30 m. Bơm công suất 0,15kW/220V/50Hz.

- Buồng điều không ĐK3: với lưu lượng không khí lưu động dự kiến là 136.000m/h, dành cho khu vực máy đánh ống. Bể nước sạch kèm theo buồng điều không sử dụng có dung tích khoảng 20m. Bơm công suất 0,15kW/220V/50Hz.

+ Để tạo áp suất hút bụi bông hệ thống được lắp đặt các quạt hút với công suất lớn cũng như quạt thổi để trả lại khi vào gian máy. Toàn bộ hệ thống điều không sẽ sử dụng khoảng 10 quạt hút, với công suất trung bình của mỗi quạt hút là 15 kW/380V/50Hz; 15 quạt thổi với công suất của mỗi quạt thổi là 15 kW/380V/50Hz và tất cả các quạt hút, quạt thổi đều được trang bị biến tần.



Hình 3.15: Hình ảnh khe thu bụi bằng quạt hút bố trí quanh xưởng sản xuất



Hình3.16: Hình ảnh lồng lọc bụi của hệ thống điều không

+ Ngoài hệ thống quạt hút là các lồng lọc bụi giúp lọc sạch các bụi bông có trong không khí.

* Ngoài ra chủ dự án còn áp dụng một số biện pháp giảm thiểu tác động do bụi bông của nhà máy như sau:

+ Tiến hành trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trực tiếp trong xưởng sản xuất.

+ Thường xuyên quét dọn thu hồi bụi sau mỗi ca sản xuất.

Ngoài những biện pháp kỹ thuật như đã trình bày ở trên, các nguồn gây ô nhiễm không khí sẽ được giảm thiểu đáng kể nếu quản lý tốt các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, do đó cần chú ý vào các vấn đề sau:

- Thường xuyên bảo trì và quản lý các máy móc thiết bị và các hệ thống phụ trợ;

- Bố trí, cách ly hợp lý khu vực gây ô nhiễm nặng. Trên toàn phân xưởng có bố trí các chụp hút trên trần mái và quạt để hút hơi ẩm, nhiệt thừa, kết hợp với hút các hơi khí nóng ra khỏi khu vực sản xuất.

) Biện pháp xử lý khí thải từ máy phát điện dự phòng

Máy phát điện dự phòng được đặt tại 01 khu vực riêng biệt cách xa khu vực văn phòng, nhà xưởng, có lắp đặt đệm cao su cho các chân máy để chống rung. Ống khói máy thiết kế đi cao khỏi các công trình lân cận bảo đảm yêu cầu môi trường.

) Các biện pháp giảm thiểu mùi hôi thối từ khu lưu giữ rác thải

- Điểm tập kết rác được bố trí ở vị trí thông thoáng và ngăn cách với khu vực khác và được vệ sinh ngay sau khi thu gom rác.

- Các nắp cống, hố ga được đậy kín để tránh phát tán mùi hôi.

- Xung quanh khu lưu giữ rác thải sẽ được trồng cây xanh để cải thiện vi khí hậu

3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường

Việc quản lý chất thải tại Dự án được tuân thủ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường**.**

3.1 Chất thải sinh hoạt:

Chất thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình ăn uống của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án chủ yếu gồm rau củ quả, cơm thừa, canh thừa, bao gói thức ăn v.v…do công nhân sử dụng hàng ngày. Thành phần rác thải sinh hoạt chủ yếu là hàm lượng các chất hữu cơ dễ phân hủy. Đây là môi trường thuận lợi để các vật mang mầm bệnh sinh sôi, phát triển như ruồi, muỗi, chuột... ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiếp xúc trực tiếp với nguồn ô nhiễm này. Ngoài ra, nếu không có biện pháp quản lý tốt sẽ gây mất mỹ quan khu vực và khi mưa nước mưa chảy tràn sẽ cuốn theo các chất ô nhiễm, thấm vào đất làm ảnh hưởng tới môi trường đất, chảy vào nước làm suy giảm chất lượng môi trường nước và ảnh hưởng tới đời sống của động vật và các sinh vật sống trong nước. Quá trình phân hủy các chất hữu cơ còn làm phát sinh ra mùi hôi thối, ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh khu vực. Do đó cần phải có biện pháp quản lý và xử lý hiệu quả và phù hợp.

Lấy tiêu chuẩn xả rác là 0,5 kg/người/ngày thì với số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án khi dự án đi vào hoạt động ổn định là 140 người thì lượng CTRSH phát sinh được tính như sau:

Q = N x 0,5 (kg/ngày)

Trong đó:

Q: Tổng lượng CTRSH phát sinh

N: Tổng số công nhân

Vậy lượng rác thải sinh hoạt phát sinh khi dự án đi vào hoạt động ổn định

vào khoảng 70kg/ngày tương đương với 21tấn/năm. CTRSH chủ yếu là các chất hữu cơ (chiếm 55 – 70 %), là nơi lý tưởng cho sự sinh sôi và phát triển của các loài sinh vật gây bệnh truyền nhiễm như ruồi, muỗi. Nếu lượng rác thải sinh hoạt không được thu gom, xử lý thì các chất hữu cơ sẽ phân huỷ và tạo mùi khó chịu, các khí CH_4, CO_2, H_2S, Hyđrocacbua sẽ ảnh hưởng đến môi trường không khí, đất và nước.

- Biện pháp lưu giữ, xử lý:

Công ty đã thành lập đội vệ sinh môi trường để thu gom toàn bộ chất thải phát sinh về kho chứa và vệ sinh khuôn viên Công ty đảm bảo luôn sạch sẽ. Lượng phát sinh thức ăn thừa từ bếp ăn ca được nhân viên nấu ăn thu gom, phân loại sau mỗi bữa ăn ca và tập kết tại khu lưu giữ chất thải sinh hoạt của cơ sở, sau đó nhân viên của cơ sở sẽ bàn giao cho đơn vị có chức năng.

Đối với chất thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực văn phòng và của người lao động: công ty đã bố trí các thùng rác bằng nhựa dung tích 60l và 80l đặt tại các khu vực làm việc quanh nhà máy, cuối ngày được đội vệ sinh môi trường của Công ty thu gom tập trung về khu lưu giữ chất thải sinh hoạt có diện tích 9m^2 (Dài x rộng = 3m*3m) nằm cạnh lán để xe cao 3m, có vách tôn bao quanh, nền đổ bê tông, bên ngoài có biển báo.

Tại vị trí lưu giữ chất thải sinh hoạt có bố trí 01 thùng inox chuyên dụng có dung tích 500l, 01 thùng nhựa HDPE có dung tích 80l, và bao bì mềm để lưu giữ tạm thời chất thải sinh hoạt, trên tường có gắn biển báo.

Công ty sẽ kí hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng xử lý theo quy định (như Công ty CP môi trường đô thị và công nghiệp 11- URENCO 11, Công ty CP đầu tư phát triển công nghiệp và môi trường Việt Nam, Công ty cổ phần đầu tư và kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC...).



Hình 3.17: Khu lưu giữ chất thải sinh hoạt

Ngoài ra, nhà máy còn áp dụng một số biện pháp quản lý như:

Lập tổ vệ sinh môi trường tại nhà máy, hàng ngày đi quét dọn sạch sẽ các khu nhà làm việc, nhà xưởng.

Trang bị đầy đủ dụng cụ chuyên dụng về môi trường: chổi quét rác các loại; xẻng hót rác; xe đẩy rác; thùng chứa; găng tay; khẩu trang...

Trong quá trình vận chuyển rác không để rác quá đầy làm rơi vãi chất thải ra ngoài, nếu bị vương vãi sẽ quét dọn ngay.

3.2 Chất thải thông thường

Trong quá trình sản xuất sợi từ bông có phát sinh 1 lượng chất thải rắn từ các là đoạn sản xuất ở dạng phế phẩm như bụi bông ước tính khoảng 11 kg/ngày (tương đương 3.300 kg/năm); các tạp chất lẫn trong bông, các xơ ngoại lai, các đoạn sợi không đạt chất lượng ước tính khoảng 596.700 kg/năm.

Bên cạnh đó, quá trình sản xuất của dự án còn làm phát sinh một lượng chất thải bao gồm: bao bì nguyên vật liệu thải, bìa carton, túi nilon hỏng, đai đóng kiện, chất thải rắn từ xưởng cơ khí (phụ tùng máy móc thay thế và đầu mẩu kim loại không dính dầu mỡ).. .ước tính khoảng 1.000 kg/năm.

Ngoài ra, còn có một lượng bùn cặn từ hệ thống bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải và hố ga thoát nước (phát sinh không liên tục) ước tính khoảng 200 kg/tháng tương đương 1.200 kg/năm.

Dự án sẽ chuyển giao chất thải có thể tái sử dụng được cho đơn vị có đủ điều kiện tái chế, đối với chất thải không tái sử dụng được sẽ được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định. Vì vậy chất thải rắn sản xuất phát sinh của nhà máy không gây tác động lớn đến môi trường.

**) Biện pháp giảm thiểu tác động của chất thải rắn sản xuất*

Chất thải rắn sản xuất chia thành các loại sau:

- Phế liệu bao gồm bụi bông, xơ ngoại lai lẫn tạp chất và những đoạn sợi không đạt chất lượng phát sinh trong quá trình sản xuất sẽ được thu gom, ép thành kiện và chuyển giao cho các đơn vị có đủ điều kiện tái chế để tái sử dụng cho sản xuất.

- Các loại chất thải có thể thu hồi để tái chế và tái sử dụng phát sinh như giấy tờ in hỏng hoặc bỏ đi, vỏ bút, bao bì carton hỏng, bao bì nguyên liệu sản xuất, đầu mẫu kim loại từ xưởng cơ khí... sẽ được phân loại và thu gom riêng biệt, lưu giữ tạm thời tại kho chứa hàng để chuyển giao cho các đơn vị thu mua phế liệu.

- Ngoài ra các chất thải không tái sử dụng hay tái chế được, chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển đem đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với bùn cặn từ hệ thống bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải và hố ga thoát nước, vật liệu lọc thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung sẽ được công ty định kì thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút, thu gom chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

Hàng ngày công nhân dọn vệ sinh của nhà máy thu gom và phân loại chất thải sau đó được công nhân vệ sinh vận chuyển về kho chứa chất thải thông thường của công ty có diện tích DxR= 8m x 5m = 40m^2, có nền cứng, có mái che, có tường gạch ngăn cách với bên ngoài. Bố trí thiết bị lưu giữ: 01 thùng nhựa HDPE dung tích 120l, các bao bì mềm, các pallet gỗ.

Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển toàn bộ chất thải phát sinh đi xử lý theo quy định (như Công ty CP môi trường đô thị và công nghiệp 11- URENCO 11; Công ty cổ phần đầu tư và kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC …)



Hình 3.18: Khu lưu giữ chất thải thông thường

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Nguồn phát sinh CTNH

Các loại chất thải nguy hại phát sinh từ quy trình sản xuất của Dự án có thể là một số loại sau:

Bảng 3.3: Lượng chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	50
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (Dầu bảo dưỡng máy móc thiết bị thải)	17 02 03	300
3	Hỗn hợp kim loại (hoặc nhựa) lẫn dầu mỡ	07 03 11	100

4	Hộp mực in thải	08 02 04	20
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	50
6	Ắc quy thải	19 06 01	10
7	Đầu mẩu que hàn thải	07 04 01	10
8	Các thiết bị, bộ phận linh kiện điện tử thải	19 02 06	30
Tổng			**570**

4.2. Biện pháp lưu giữ, xử lý CTNH

**) Biện pháp thu gom:*

+ Phân công ít nhất một cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để đảm nhiệm việc phân loại và quản lý chất thải thông thường cũng như CTNH.

+ Quản lý CTNH theo hướng dẫn tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Quy định về quản lý chất thải nguy hại, phân loại, lưu chứa CTNH.

+ Toàn bộ CTNH phát sinh phải được lưu giữ trong khu vực lưu giữ tạm thời CTNH trong thời gian đợi các cơ quan chức năng tới thu gom, đưa đi xử lý.

- Biện pháp lưu giữ:

Khu lưu giữ CTNH diện tích S= DxR= 4x3=12 m^2. Đặc điểm xây dựng:

+ Khu lưu giữ chất thải nguy hại có chiều cao 3m, nền đổ bê tông, cấu tạo khung thép lợp mái tôn màu, bao quanh là tường bê tông và vách bằng tôn kín có khả năng che mưa, che nắng, ngăn nước mưa chảy tràn và các tác động tiêu cực từ thời tiết; xung quanh có gờ và rãnh nhằm phòng ngừa sự cố chảy, tràn và đổ hóa chất, chất thải nguy hại dạng lỏng. Bên ngoài và bên trong ngăn lưu giữ chất thải nguy hại được dán các biển cảnh báo chất thải nguy hại ở vị trí đúng với tầm nhìn của mọi người, hoặc cao hơn một chút và dấu hiệu biển gồm hình tam giác đều, nền tam giác màu vàng, viền đen với các biểu tượng màu đen và chữ màu đen tương ứng với tính chất của loại chất thải và ý nghĩa cảnh báo theo TCVN 6707:2009 và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

+ Bên trong bố trí thiết bị lưu giữ: mỗi loại chất thải nguy hại được lưu giữ trong các thùng chuyên dụng riêng biệt gồm 01 thùng phi thép 200 lít đặt trong khay chống tràn và 3 thùng nhựa chuyên dụng HDPE dung tích 120 lít; 5 thùng nhựa chuyên dụng HDPE có dung tích 80 lít; có nắp đậy kín.

+ Biện pháp phòng ngừa sự cố rò rỉ, tràn đổ CTNH dạng lỏng: xung quanh có gờ và rãnh nhằm phòng ngừa sự cố chảy, tràn và đổ hóa chất, chất thải

nguy hại dạng lỏng.

- Biện pháp xử lý:

Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải với đơn vị có chức năng (như Công ty CP môi trường đô thị và công nghiệp 11- URENCO 11; Công ty cổ phần đầu tư và kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC …) định kỳ đến thu gom, vận chuyển toàn bộ lượng chất thải nguy hại đi xử lý theo đúng quy định với tần suất thu gom định kỳ khoảng 6 tháng/lần.

˜ Tần suất chuyển giao CTNH dự kiến: Tối thiểu 6 tháng/lần;

Hình ảnh khu lưu giữ chất thải nguy hại tại cơ sở như sau:



Hình 3.19 : Khu lưu giữ chất thải nguy hại

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung và đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

**** Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung***

Để giảm tiếng ồn Nhà máy sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Giảm thiểu tiếng ồn tại nguồn bằng việc cân bằng động các cơ cấu quay, thiết kế các bộ phận giảm âm. Đồng thời, tại khu vực bố trí sản xuất máy kéo sợi con và máy đánh ống sẽ tạo khoảng cách hợp lý giữa các máy đảm bảo giảm được độ ồn khi hoạt động.

- Đối với các thiết bị không thể cách ly tại các ống hút, ống đẩy sử dụng các mối nối mềm. Lắp các chi tiết giảm ồn và rung, ống giảm thanh và gioăng cao su, lò xo giảm chấn.

- Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất.

Ngoài ra, một số thiết bị có phát sinh tiếng ồn như máy phát điện được bố trí ở khu vực riêng biệt, chỉ hoạt động nhất thời, công suất nhỏ hoặc hệ thống điều không của nhà máy được lắp đặt trong các khu kín, cách âm nên tiếng ồn phát sinh không đáng kể. Bên cạnh đó, Công ty đã trồng các dải cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng, đường giao thông với diện tích cây xanh theo đúng chứng chỉ quy hoạch nhằm hạn chế tác động của tiếng ồn tại nhà máy.

**** Biện pháp giảm thiểu nhiệt dư***

- Thiết kế nhà xưởng với chiều cao hợp lý kết hợp với sử dụng hệ thống điều không trong toàn bộ khu xưởng sản xuất giúp giảm hơi nóng do hoạt động sản xuất, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động.

- Tăng cường trồng cây xanh để điều hòa không khí trong toàn bộ nhà máy.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

**** Sự cố cháy nổ***

Công ty đã được Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/8/2019.

Biện pháp phòng ngừa:

- Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cho đội phòng cháy cơ sở để kịp thời xử lý các tình huống khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

- Vệ sinh công nghiệp đối với nhà kho, nhà xưởng.

- Bố trí, sắp xếp hàng hóa đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC. Trang bị phương tiện chữa cháy đầy đủ theo quy định.

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, chữa cháy tự động đối với toàn bộ diện tích nhà xưởng, nhà kho theo quy định.

- Thực hiện đóng bảo hiểm bắt buộc đối với nhà, công trình kiến trúc và các trang thiết bị kèm theo; máy móc thiết bị; các loại hàng hóa, vật tư và tài sản khác.

- Nước cấp cho cứu hoả được lấy trực tiếp từ các họng cứu hoả cạnh nhà xưởng đặt tại những vị trí thích hợp thuận tiện trong công trình.

- Hệ thống PCCC của công trình được thiết kế và được sự chấp nhận riêng của cơ quan quản lý.

- Bố trí lắp đặt các thiết bị như bình chữa cháy bằng dạng bột hoặc khí phù hợp với các nguồn phát sinh gây cháy tại khu vực lắp đặt.

- Hệ thống hoạt động thường trực 24/24 để đảm bảo an toàn trong mọi trường hợp bất ngờ xảy ra cháy.

- Phương án tuyên truyền và tập huấn ứng phó sự cố cháy nổ cho nhân viên.

- Thường xuyên nhắc nhở, tập huấn về công tác PCCC – chữa cháy và thoát nạn (có sự hướng dẫn của Công an PCCC) cho mọi đối tượng trong Dự án.

- Quản lý việc sử dụng các thiết bị điện trong các khu kinh doanh đúng kỹ thuật tránh sử dụng điện quá tải làm ảnh hưởng đến hệ thống điện toàn công trình.

- Các bảng tiêu lệnh PCCC phải được gắn ở những nơi có nguy cơ cháy nổ cao. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc, thiết bị giám sát các thông số kỹ thuật và kiểm tra hệ thống quạt tăng áp, hút khí ở các buồng thang thoát nạn.

- Thiết kế hệ thống chống sét theo đúng quy định của nhà nước.

- Kiểm tra dây dẫn điện tránh sự quá tải trên đường dây.

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị chữa cháy và báo cháy, các thiết bị và dây dẫn chống sét công trình để đảm bảo khi có sự cố xảy ra thì vẫn hoạt động tốt.

- Phải chấp hành các quy định về an toàn điện.

- Trang bị từ bình cứu hỏa và đặt vào các vị trí theo đúng tiêu chuẩn để bảo đảm chữa cháy tại chỗ kịp thời.

- Hệ thống chữa cháy cục bộ bằng các bình xách tay: Nhằm đảm bảo an toàn và kịp thời dập tắt các đám cháy khi vừa phát sinh, trong khu nhà xưởng được bố trí lắp đặt các bình khí xách tay. Bình chữa cháy cầm tay được bố trí tại các vị trí xung yếu đặt trong các tủ chữa cháy dùng để dập tắt đám cháy tức thời khi mới bắt đầu cháy. Vị trí lắp đặt nơi dễ thấy, dễ lấy và thuận tiện cho việc sử dụng khi có cháy. Các loại thiết bị đã được bố trí và sử dụng gồm:

+ Hệ thống báo cháy tự động: 01 tủ trung tâm báo cháy 30 kênh; 10 cặp đầu báo cháy tia chiếu; 134 đầu báo cháy khói quang; 42 đầu báo cháy nhiệt; 30 tổ hợp nút ấn, chuông, đèn.

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy: 06 trụ nước chữa cháy ngoài nhà D65 kèm tủ bảo quản lăng vòi, van khóa đồng bộ; 01 trụ tiếp nước chữa cháy; 23

họng nước chữa vách tường kèm theo van khóa, lăng vòi đồng bộ; 1519 đầu phun Sprinkler; Màn ngăn nước Drencher dài 59m gồm 70 đầu phun Drencher; Trạm bơm 1 cấp nước cho hệ thống chữa cháy trong nhà, ngoài nhà và sprinkler gồm: 02 bơm điện có Q= 76,5 1/s, H = 90 m.c.n; 01 bơm Diesel có Q = 153 1/s, H = 90 m.c.n; 01 bơm bù áp có Q = 1,67 1/s, H = 100 m.c.n; Trạm bơm 2 cấp nước cho hệ thống màn nước ngăn cháy Drencher gồm: 01 bơm điện Q = 72 V/s, H = 70 m.c.n; 01 bơm Diesel có Q = 72 l/s, H=70 m.c.n; 01 | bơm bù áp có Q = 1,67 l/s, H=80 m.c.n;

+ Đèn chỉ dẫn thoát nạn và chiếu sáng sự cố: 82 đèn chiếu sáng sự cố; 38 đèn chỉ dẫn thoát nạn.

+ Trang bị chữa cháy xách tay: 150 bình bột chữa cháy loại MFZL4; 75 bình khí chữa cháy loại MT3.

Biện pháp ứng phó:

- Khi phát hiện sự cố xảy ra, người phát hiện phải bấm còi báo động đồng thời hô hào mọi người xung quanh để cùng dập lửa; dùng bình xịt hoặc hệ thống bơm nước để dập tắt đám cháy:

- Người gần khu vực cầu dao điện nhanh chóng đến ngắt nguồn điện và cho ngừng hoạt động sản xuất,

- Di tản mọi người ra khỏi khu vực cháy;

- Thông báo cho đơn vị cảnh sát chữa cháy, đơn vị y tế gần nhất;

- Nếu có người mắc kẹt phải tổ chức thực hiện giải cứu và đưa người mắc kẹt ra ngoài:

- Người bị kẹt trong khu vực đám cháy phải dùng quần áo bịt kín và thực hiện các thao tác đã huấn luyện để di tản ra khỏi khu vực đám cháy;

- Khi người mắc khi được đưa ra khỏi đám cháy mà bị ngắt, bộ phận y tế cấp cứu bên ngoài hoặc ai đó thực hiện thao tác sơ cứu hà hơi thổi ngạt như đã được tập huấn, và đưa người bị thương đi bệnh viện.

**** Sự cố tai nạn lao động và sự cố bệnh nghề nghiệp (bệnh bụi phổi bông):***

Để tránh các sự cố tai nạn lao động không đáng có xảy ra, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp phòng ngừa và khắc phục sự cố như sau:

** Phòng ngừa:*

- Đề ra các nội quy an lao động, hướng dẫn cụ thể về vận hành an toàn cho máy móc, thiết bị, đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân, tổ nhóm vi phạm.

- Đối với bệnh nghề nghiệp có thể xảy ra với loại hình sản xuất sợi nên cần có quy định nghiêm ngặt trong vận hành máy móc sản xuất đảm bảo bụi bông không phát tán ra bên ngoài máy sản xuất. Đào tạo người lao động vận hành thành thạo các máy sản xuất đảm bảo an toàn tối đa trong sản xuất.

Quy định về trang phục, đầu tóc gọn gàng trong khi làm việc và trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Cấm sử dụng điện thoại di động, làm việc riêng trong giờ làm việc;

- Đào tạo, huấn luyện các kỹ năng làm việc cho người mới được tuyển dụng. -Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về an toàn lao động cho người công nhân;

- Kiểm tra thiết bị an toàn, gương chiếu hậu của phương tiện vận tải để tránh các tai nạn không đáng có xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hoạt động của các thiết bị thu bụi đi kèm máy móc.

** Ứng phó:*

Khi sự cố xảy ra tùy theo mức độ của tai nạn mà thực hiện các biện pháp ứng phó khác nhau nhưng về cơ bản qua các bước như sau:

- Khi phát hiện sự có người phát hiện cần nhận biết được mức độ nguy hiểm của tai nạn và thông báo cho giám đốc sản xuất hoặc trưởng bộ phận sản xuất để cho dừng hoạt động và thực hiện thao tác cứu chữa người bị tai nạn, người bị mắc bệnh nghề nghiệp.

- Thực hiện các biện pháp sơ cứu kịp thời: Các phương pháp sơ cứu khẩn cấp là các biện pháp cấp cứu tạm thời ban đầu nhằm cứu hộ sinh mạng và tránh tai biến khi người lao động bị tai nạn mà chưa có sự chăm sóc của các bác sỹ. Khi xảy ra tai nạn, sự cổ bệnh nghề nghiệp cần phải: Kiểm tra xem nạn nhân có bị chảy máu, gãy xương, nôn hay không; Kiểm tra xem nạn nhân có còn tỉnh táo, còn thở, mạch còn hay không và đưa đến trạm y tế hoặc bệnh viện gần nhất.

Sự cố hệ thống xử lý chất thải ngừng hoạt động

- *Đối với hệ thống xử lý nước thải:*

Sự cố xảy ra có thể làm hệ thống ngừng hoạt động từ vài giờ đến vài ngày, do đó có thể làm ứ đọng nguồn nước thải và chảy tràn vào nguồn nước mặt gây ô nhiễm môi trường. Tác động này trong thời gian ngắn thì không lớn

nhưng về lâu dài thì rất lớn, chính vì vậy cần có các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố kịp thời. Một số biện pháp dự án cần thực hiện để ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải như sau:

+ Chuẩn bị các thiết bị dự phòng như máy bơm, máy thổi khí ...

+ Bố trí cán bộ chuyên trách để vận hành hệ thống.

+ Nạo vét bùn thường xuyên đảm bảo hệ thống không bị tắc nghẽn, định kì kiểm tra đường ống dẫn nước thải.

Ngoài ra, cần định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị xử lý theo hướng dẫn của nhà sản xuất để tránh hiện tượng úng ngập khi xảy ra sự cố.

Kiểm tra định kỳ thường xuyên, thuê đơn vị thu gom bùn thải của trạm xử lý theo đúng tiêu chuẩn và quy định.

Trường hợp khi xảy ra sự cố, Công ty cam kết không xả nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường mà lưu chứa tạm thời vào bể điều hòa có dung tích 18m^3 trong thời gian sửa chữa. Trường hợp không khắc phục được sự cố ngay, phải dừng hoạt động sản xuất, tuyệt đối không thải nước thải chưa xử lý ra môi trường.

- *Đối với hệ thống thu gom bụi và hệ thống điều không lọc bụi:*

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

+ Chuẩn bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với một số các bộ phận dễ hư hỏng như: quạt hút, quạt thổi, lồng lọc bụi....

Công ty cam kết sẽ ngừng hoạt động sản xuất khi hệ thống xử lý nước thải hoặc hệ thống xử lý bụi bị sự cố không khắc phục được.

- *Khu lưu giữ chứa chất thải:*

+ Xây dựng khu lưu giữ chất thải có mái che, xung quanh có gờ bao đề phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.

+ Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

+ Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

**** Sự cố ngộ độc thực phẩm và dịch bệnh***

- Phòng ngừa:

+ Sử dụng thực phẩm sạch.

+ Tiêu dịch khử trùng nơi có dịch bằng thuốc sát khuẩn chuyên dụng.

Ứng phó: Đưa bệnh nhân đến cơ sở y tế để được điều trị, chăm sóc.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

TT	Nội dung	Phương án đề xuất trong ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Giải trình sự thay đổi
1	Sơ đồ nguyên lý dây chuyền kéo sợi chải thô compact	Bông nguyên liệu ‡ loại bỏ tạp chất‡ xé tơi bông ‡ ghép sợi xơ‡ ghép tự động làm đều ‡ kéo sợi thô ‡ kéo sợi con compact‡ nối sợi con ‡ chải sợi thô compact	Bông nguyên liệu ‡ loại bỏ tạp chất‡ xé tơi bông ‡ ghép sợi xơ‡ ghép tự động làm đều ‡ kéo sợi thô ‡ kéo sợi con compact‡ nối sợi con ‡ sợi chải thô compact‡ ***đậu sợi à se sợià sợi se chải thô compact***	Đậu sợi và se sợi là công đoạn tạo nên sợi hoàn chỉnh. Cơ sở bổ sung thêm công đoạn đậu sợi và se sợi so với quy trình đã được duyệt trong Báo cáo Đánh giá tác động môi trường nhằm mục đích nâng cao chất lượng cho sản phẩm của cơ sở. Công đoạn này không làm phát sinh thêm nước thải, có phát sinh một lượng bụi bông nhưng được thu gom cùng hệ thống thu gom bụi, bụi bông của xưởng sản sản xuất hiện có.
2	Sơ đồ nguyên lý dây chuyền kéo sợi chải kỹ compact	Bông nguyên liệu ‡ loại bỏ tạp chất‡ xé tơi bông ‡ ghép sợi xơ‡ghép các cúi sợi‡chải kỹ‡ ghép tự động làm đều ‡ kéo	Bông nguyên liệu ‡ loại bỏ tạp chất‡ xé tơi bông ‡ ghép sợi xơ‡ ghép các cúi sợi‡chải kỹ‡ ghép tự động làm đều ‡ kéo sợi thô ‡ kéo sợi con compact‡	Đậu sợi và se sợi là công đoạn tạo nên sợi hoàn chỉnh. Cơ sở bổ sung thêm công đoạn đậu sợi và se sợi so với quy trình đã được duyệt trong Báo cáo Đánh giá tác động môi trường nhằm mục đích nâng cao chất lượng cho sản phẩm của cơ sở. Công đoạn này không làm

		sợi thô ‡ kéo sợi con compact‡ nối sợi con ‡ chải sợi thô compact	nối sợi con ‡ sợi chải kỹ compact‡ ***đậu sợi à se sợi ‡sợi se chải kỹ compact***	phát sinh thêm nước thải, có phát sinh một lượng bụi bông nhưng được thu gom cùng hệ thống thu gom bụi, bụi bông của xưởng sản sản xuất hiện có
	Kho lưu giữ chất thải rắn	Công ty bố trí 01 khu lưu giữ chất thải sinh hoạt và chất thải thông thường có diện tích 77m^2 để; 01 khu lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích 20 m^2	Công ty bố trí 01 khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 9 m^2 ; 01 khu lưu giữ chất thải thông thường có diện tích 40 m^2; 01 khu lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 12 m^2	Theo nội dung báo cáo ĐTM năm 2004 phê duyệt, diện tích các kho chứa chất thải rắn lớn hơn nhiều so với thực tế. Nguyên nhân là do khi dự án đi vào giai đoạn vận hành lượng chất thải rắn phát sinh là không nhiều và Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển toàn bộ lượng chất thải rắn đi xử lý theo đúng quy định nên khối lượng chất thải rắn lưu giữ tại nhà máy còn rất ít. Vậy nên Nhà máy đã bố trí khu lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải thông thường, chất thải nguy hại riêng biệt, có diện tích phù hợp phù hợp với hạ tầng xây dựng, Phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và hoạt động thực tế tại Nhà máy.

8. Các nội dung tiếp tục thực hiện so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Hiện tại, Cơ sở đã hoàn thành các công trình Bảo vệ môi trường theo cam kết trong Báo cáo đánh báo cáo đánh giá tác động môi trường được Uỷ ban nhân dân tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 30/8/2019. Cơ sở chỉ còn một số các công trình hạ tầng sẽ tiến hành xây dựng trên khu đất có diện tích 38.000 m^2 thuộc khu đất có tổng diện tích 80.000m^2 của dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Hưng Yên phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 30/8/2019, cụ thể:

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích	Tình trạng
1	Kho thành phẩm	m^2	3.730	Chưa xây dựng
2	Nhà kho chứa hàng	m^2	600	Chưa xây dựng
3	Nhà kho chứa hàng	m^2	5.500	Chưa xây dựng
4	Nhà kho chứa hàng	m^2	5.500	Chưa xây dựng
5	Nhà trưng bày GT sản phẩm	m^2	650	Chưa xây dựng
6	Nhà ăn ca CN 3 tầng	m^2	325	Chưa xây dựng
7	Nhà nghỉ ca CN 3 tầng	m^2	325	Chưa xây dựng
8	Nhà trưng bày GT sản phẩm	m^2	714	Chưa xây dựng
9	Nhà kho chứa hàng	m^2	6.050	Chưa xây dựng
10	Nhà kho chứa hàng	m^2	3.960	Chưa xây dựng
11	Kho nguyên liệu	m^2	1.540	Chưa xây dựng
12	Kho nguyên liệu	m^2	1.500	Chưa xây dựng
13	Hồ nước PCCC	m^2	1.019	Chưa xây dựng
14	Nhà kho chứa hàng	m^2	944	Chưa xây dựng
15	Nhà kho chứa hàng	m^2	1.099	Chưa xây dựng
16	Nhà văn phòng 3 tầng	m^2	224	Chưa xây dựng
17	Sân đường, cây xanh	m^2	4.320	-
Tổng cộng		**m^2**	**38.000**	

Trong thời gian tới, khi có kế hoạch xây dựng các hạng mục trên và hệ thống thu gom, thoát nước mặt; hệ thống thu gom nước thải nằm trong khu đất có diện tích 38.000 m^2**, Công ty sẽ rà soát, thực hiện các thủ tục cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường theo quy định.**

Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 15 m^3/ngày.

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở đạt QCĐP 01:2019/HY (K=1,2; K_{hy} = 0,85) được xả thải ra nguồn tiếp nhận là Kênh nhánh tiêu Ao Cả, hệ thống trạm bơm làng Ngà nằm phía Tây của dự án thuộc địa phận xã Tân Minh, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- Các chất ô nhiễm trong nước thải: Lưu lượng, pH, BOD_5,COD, TSS, Amoni, Nitrat, Photphat, Sunfua, dầu mỡ, Chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliforms.

- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: theo QCĐP 01:2019/HY (K = 1,2; K_{hy} = 0,85): Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt. Giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm theo bảng sau.

Bảng 4.1: Bảng các thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải và giới hạn nồng độ đấu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải

Stt	Thông số	Đơn vị	QCĐP 01:2019/HY (K=1,2; K_{HY}=0,85)	
			C	Cmax
1	Lưu lượng	m^3/h	**-**	**-**
2	pH	-	**5-9**	**5-9**
3	BOD_5 (20^0C)	mg/l	**30**	**30,6**
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	**50**	**51**
5	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	**500**	**600**
6	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	**1,0**	**1,2**
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	**5**	**6**
8	Nitrat (tính theo N)	mg/l	**30**	**36**
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	**10**	**12**
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	**5**	**6**
11	Phosphat (tính theo P)	mg/l	**6**	**7,2**
12	Tổng Coliform	MPN/	**3.000**	**3.000**

		100ml		

- ***Nguồn tiếp nhận nước thải:*** Nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án sau khi xử lý đảm bảo QCĐP 01:2019/HY (K=1,2; K_{hy} = 0,85) được xả thải ra nguồn tiếp nhận là Kênh nhánh tiêu Ao Cả, hệ thống trạm bơm làng Ngà nằm phía Tây của dự án tại xã Tân Minh, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- ***Vị trí xả nước thải:*** Cửa xả nước thải của dự án theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°)

X(m): 2.306.471; Y(m): 553.915

- ***Lưu lượng xả thải:*** tối đa là 15m^3/ngày đêm ;

- ***Phương thức xả nước thải***: Nước thải tự chảy;

- ***Chế độ xả nước thải***: Xả 24h/ngày đêm;

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm không phát sinh bụi, khí thải phải xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường. Vì vậy, dự án không phải đề nghị xin cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn

- Nguồn phát sinh chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, ăn uống của nhân viên tại tại dự án;

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Phát sinh từ hoạt động sản xuất thực phẩm chế biến;

+ Chất thải nguy hại: Phát sinh từ hoạt động sản xuất tại dự án;

- Khối lượng từng nguồn chất thải đề nghị cấp phép như sau:

Bảng 4.2: Bảng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đề nghị cấp phép

STT	Chất thải	Đơn vị	Lượng thải
1	Rác thải sinh hoạt	Tấn/năm	21
	Tổng	**Tấn/năm**	21

Bảng 4.3: Bảng khối lượng chất thải rắn thông thường đề nghị cấp phép

STT	Chất thải	Đơn vị	Lượng thải
1	Bụi bông	kg/năm	3.300
2	Các tạp chất lẫn trong bông, các xơ ngoại lai, các đoạn sợi không đạt chất lượng	kg/năm	596.700
3	Bao bì nguyên vật liệu thải, bìa carton, túi nilon hỏng, đai đóng kiện, chất thải rắn từ xưởng cơ khí (phụ tùng máy móc thay thế và đầu mẩu kim loại không dính dầu mỡ)	kg/năm	1.000
4	Bùn thải từ bể tự hoại, hố ga, hệ thống xử lý nước thải…	kg/năm	1.200
	Tổng	**kg/năm**	**602.200**

Bảng 4.4: Bảng khối lượng chất thải rắn nguy hại đề nghị cấp phép

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	50
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (Dầu bảo dưỡng máy móc thiết bị thải)	17 02 03	300
3	Hỗn hợp kim loại (hoặc nhựa) lẫn dầu mỡ	07 03 11	100
4	Hộp mực in thải	08 02 04	20
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	50
6	Ắc quy thải	19 06 01	10
7	Đầu mẩu que hàn thải	07 04 01	10
8	Các thiết bị, bộ phận linh kiện điện tử thải	19 02 06	30
Tổng			**570**

- Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thiết bị lưu chứa: 01 thùng inox chuyên dụng có dung tích 500l, 01 thùng nhựa HDPE có dung tích 80l, và bao bì mềm.

+ Khu vực lưu chứa: Lưu giữ tại Khu lưu giữ chất thải sinh hoạt có diện tích DxR= 3m x 3m = 9m^2.

Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

+ Thiết bị lưu chứa: 01 thùng nhựa HDPE dung tích 120l, các bao bì mềm, các pallet gỗ.

+ Khu vực lưu chứa: Lưu giữ tại Khu lưu giữ chất thải thông thường có diện tích DxR= 8m x 4m = 40m^2.

Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn nguy hại:

+ Thiết bị lưu chứa: 01 thùng phi thép 200 lít đặt trong khay chống tràn và 3 thùng nhựa chuyên dụng HDPE dung tích 120 lít; 5 thùng nhựa chuyên dụng HDPE có dung tích 80 lít.

+ Khu vực lưu chứa: Lưu giữ tại khu lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 12 m^2. Bên trong khu lưu giữ chất thải nguy hại được phân lô, gắn biển quy định từng vị trí để của từng loại chất thải. Trang bị khay chống tràn đổ (đối với các loại chất thải nguy hại dạng lỏng), biện pháp PCCC và đèn chiếu sáng. Bên ngoài khu lưu giữ chất thải được gắn các biển cảnh báo khu lưu giữ chất thải theo đúng quy định.

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 01: Từ hoạt động tại hệ thống điều không lọc bụi;

+ Nguồn số 02: Từ hoạt động tại máy đánh ống tự động;

+ Nguồn số 03: Từ hoạt động tại máy phát điện dự phòng;

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Tọa độ: X(m): 2.306.647; Y(m): 554.009;

Nguồn số 02: Tọa độ: X(m): 2.306.643; Y(m): 554.005;

Nguồn số 02: Tọa độ: X(m): 2.306.648; Y(m): 554.010;

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 4.5: Bảng giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức tiếng ồn cho phép, dBA		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	
1	70	55	Khu vực thông thường

Bảng 4.6: Bảng giá trị giới hạn cho phép của độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

+ Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Giảm thiểu tiếng ồn tại nguồn bằng việc cân bằng động các cơ cấu quay, thiết kế các bộ phận giảm âm. Đồng thời, tại khu vực bố trí sản xuất máy kéo sợi con và máy đánh ống sẽ tạo khoảng cách hợp lý giữa các máy đảm bảo giảm được độ ồn khi hoạt động; Đối với các thiết bị không thể cách ly tại các ống hút, ống đẩy sử dụng các mối nối mềm; phát điện được bố trí ở khu vực riêng biệt, hệ thống điều không của nhà máy được lắp đặt trong các khu kín, cách âm; Công ty đã trồng các dải cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng, đường giao thông với diện tích cây xanh theo đúng chứng chỉ quy hoạch.

+ Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp các chi tiết giảm độ rung, ống giảm thanh và gioăng cao su, lò xo giảm chấn; Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất

5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường:

a, Yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường: Cơ sở không thuộc trường hợp phải cải tạo, phục hồi môi trường.

b, Yêu cầu về bồi hoàn đa dạng sinh học: Cơ sở không thuộc trường hợp phải bồi hoàn đa dạng sinh học.

Chương V: *KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ*

Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm chính thức hoạt động sản xuất, kinh doanh từ tháng 01/2023, theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, hoạt động sản xuất của Công ty thuộc đối tượng Cột 2, STT2 với mức lưu lượng xả thải thực tế là 15m^3/ngày đêm không thuộc Cột 4, Cột 5 tại phụ lục XXVIII nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ.

Trong thời gian mới vận hành, do lượng nước thải phát sinh không nhiều nên Công ty thu gom toàn bộ lượng nước thải và lưu tại bể điều hoà có thể tích 18 m^3. Khi bể điều hoà đầy, công ty sẽ thuê đơn vị chức năng đến hút đưa đi xử lý theo quy định. Công ty cam kết không có hoạt động xả nước thải chưa xử lý đạt QCĐP 01:2019/HY ra ngoài môi trường tiếp nhận.

Sau khi lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tập trung, Công ty đã phối hợp cùng đơn vị chuyên môn lấy mẫu quan trắc bổ sung 3 lần chất lượng nước thải sau xử lý của cơ sở. Ta có kết quả quan trắc như sau:

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau HTXLTT của cơ sở

Stt	Thông số	Đơn vị	12/11/2024	13/11/2024	14/11/2024	QCĐP 01:2019/HY; (K=1,2; K_{HY}=0,85)
1	pH	-	6,9	7,4	6,9	**5,5-9**
2	TDS	mg/L	310	233	274	**600**
3	TSS	mg/L	21,3	19,7	15,1	**51**
4	BOD_5	mg/L	23,5	24,1	25,4	**30,6**
5	Amoni	mg/L	3,32	3,87	3,33	**6**
6	Nitrat	mg/L	3,65	4,12	3,49	**36**
7	Phosphat	mg/L	0,09	0,22	0,07	**7,2**
8	Sunfua	mg/L	0,16	0,17	<LOQ(0,15)	**1,2**
9	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	<LOQ (3)	<LOQ(3)	<LOQ(3)	**12**
10	Tổng chất HĐBM	mg/L	0,126	0,316	0,343	**6**
11	Coliform	MPN/100ml	2.400	2.200	2.500	**3.000**

Ghi chú:

QCĐP 01:2019/HY, (K=1,2; K_{HY}=0,85) : Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt.

Nhận xét: dựa vào kết quả quan trắc cho thấy hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, xử lý nước thải đạt chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường.

Chương VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Kế hoạch vận hành thử nghiệm, quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các thiết bị, các công trình xử lý chất thải của dự án được đề xuất theo hướng dẫn tại khoản 5 điều 21 thuộc thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022. Cụ thể như sau:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án đầu tư như sau:

Bảng 6. 1: Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

TT	Tên công trình xử lý chất thải	Số lượng công trình	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	Thời gian bắt đầu (dự kiến)	Thời gian kết thúc (dự kiến)	Công suất dự kiến
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	01	3 tháng	Sau khi được cấp GPMT	03 tháng kể từ ngày bắt đầu VHTN	Khoảng 100%

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Theo quy định tại khoản 5, điều 21, thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 điều này (dự án quy định tại cột 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ), việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Trên dự án đó, chủ đầu tư lập kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải, các hệ thống xử lý khí thải như sau:

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử

lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Giám sát môi trường nước thải tập trung		
1	Vị trí	- Nước thải đầu ra HTXL nước thải tập trung
2	Số lượng	03 mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải
3	Thông số giám sát	Lưu lượng, pH, BOD_5,COD, TSS, Amoni, Nitrat, Photphat, Sunfua, dầu mỡ, Chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliforms.
4	Quy chuẩn so sánh	QCĐP 01:2019/HY, K=1,2, K_{HY}=0,85

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

**** Chương trình quan trắc môi trường định kỳ***

- Quan trắc nước thải: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, hoạt động sản xuất của Công ty thuộc đối tượng Cột 2, STT2 với mức lưu lượng xả thải thực tế là 15m^3/ngày đêm không thuộc Cột 4, Cột 5 tại phụ lục XXVIII nên không phải quan trắc định kỳ.

- Quan trắc khí thải: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 98 nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, hoạt động sản xuất của Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ do không có lưu lượng xả khí thải lớn ra môi trường.

*** Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục**

Căn cứ khoản 2, điều 97, nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 dự án không phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải.

Căn cứ khoản 2, điều 98, nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 dự án không phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục khí thải.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Không có.

Chương VII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm cam kết toàn bộ các thông tin, thông số nêu trong bản Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường nêu trên là hoàn toàn chính xác, trung thực, nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

2.1. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng

Công ty cam kết xử lý môi trường đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định sau:

- Tiếng ồn đạt tiêu chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Độ rung đạt tiêu chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Nước thải sau xử lý đạt QCĐP 01:2019/HY, K=1,2; K_{HY}=0,85;

- Chất lượng không khí đạt tiêu chuẩn QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ theo đúng theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường.

- Công ty ký hợp đồng với Đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTR, CTNH phát sinh do hoạt động của Dự án theo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Các cam kết khác

- Thực hiện chế độ báo cáo, thông tin theo quy định của Luật BVMT 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Vận hành thường xuyên các công trình BVMT trong quá trình hoạt động.

- Thực hiện nghiêm túc giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại và định kì gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên 1 lần/năm.

- Công ty xin cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ Môi trường của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam. Công ty sẽ đảm bảo xử lý các nguồn thải phát sinh đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn tương ưng trước khi xả thải ra môi trường; không gây bất kì hoạt động nào có thể dẫn tới ô nhiễm các thành phần không khí, nước mặt, đất, nước ngầm và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng cũng như các hoạt động kinh tế - xã hội khác trong các khu vực lân cận.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam, các quy định bảo vệ môi trường của tỉnh Hưng Yên và bồi thường thiệt hại về môi trường do các sự cố gây ra.

Kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên xem xét, thẩm định và trình UBND tỉnh Hưng Yên cấp giấy phép môi trường của dự án để chủ đầu tư thực hiện các bước tiếp theo.

Xin trân trọng cảm ơn!

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0901012427

Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 05 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 07 tháng 01 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MAI LÂM
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MAI LAM ELECTRICAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Tử Dương, Xã Tân Minh, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: *0932739688* Fax:

Email: *ctycpmailam@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 2.500.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HOÀNG THỊ HỒNG Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *15/03/1985* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *024185001332*

Ngày cấp: *10/05/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

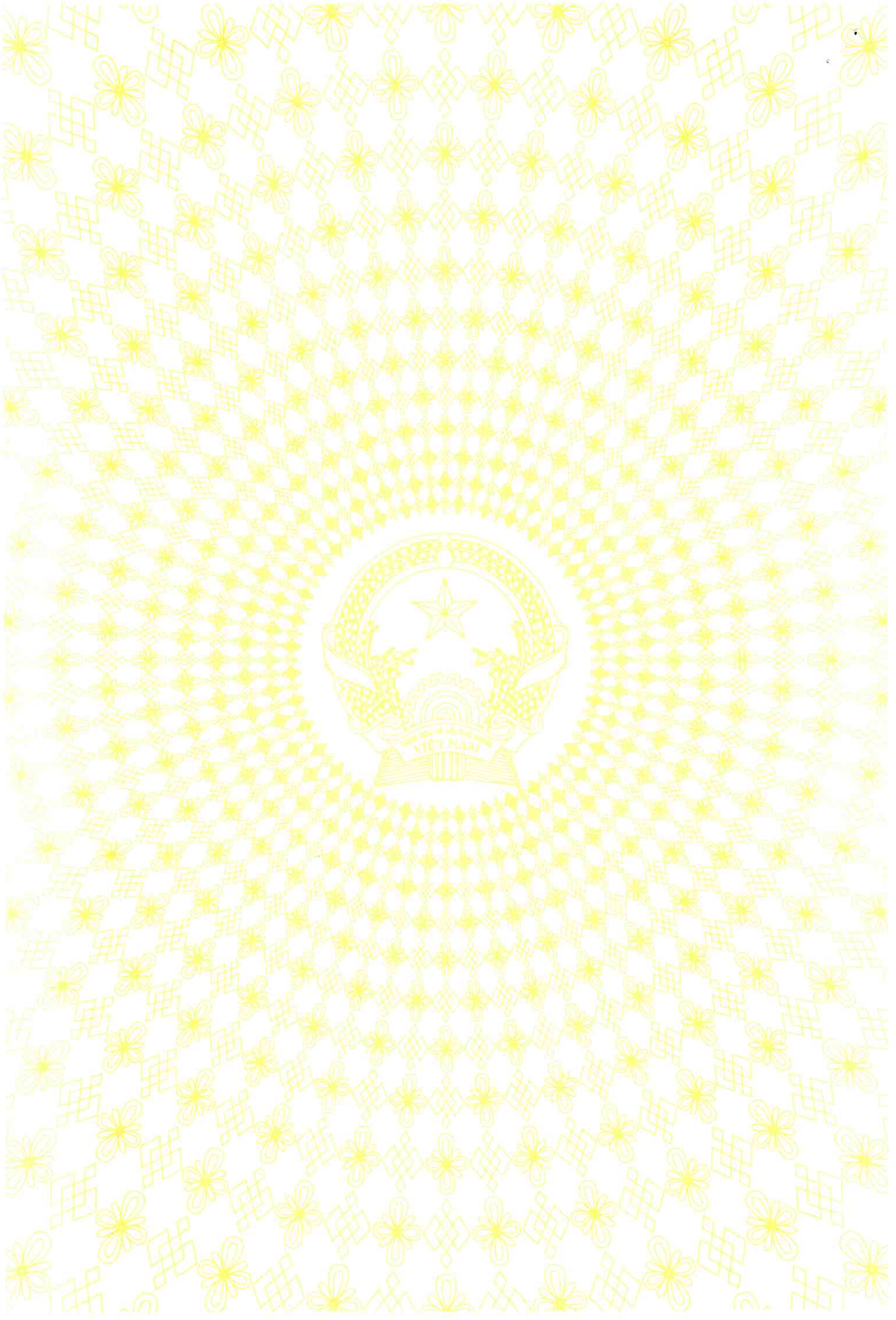
Địa chỉ thường trú: *Tổ 31 Cụm 4, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 31 Cụm 4, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

P. TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Nguyễn Thị Thu Thủy



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2814 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 19 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định bảo vệ môi trường Hưng Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 575/BC-STNMT ngày 05/12/2019 và hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Mục tiêu: Sản xuất thiết bị điện; sản phẩm cơ khí; đồ nhựa dân dụng các loại (sản xuất từ hạt nhựa nguyên sinh, không sử dụng nhựa tái chế, không tái chế nhựa).

- Quy mô: Đèn led tiết kiệm điện các loại: 02 triệu sản phẩm/năm (tương đương 100 tấn/năm); ổ cắm, công tắc điện, đui đèn, phích cắm: 3 triệu sản phẩm/năm (tương đương 1.050 tấn/năm); aptomat dùng trong gia đình, công nghiệp: 500.000 sản phẩm/năm (30 tấn/năm); phụ kiện điện khác (cầu chì, chao đèn, bảng điện): 02 triệu sản phẩm/năm (840 tấn/năm); cáp điện: 01 triệu mét sản phẩm/năm (tương đương 700 tấn/năm); dây điện: 3 triệu mét sản phẩm/năm (tương đương 500 tấn/năm); sản phẩm nhựa dùng trong gia đình: 100.000 sản phẩm/năm (tương đương 160 tấn/năm).

- Địa điểm: Tại khu đất có diện tích khoảng 49.000m^2 thuộc xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

- Không phát sinh nước thải sản xuất; thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt – QCĐP 01:2019/HY trước khi thải ra môi trường; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi thải ra môi trường; xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Thu gom, xử lý hơi nhựa phát sinh từ máy đùn ép nhựa đảm bảo đạt QCVN 20:2009/BTNMT - Khí thải đối với một số chất hữu cơ và đảm bảo điều kiện làm việc của người lao động theo tiêu chuẩn vệ sinh lao động ban hành kèm theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế; không phát thải khí thải có mùi khó chịu vào môi trường.

- Phải vận hành các công trình xử lý chất thải thường xuyên liên tục, đúng theo quy trình kỹ thuật và phải được thể hiện trong nhật ký vận hành, đảm bảo nước thải, khí thải sau thiết bị xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường cho phép.

- Thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý toàn bộ các chất thải rắn công nghiệp, rác thải sinh hoạt, chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu, số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án đi vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm

1. Lập kế hoạch và đảm bảo phương tiện, nhân lực để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục các rủi ro và sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra.

2. Nghiêm túc thực hiện chương trình giám sát chất lượng môi trường như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu trữ số liệu giám sát và định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2, Điều 25, Luật Bảo vệ Môi trường.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công an tỉnh;
- UBND huyện Yên Mỹ;
- Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; CV: TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thế Cử

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

Số: 182/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Sau khi xem xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 1663/BC-SKHĐT ngày 18/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MAI LÂM

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0901012427 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 26/5/2017.

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tử Đông, xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Hồng; sinh ngày 15/3/1985; quốc tịch Việt Nam; Giấy chứng minh nhân dân số 121476103 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 22/12/2016.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Voi, xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Chỗ ở hiện tại: Thôn Voi, xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Chức danh: Giám đốc.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN MAI LÂM**

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất thiết bị điện; sản phẩm cơ khí; đồ nhựa dân dụng các loại (sản xuất từ hạt nhựa nguyên sinh, không sử dụng nhựa tái chế, không tái chế nhựa).

3. Quy mô dự án: Đèn led tiết kiệm điện các loại: 02 triệu sản phẩm/năm; đèn trang trí, đèn ốp trần: 500.000 sản phẩm/năm; ổ cắm, công tắc điện, đui đèn, phích cắm: 03 triệu sản phẩm/năm; aptomat dùng trong gia đình, công nghiệp: 500.000 sản phẩm/năm; phụ kiện điện khác: 02 triệu sản phẩm/năm; dây điện: 03 triệu mét/năm; cáp điện: 01 triệu sản phẩm/năm; sản phẩm cơ khí: 10.000 sản phẩm/năm; các sản phẩm nhựa dùng trong gia đình, công nghiệp: 100.000 sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Vị trí khu đất: Phía Đông Bắc giáp mương thủy lợi; phía Đông Nam giáp đất dự án của Công ty Cổ phần Bigrfeed Hưng Yên; phía Tây Bắc giáp đất dự án của Công ty TNHH Sản xuất và Nguyên phụ liệu Harco; phía Tây Nam giáp đường gom cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

5. Diện tích đất sử dụng: Tại khu đất có diện tích khoảng 49.000m^2.

6. Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 100.000 triệu đồng, trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án: 25.000 triệu đồng, chiếm 25% tổng vốn đầu tư. Kể từ ngày dự án được quyết định chủ trương đầu tư, các cổ đông Công ty cam kết góp đủ vốn bằng tiền mặt theo tỷ lệ và tiến độ như sau:

Thành viên góp vốn	Giá trị vốn góp (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Tiến độ góp vốn
1. Bà Hoàng Thị Hồng	375	3	Tháng thứ 1 - tháng thứ 12
	375		Tháng thứ 13 - tháng thứ 24
2. Ông Hồ Hải Quang	11.875	95	Tháng thứ 1 - tháng thứ 12
	11.875		Tháng thứ 13 - tháng thứ 24
2. Bà Hồ Thị Thùy	250	2	Tháng thứ 1 - tháng thứ 12
	250		Tháng thứ 13 - tháng thứ 24
Tổng cộng	**25.000**	**100**	

- Vốn vay: 75.000 triệu đồng, chiếm 75% tổng vốn đầu tư.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày dự án được quyết định chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án: Kể từ ngày được quyết định chủ trương đầu tư:

- Tháng thứ 1 - tháng thứ 12: Hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất, đền bù, giải phóng và san lấp mặt bằng;
- Tháng thứ 13 - tháng thứ 30: Xây dựng các hạng mục công trình;
- Tháng thứ 31 - tháng thứ 35: Lắp đặt máy móc, thiết bị và đưa một phần dự

án vào hoạt động;

- Tháng thứ 36: Hoàn thiện tất cả các hạng mục công trình, đưa toàn bộ dự án vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Mức thuế suất, thuế thu nhập doanh nghiệp và thời hạn miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành về thuế tại thời điểm Công ty Cổ phần Thiết bị điện Mai Lâm chính thức đưa dự án vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Ưu đãi về thuế xuất, nhập khẩu: Doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi về thuế xuất, nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất: Doanh nhiệp được hưởng các ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai.

Điều 3. Trách nhiệm của nhà đầu tư

Sau khi Dự án được quyết định chủ trương đầu tư, Công ty Cổ phần Thiết bị điện Mai Lâm có trách nhiệm:

1. Ký quỹ để đảm bảo thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm theo quy định của Luật Đầu tư năm 2014. Mức ký quỹ là 3% tổng vốn đầu tư (không bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp cho Nhà nước và chi phí xây dựng các công trình công cộng thuộc dự án). Nhà đầu tư được giảm và hoàn trả tiền ký quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành. Thời điểm ký quỹ sau khi dự án được quyết định chủ trương đầu tư và trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Tiền ký quỹ được nộp vào tài khoản của Sở Kế hoạch và Đầu tư mở tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam (nhà đầu tư chịu chi phí liên quan đến việc mở, duy trì tài khoản ký quỹ và thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản ký quỹ).

2. Triển khai thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, quy mô và tiến độ đã đăng ký. Các cổ đông Công ty góp đủ vốn theo đúng tiến độ đã cam kết. Trường hợp Công ty không thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, tiến độ thì không được hưởng các chính sách ưu đãi.

3. Thực hiện nghiêm các quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về kế hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

4. Lập Hồ sơ thiết kế cơ sở trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; phải xây dựng các hạng mục công trình theo đúng Giấy phép xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

5. Trường hợp có nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ xây dựng, sản xuất và sinh hoạt, Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hồ sơ cấp giấy phép xả

nước thải vào nguồn nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước, Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; nghiêm cấm tự ý khoan giếng khai thác, sử dụng nước và xả thải khi chưa thực hiện thăm dò, đánh giá trữ lượng, phân tích chất lượng nước và chưa được cấp phép theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Công ty; quy định về phòng, chống cháy, nổ, an toàn lao động và các vấn đề khác liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án tại địa điểm đã đăng ký; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tuân thủ các quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư và các văn bản pháp lý liên quan.

7. Đảm bảo hành lang an toàn đường bộ, cách tim tuyến đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng hiện tại trở ra 70m; cách tim đường gom đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (ĐT.382B) hiện tại trở ra 23m.

8. Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên, Luật Tài nguyên nước, Luật Xây dựng, Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 50 (năm mươi) năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Quyết định này được lập thành 02 bản gốc. Một bản cấp cho Công ty Cổ phần Thiết bị điện Mai Lâm, một bản lưu tại UBND tỉnh Hưng Yên./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở: KHĐT, TC, XD, TNMT, CT;
- UBND huyện Yên Mỹ;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND xã Lý Thường Kiệt;
- Lưu: VT, TH[D].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Đặng Ngọc Quỳnh

UBND TỈNH HƯNG YÊN **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /SXD-QLXD V/v thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	*Hưng Yên, ngày tháng 7 năm 2024*

Kính gửi: Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm.

Sở Xây dựng đã nhận Tờ trình số 02/TTr-ML ngày 01/7/2024 của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở,

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 69/2021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra số 16.5/KQTTr-NM ngày 16/5/2024 của Công ty TNHH đầu tư xây dựng Nhật Minh D&P;

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định gửi kèm tờ trình thẩm định của Chủ đầu tư;

Căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh,

Sau khi xem xét, Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: Nhà ăn - nghỉ ca công nhân, Nhà ở công nhân, Nhà xưởng sản xuất, Nhà kho.

2. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

3. Tên dự án: Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

5. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm.

6. Giá trị dự toán xây dựng công trình: Khoảng 50.150.000.000 đồng.

7. Nguồn vốn đầu tư: Vốn khác.

8. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH tư vấn và đầu tư xây dựng TĐT.

9. Nhà thầu khảo sát địa chất: Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng Minh Anh.

10. Nhà thầu thẩm tra thiết kế: Công ty TNHH đầu tư xây dựng Nhật Minh D&P.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ:

1. Văn bản pháp lý:

- Tờ trình số 02/TTr-ML ngày 01/7/2024 của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

- Quyết định số 04/QĐ-CTY ngày 15/5/2023 của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạng mục Nhà ăn - nghỉ ca công nhân, Nhà ở công nhân, Nhà xưởng sản xuất, Nhà kho thuộc dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 244/TD-PCCC ngày 18/9/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hưng Yên kèm theo bản vẽ thiết kế PCCC đã được thẩm duyệt.

- Các văn bản pháp lý đã nộp bước thiết kế cơ sở (quyết định chủ trương đầu tư, thông báo chấp thuận mặt bằng quy hoạch tổng thể điều chỉnh dự án kèm theo bản vẽ mặt bằng quy hoạch tổng thể điều chỉnh được chấp thuận, quyết định phê duyệt chỉ định thầu đơn vị khảo sát, thiết kế, các văn bản chấp thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật của khu vực, quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường…).

2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế, thẩm tra:

- Bản vẽ thiết kế cơ sở đã thẩm định.

- Thiết kế bản vẽ thi công đã được thẩm tra.

- Báo cáo kết quả thẩm tra số 16.5/KQTTr-NM ngày 16/5/2024 của Công ty TNHH đầu tư xây dựng Nhật Minh D&P.

- Báo cáo khảo sát địa chất (đã nộp bước thiết kế cơ sở).

3. Năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức và năng lực hành nghề của các cá nhân tham gia thiết kế xây dựng công trình:

a) Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH tư vấn và đầu tư xây dựng TĐT.

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của công ty: Số HAP-00025359 (thiết kế, thẩm tra công trình công nghiệp (nhẹ), hạng II).

- Chứng chỉ các chủ trì thiết kế tổng hợp theo bảng:

STT	Bộ môn	Họ và tên	Chứng chỉ số
1	Chủ nhiệm, Kiến trúc	Trần Trọng Tâm	HAP-00002
2	Kết cấu	Phạm Văn Quân	HUY-00043539, hạng II
3	Cơ điện	Lương Xuân Mạnh	HUY-00043510, hạng II
4	Cấp, thoát nước	Đoàn Mạnh Thắng	HUY-00043508, hạng II

b) Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH đầu tư xây dựng Nhật Minh D&P.

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của công ty: HAN-00071523 (thiết kế, thẩm tra công trình nhà công nghiệp: Hạng III).

- Chứng chỉ các chủ trì thẩm tra tổng hợp theo bảng:

STT	Bộ môn	Họ và tên	Chứng chỉ số
1	Kiến trúc	Chu Ngọc Hồng Anh	HUY-00062960, hạng III
2	Kết cấu	Trương Văn Cường	HUY-00043518, hạng II
3	Cơ điện	Nguyễn Văn Cường	HAP-00065022, hạng II
4	Cấp, thoát nước	Nguyễn Văn Lực	HUY-00043541, hạng II

c) Đơn vị khảo sát địa chất: Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng Minh Anh.

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của công ty: HAD-00043338 (khảo sát địa chất công trình: Hạng II).

- Chủ nhiệm khảo sát: Đào Văn Thuân, Chứng chỉ số HUY-00082487 (khảo sát địa chất công trình: Hạng II)

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH:

1. Giải pháp kiến trúc:

- Nhà ăn - nghỉ ca công nhân: Diện tích xây dựng khoảng 936m^2, số tầng cao 03 tầng, tổng diện tích sàn khoảng 2.808m^2, giao thông đứng gồm 01 thang bộ trong nhà + 02 thang sắt bên ngoài.

- Nhà ở công nhân: Diện tích xây dựng khoảng 563m^2, số tầng cao 03 tầng, tổng diện tích sàn khoảng 1.776m^2, giao thông đứng gồm 01 thang bộ trong nhà + 01 thang sắt bên ngoài.

- Nhà xưởng sản xuất 01: Diện tích xây dựng khoảng 3.050m^2, số tầng cao 01 tầng, số tầng lửng 01 tầng (tầng lửng bố trí khu kỹ thuật), tổng diện tích sàn khoảng 3.327m^2, chiều cao công trình 13,15m, tường bao sử dụng tấm panel cách nhiệt.

- Nhà xưởng sản xuất 02: Diện tích xây dựng khoảng 3.650m^2, số tầng cao 01 tầng, chiều cao công trình 11,97m, tường bao sử dụng tấm panel cách nhiệt.

- Nhà xưởng sản xuất 03,04,06 (03 nhà): Diện tích xây dựng mỗi nhà khoảng 3.650m^2, số tầng cao 01 tầng, chiều cao công trình 11,97m, tường bao sử dụng tấm panel cách nhiệt.

- Nhà xưởng sản xuất 05: Diện tích xây dựng khoảng 2.920m^2, số tầng cao 01 tầng, chiều cao công trình 11,97m, tường bao sử dụng tấm panel cách nhiệt.

- Nhà kho: Diện tích xây dựng khoảng 3.650m2, số tầng cao 01 tầng, chiều cao công trình 11,97m, tường bao sử dụng tấm panel cách nhiệt.

2. Giải pháp kết cấu:

- Nhà xưởng, Nhà kho: Kết cấu móng cọc BTCT, kết cấu thân nhà xưởng sử dụng hệ khung thép (cột, dầm thép tổ hợp), kết cấu sàn tầng lửng Nhà xưởng sản

xuất 01 sử dụng kết cấu sàn Deck; bê tông kết cấu chịu lực có cấp độ bền chịu nén B22,5.

- Nhà ăn - nghỉ ca công nhân, Nhà ở công nhân: Kết cấu móng cọc BTCT, kết cấu thân sử dụng hệ khung BTCT, bê tông kết cấu chịu lực có cấp độ bền chịu nén B22,5.

3. Giải pháp cấp điện, chống sét:

- Nguồn điện được lấy từ trạm điện tới các hạng mục công trình. Hệ thống dây dẫn, công tắc được chôn ngầm tường. Các thiết bị điện công trình đều được nối đất. Điện trở nối đất $R \leq 4\Omega$.

- Chống sét cho công trình: Sử dụng kim thu sét D18, điện trở nối đất chống sét thiết kế đảm bảo $R \leq 10\Omega$.

4. Giải pháp cấp, thoát nước:

- Hệ thống cấp nước: Nguồn nước được lấy từ hệ thống cấp nước khu vực tới bể nước ngầm, từ bể nước ngầm bơm lên két nước mái sau đó cấp xuống các thiết bị dùng nước của công trình.

- Hệ thống thoát nước trong công trình: Nước mưa từ mái được thoát theo các ống đứng đổ vào hệ thống thoát nước ngoài nhà. Nước rửa gồm nước từ các chậu rửa, từ sàn khu WC đổ trực tiếp vào hệ thống thoát nước ngoài nhà. Nước thải từ các xí, tiểu thoát theo các tuyến ống riêng dẫn vào ngăn chứa bể tự hoại để xử lý sơ bộ trước khi xả vào hệ thống thoát nước ngoài nhà.

- Thoát nước ngoài nhà: Thoát nước thải sử dụng ống nhựa kết hợp hố ga thu gom nước thải về khu xử lý để xử lý trước khi đấu nối với hệ thống thoát nước mưa, thoát nước mưa sử dụng rãnh thoát nước kết hợp hố ga đấu nối với hệ thống thoát nước khu vực.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG:

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng: Đảm bảo theo quy định.

2. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế: Đơn vị khảo sát, thiết kế, thẩm tra, có năng lực phù hợp với công việc thực hiện; chủ trì thiết kế, thẩm tra, chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề theo quy định.

3. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định: Cơ bản phù hợp với thiết kế cơ sở đã được Sở Xây dựng thẩm định tại văn bản số 89/SXD-QLXD ngày 13/10/2022 về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm; hạng mục Nhà ăn - nghỉ ca công nhân, Nhà ở công nhân, Nhà xưởng sản xuất, Nhà kho.

4. Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế: Báo cáo kết quả thẩm tra số 16.5/KQTTr-NM ngày 16/5/2024 của Công ty TNHH đầu tư xây dựng Nhật Minh D&P đánh giá công trình đảm bảo an toàn khả năng chịu lực, đảm bảo an toàn cho công trình lân cận, đánh giá hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng.

5. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường:

- Thiết kế về PCCC đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công An tỉnh Hưng Yên thẩm duyệt tại Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 244/TD-PCCC ngày 18/9/2023.

- Dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2814/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình Nhà ăn - nghỉ ca công nhân, Nhà ở công nhân, Nhà xưởng sản xuất, Nhà kho cơ bản đủ điều kiện để trình phê duyệt.

Chủ đầu tư có trách nhiệm rà soát hồ sơ, trên cơ sở kết quả thẩm định của Sở Xây dựng, tổng hợp ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công công trình đảm bảo theo quy định.

2. Một số kiến nghị, lưu ý đối với chủ đầu tư:

- Về tiến độ thực hiện xây dựng các hạng mục công trình triển khai chậm so với Quyết định chủ trương đầu tư số 182/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên. Đề nghị chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng dự án, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận.

- Thực hiện nghiêm các quy định về môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm rà soát các điều kiện để miễn giấy phép xây dựng và gửi hồ sơ, giấy tờ chứng minh việc đáp ứng điều kiện về cấp phép xây dựng đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương kèm theo thông báo khởi công ít nhất 03 ngày làm việc trước thời điểm khởi công xây dựng để theo dõi, quản lý theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Chủ đầu tư căn cứ kết quả thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ để thực hiện các bước tiếp theo; tổ chức quản lý thực hiện dự án đầu tư theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi *(nhận tại Trung tâm PVHCC và KSTTHC tỉnh);*
- UBND huyện Yên Mỹ;
- GĐ Sở, PGĐ Bùi Anh Tuấn;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC tỉnh;
- Lưu: VT, QLXD, QLCLCTXD, Thanh tra Sở.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Anh Tuấn

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40 /HĐ-TĐ

Hưng Yên, ngày 26 tháng 2 năm 2024

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc cho Công ty cổ phần thiết bị điện Mai Lâm chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất tại xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm;

Căn cứ Thông báo số 764/TB-CTHYE ngày 26/02/2024 của Cục Thuế tỉnh Hưng Yên về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước.

Hôm nay, ngày 26 tháng 2 năm 2024, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên, chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT (BÊN A): UBND TỈNH HƯNG YÊN.

Do ông Nguyễn Văn Phú - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đại diện.

Trụ sở: Số 437, Đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

II. BÊN THUÊ ĐẤT (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MAI LÂM.

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0901012427 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên đăng ký đầu ngày 226/5/2017)

- *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Hoàng Thị Hồng
- *Chức vụ*: Giám đốc.
- *Trụ sở:* Thôn Tử Đông, xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.
- *Số tài khoản:*

III. Hai bên thoả thuận ký Hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê: 49.000 m^2 *(Bốn mươi chín nghìn mét vuông)* tại xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại thửa đất số 1366 và được xác định theo tờ Trích lục bản đồ địa chính số 02, tỷ lệ 1/2000 xã Lý Thường Kiệt,

huyện Yên Mỹ do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 31/01/2024.

3. Thời hạn thuê đất: Từ ngày 05/02/2024 đến ngày 29/8/2067.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất là 12.000 đồng/m^2/năm *(Mười hai nghìn đồng một mét vuông một năm)*. Giá thuê đất trên có thời gian ổn định 05 năm, kể từ ngày 05/02/2024 đến ngày 04/02/2029.

2. Tiền thuê đất theo đơn giá tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo Thông báo của cơ quan thuế.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước huyện Yên Mỹ.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê... thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

Trường hợp Bên thuê đất cho thuê tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất phải đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản theo Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thoả thuận của các Bên.

Bên thuê đất có trách nhiệm ký lại Hợp đồng thuê đất sau khi hết thời hạn của đơn giá thuê đất, Bên B phải liên hệ với Bên A để ký lại Hợp đồng thuê đất khi có Thông báo đơn giá thuê đất mới của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

Scanned with CamScanner

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và gửi đến Cục thuế tỉnh 01 bản, Kho bạc Nhà nước tỉnh 01 bản; có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN THUÊ ĐẤT GIÁM ĐỐC	BÊN CHO THUÊ ĐẤT GIÁM ĐỐC
Hoàng Thị Hồng	Nguyễn Văn Phú

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 1204/2023/HĐCN/DIENMAILAM

- *Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;*
- *Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;*
- *Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022;*
- *Căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;*
- *Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.*

Hôm nay, ngày 12 tháng 04 năm 2023, chúng tôi gồm:

Bên A: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MAI LÂM**

Địa chỉ: Thôn Tử Đông, xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0904945066

Người đại diện: Bà **Hoàng Thị Hồng** Chức vụ: Giám Đốc

Mã số thuế: 0901012427

Tài khoản số: 240 220 100 7270 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh thị xã Mỹ Hào Hưng Yên II

và

Bên B: **Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – URENCO 11**

Địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0221 3 999 072 Fax: 0221 3 981 489

Người đại diện: Ông **Nguyễn Đình Tiến** Chức vụ: Phó Giám đốc

Mã số thuế: 0900291087

Tài khoản số: 2405201002417 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Lâm- Phòng giao dịch Chỉ Đạo

(Bên A và Bên B được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "các Bên" hoặc "hai Bên")

Hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng này với những điều khoản cụ thể như sau:

Scanned with CamScanner

Điều 1. Chủng loại chất thải và đơn giá xử lý

1.1. Bên A đồng ý chuyển giao và Bên B đồng ý thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A theo danh mục được liệt kê trong Phụ lục đính kèm và là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

1.2. Khối lượng của từng loại chất thải được xác nhận theo nhật ký vận chuyển thực tế theo từng đợt thu gom tại địa điểm thu gom của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm bốc xếp, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.

1.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh chất thải khác thì hai Bên sẽ lập bổ sung thêm phụ lục Hợp đồng cho từng loại chất thải phát sinh.

1.4. Đơn giá xử lý của từng loại chất thải được thể hiện trong Phụ lục hợp đồng đính kèm và có thể thay đổi theo giá cả thị trường. Khi có đề xuất thay đổi Bên B phải gửi công văn cho Bên A để hai bên bàn bạc, thống nhất. Mọi sự thay đổi về giá theo thỏa thuận, hai Bên sẽ thống nhất trong các phụ lục Hợp đồng.

Điều 2. Đặc tính, địa điểm, thời gian giao nhận và phương tiện vận chuyển

2.1. Đặc tính chất thải: Bao gồm các loại chất thải công nghiệp, nguy hại với đặc tính và trạng thái chi tiết theo phụ lục đính kèm.

2.2. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho chứa chất thải Bên A (địa chỉ: Thôn Tử Đông, xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên).

2.3. Thời gian giao nhận: Bên A thông báo thời gian giao nhận chất thải cho Bên B trước ít nhất 01 ngày để bên B có thời gian chuẩn bị phương án thu gom, phương tiện vận chuyển.

2.3. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh, để vận chuyển chất thải theo quy định của Bên A và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thanh toán và thời hạn thanh toán

3.1 Điều khoản thanh toán

a. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B dựa trên hóa đơn tài chính và biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai Bên mỗi tháng một lần hoặc theo từng đợt phát sinh căn cứ vào thỏa thuận của hai bên.

b. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B sau khi Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

3.2 Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ tiến hành thanh toán cho Bên B trong vòng 20 (hai mươi) ngày sau khi nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi Bên

4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

a. Bên A hoàn tất các thủ tục cần thiết khác một cách nhanh chóng, tạo thuận lợi cho Bên B vào và thu gom, vận chuyển chất thải ra khỏi nhà máy Bên A.

b. Chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với các loại chất thải không giao cho Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý.

Scanned with CamScanner

c. Chất thải công nghiệp nguy hại phải được kiểm soát từ nguồn theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bên A có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn và lưu chưa theo đúng quy định, đảm bảo thành phần chất thải công nghiệp nguy hại như đã thông báo với Bên B.

d. Chịu trách nhiệm lập chứng từ chất thải nguy hại cho mỗi lần bàn giao. Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo cho bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh đơn giá phù hợp.

e. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B theo các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.

f. Trong thời gian ký hợp đồng với Bên B, Bên A không được ký hợp đồng xử lý chất thải theo các hạng mục như phụ lục đính kèm với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

g. Bên A được phép kiểm tra bất cứ quá trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A mà Bên B tiến hành xử lý.

h. Bên A được quyền yêu cầu Bên B bồi thường trong trường hợp Bên B gây ra thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và pháp luật liên quan.

4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

a. Phải tuân thủ những chính sách, quy định nội bộ của Bên A, như chính sách môi trường, các quy định liên quan khác và chỉ dẫn của người phụ trách Bên A trong suốt quá trình làm việc ở nhà máy của Bên A.

b. Cung cấp cho Bên A toàn bộ hồ sơ năng lực đủ điều kiện hành nghề thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

c. Chịu chi phí chuyên chở và bốc xếp, chọn lựa và vận chuyển đúng chủng loại chất thải nguy hại và chi phí cân điện tử (nếu có) theo hợp đồng đã được ký.

d. Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A. Không để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Nếu để chất thải rò rỉ, phát tán ra môi trường, Bên B phải chịu trách nhiệm, chi phí xử lý.

e. Bên B phải đảm bảo tất cả phương tiện vận chuyển của bên B phải nằm trong giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại của bên B.

f. Bên B phải hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại và bàn giao lại cho Bên A ngay sau khi chất thải nguy hại được xử lý theo quy định.

g. Trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng này, Bên B phải luôn đảm bảo có và duy trì các loại giấy phép do cơ quan nhà nước cấp liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật hiện hành. Nếu Bên B bị thu hồi giấy phép hoặc bị định đình việc sử dụng giấy phép hoặc tạm dừng việc cấp phép mới hoặc đổi mới phát sinh trong trường hợp theo quy định mới của pháp luật đặt ra thì Bên A có quyền đơn phương dừng hợp đồng mà không cần sự đồng ý của Bên B.

Điều 5. Thực thi hợp đồng

5.1 Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên. Trong trường hợp phát sinh công việc không nằm trong nội dung của hợp đồng thì hai Bên cùng thỏa thuận bàn bạc thống nhất và lập thành phụ lục bổ sung cho hợp đồng này.

Scanned with CamScanner

5.2 Hợp đồng sẽ không còn hiệu lực trong các trường hợp sau:

a. Hết hạn hợp đồng.

b. Khi có bất kỳ thay đổi nào của pháp luật Việt Nam hoặc có quyết định của các cấp có thẩm quyền cho rằng hợp đồng này không có giá trị thực hiện.

c. Bên A hoặc Bên B ngừng sản xuất hoặc phá sản.

d. Bên A hoặc Bên B có liên quan đến bất kỳ một vụ việc vi phạm pháp luật nào.

e. Bên B bán cơ sở kinh doanh cho bên thứ 3, Bên B đổi chủ sở hữu hoặc chuyển quyền hợp đồng cho bên thứ 3 mà chưa được sự cho pháp của Bên A bằng văn bản.

5.3 Ngoài các trường hợp chấm dứt hợp đồng trong khoản 5.2 điều này; trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên nào muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước một (01) tháng bằng văn bản cho Bên kia.

Điều 6. Giải quyết tranh chấp

6.1 Hợp đồng này được điều chỉnh bởi các quy định liên quan của pháp luật nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

6.2 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh về các điều khoản của hợp đồng, đầu tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau trong vòng 30 (ba mươi) ngày. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt. Chi phí tố tụng của các Bên, bao gồm cả chi phí hợp lý thuê luật sư, sẽ do Bên thua kiện chi trả.

Điều 7. Những điều khoản khác

7.1 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 12 tháng 04 năm 2023 đến hết ngày 30 tháng 04 năm 2024.

7.2 Trước thời hạn hợp đồng hết hạn 30 (ba mươi) ngày. Nếu hai bên không có yêu cầu bằng văn bản về thời hạn của Hợp đồng thì hợp đồng đã ký sẽ luôn được tự động gia hạn, mỗi lần gia hạn với kỳ hạn là 01 (một) năm.

7.3 Trong trường hợp một hoặc nhiều Điều, khoản, điểm trong hợp đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên là vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định hiện hành của pháp luật thì các Điều, khoản, điểm khác của hợp đồng này vẫn có hiệu lực thi hành đối với hai Bên.

7.4 Mọi bổ sung, sửa đổi vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên.

7.5 Hợp đồng này được lập thành 06 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau (mỗi Bên giữ 03 bản).

Đại diện Bên A	**Đại diện Bên B**
M.S.D.N: 0901012... C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MAI LÂM TỈNH HƯNG YÊN	M.S.D.N: 0900291... C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11 H.VĂN LÂM - T.HƯNG YÊN
GIÁM ĐỐC	PHÓ GIÁM ĐỐC
HOÀNG THỊ HỒNG	Nguyễn Đình Tiến

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 01

Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI Số: 1204/2023/HĐCN/DIENMAILAM ký ngày 12 tháng 04 năm 2023. Các điều kiện của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

Hôm nay, ngày 12 tháng 04 năm 2023, chúng tôi gồm:

Bên A: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MAI LÂM**

Địa chỉ: Thôn Tử Đông, xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0904945066

Người đại diện: Bà **Hoàng Thị Hồng** Chức vụ: Giám Đốc

Mã số thuế: 0901012427

Tài khoản số: 240 220 100 7270 mở tại Ngân hàng Nôn nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh thị xã Mỹ Hào Hưng Yên II

và

Bên B: **Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 - URENCO11**

Địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0221 3 999 072 Fax: 0221 3 981 489

Người đại diện: Ông **Nguyễn Đình Tiến** Chức vụ: Phó Giám đốc

Mã số thuế: 0900291087

Tài khoản số: 2405201002417 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Lâm - Phòng giao dịch Chỉ Đạo

Hai bên thống nhất ký kết một phụ lục hợp đồng theo các điều khoản sau:

Danh mục chất thải, đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải	Kg	12.000	16 01 06
2	Bã sơn thải	Kg	6.000	16 01 09
3	Giẻ lau dính dầu, mỡ thải	Kg	6.000	18 02 01
4	Bao bì cứng bằng kim loại dính TPNH	Kg	5.000	18 01 02
5	Bao bì cứng bằng nhựa dính TPNH	Kg	5.000	18 01 03
6	Cặn nước thải có thành phần nguy hại	Kg	5.000	19 10 01

Scanned with CamScanner

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Mã CTNH
7	Các loại dầu mỡ thải	Kg	5.000	16 01 08
8	Ắc quy thải	Kg	6.000	16 01 12
9	Mực in thải	Kg	6.000	08 02 01
10	Hộp mực in thải	Kg	6.000	08 02 04
11	Than hoạt tính thải	Kg	6.000	12 01 04
12	Bùn thải sau quá trình xử lý nước thải sinh hoạt	Kg	2.500	
13	Rác thải công nghiệp không nguy hại	Kg	3.000	

Ghi chú: *Đơn giá chưa bao gồm VAT.*

Phụ lục này có hiệu lực từ ngày 12/04/2023 và được lập thành 06 bản tiếng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 03 bản.

Đại diện Bên A

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MAI LÂM

GIÁM ĐỐC

HOÀNG THỊ HỒNG

Đại diện Bên B

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 URENCO 11

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Tiến

Scanned with CamScanner

CÔNG AN TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 155/NT-PCCC

Hưng Yên, ngày 08 tháng 07 năm 2024

Kính gửi: Công ty cổ phần thiết bị điện Mai Lâm.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 244/TD-PCCC ngày 18/9/2023 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) Công an tỉnh Hưng Yên;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 062024 đề ngày 10/6/2024 của Công ty cổ phần thiết bị điện Mai Lâm *(kèm theo hồ sơ, tài liệu có liên quan)*;

Người đại diện theo pháp luật là bà Hoàng Thị Hồng; Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC và CNCH ngày 28/6/2024 do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên cùng các bên liên quan lập.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC của công trình Nhà xưởng sản xuất số 6 (ký hiệu số 10), Nhà kho (ký hiệu số 11) và một số hạng mục phụ trợ với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần thiết bị điện Mai Lâm.

Đơn vị thi công xây dựng: Công ty cổ phần kết cấu thép cơ khí.

Đơn vị tư vấn giám sát về xây dựng: Công ty TNHH xây dựng Hoàng Minh Hưng Yên.

Đơn vị tư vấn giám sát về PCCC: Công ty TNHH phát triển công nghệ T&Q Việt Nam.

Đơn vị thi công hệ thống PCCC: Công ty cổ phần Hbcons Thăng Long.

Quy mô: Nhà xưởng sản xuất số 6 (ký hiệu số 10) cao 01 tầng, có diện tích 3.650 m^2, Nhà kho (ký hiệu số 11) cao 01 tầng, có diện tích 3.650 m^2, Nhà bơm chữa cháy, nhà bảo vệ và hồ nước chữa cháy.

Các hệ thống, giải pháp phòng cháy và chữa cháy:

- Hệ thống báo cháy tự động, gồm: Các đầu báo cháy đầu báo tia chiếu, chuông, đèn, nút ấn báo cháy kết nối với tủ trung tâm báo cháy đặt tại phòng bảo vệ có người thường trực 24/24h.

- Hệ thống chữa cháy bằng nước (trong nhà, ngoài nhà, Sprinkler), được cấp từ hồ nước, trạm bơm chữa cháy gồm: 01 máy bơm động cơ điện, 01 máy bơm động cơ diesel, 01 máy bơm bù áp động cơ điện.

- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn.

- Trang bị bình chữa cháy xách tay.

Nội dung được nghiệm thu về PCCC:

1. Đường giao thông cho xe chữa cháy;
2. Quy mô; Bậc chịu lửa; Bố trí công năng các hạng mục công trình;
3. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
4. Giải pháp thoát nạn;
5. Giải pháp chống tụ khói;
6. Hệ thống báo cháy tự động;
7. Hệ thống chữa cháy bằng nước (trong nhà, ngoài nhà, Sprinkler);
8. Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn;
9. Trang bị phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;
10. Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC, phương án chống sét.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 và Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ, đồng thời liên hệ với Công an huyện Yên Mỹ để được hướng dẫn, lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC;

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của các hạng mục công trình dẫn đến một trong các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ thì phải lập hồ sơ thiết kế và gửi đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo thẩm quyền để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo quy định;

- Chủ đầu tư và đơn vị quản lý vận hành chịu trách nhiệm về quy mô, tính chất hoạt động của công trình phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, xuất trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC của công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ;

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác của hồ sơ nghiệm thu. Việc kiểm tra của cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy (không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng), là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng theo quy định./.

Nơi nhận:
- C07 – Bộ Công an;
- Đ/c Nguyễn Xuân Hồng – PGĐ CAT; *(để báo cáo)*
- Đ/c Trưởng phòng;
- Như trên;
- Công an huyện Yên Mỹ *(để quản lý cơ sở)*;
- Lưu: HS[H].

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Cao Thế Hùng

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

331209724022151

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MAI LÂM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0901012427 do phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên đăng ký lần đầu ngày 26/5/2017

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tử Đông, xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

DN 150359

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 1366 Tờ bản đồ số: 02,

b) Địa chỉ: Xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên,

c) Diện tích: 49000,0 m^2 , (bằng chữ: Bốn mươi chín nghìn mét vuông),

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp,

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 29/8/2067,

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/- .

3. Công trình xây dựng khác: -/- .

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/- .

5. Cây lâu năm: -/- .

6. Ghi chú: ***Không.***

Hưng Yên, ngày 12 tháng 3 năm 2024

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

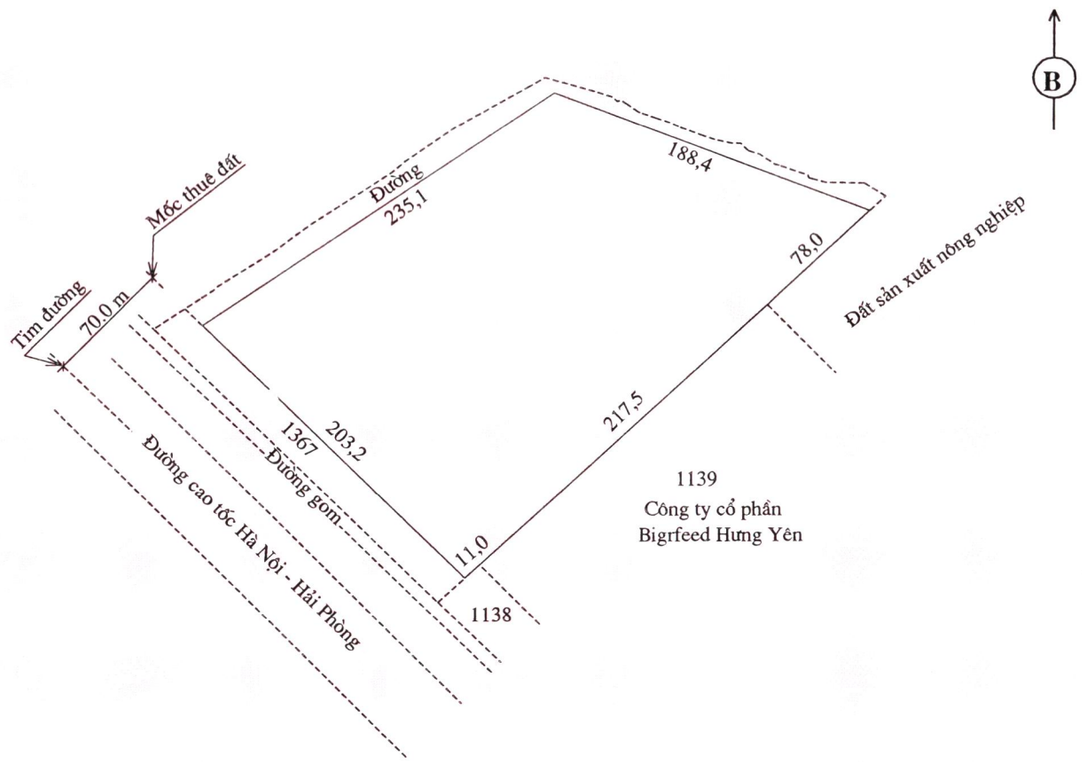
KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

NGUYỄN HÙNG NAM

Số vào sổ cấp GCN: CT...22174.....

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 353 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 05 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất tại xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm

ĐÃ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 391/NQ-HĐND ngày 02/10/2022 của HĐND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 403/QĐ-UBND ngày 30/01/2022 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Yên Mỹ; số 118/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Yên Mỹ; Quyết định chủ trương đầu tư số 182/QĐ-UBND ngày 29/8/2017; số 52/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 về việc thu hồi đất tại xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm; số 53/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất do UBND xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ quản lý để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm;

Căn cứ Công văn số 753/UBND-KT2 ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương cho phép Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 83/TTr-STNMT ngày 02/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất tại xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm như sau:

1. Cho Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm (*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0901012427 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên đăng ký lần đầu ngày 26/5/2017)* chuyển mục đích sử dụng đất và thuê đất với diện tích 49.000m^2 *(Bốn mươi chín nghìn mét vuông)* đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm; còn: 4.420m^2 đất trồng cây lâu năm, 4.650,8m^2 đất giao thông và 51,4m^2 đất bằng trồng cây hàng năm khác giao cho UBND xã Lý Thường Kiệt quản lý (Trong đó có 49.410,2m^2 đất chuyên trồng lúa nước phải chuyển mục đích sử dụng đất).

Vị trí khu đất cho Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm thuê đất được chỉnh lý thành thửa đất số 1366; các khu đất giao cho UBND xã Lý Thường Kiệt quản lý được chỉnh lý thành các thửa đất: 1367, 1368, 1369 và được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 02, tỷ lệ 1/2000 xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 31/01/2024.

Thời hạn sử dụng đất: Tính từ ngày ký quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất đến ngày 29/8/2067.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.

2. Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích, vị trí, diện tích được thuê, đảm bảo hành lang bảo vệ các công trình giao thông, thủy lợi, đường điện (nếu có) và bảo vệ môi trường; triển khai dự án đúng tiến độ ghi trong quyết định chủ trương đầu tư. Đất được cho thuê mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp bất khả kháng.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra, giám sát Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm thực hiện việc bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND huyện Yên Mỹ chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Yên Mỹ, UBND xã Lý Thường Kiệt chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; ký hợp đồng thuê đất; trình UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xác định mốc giới, bàn giao đất trên thực địa cho Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm theo quy định.

3. Cục Thuế tỉnh xác định đơn giá thuê đất, thông báo và thu tiền thuê đất của Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Yên Mỹ; Chủ tịch UBND xã Lý Thường Kiệt; Công ty Cổ phần thiết bị điện Mai Lâm; Thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT2[L].

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Nam

THUYẾT MINH CÔNG NGHỆ

1. Hố đặt song chắn rác:

- Nước thải từ các nguồn phát sinh được dẫn vào hố đặt song chắn rác.
- Song chắn rác có nhiệm vụ giữ lại các tạp chất rắn kích thước lớn như bao bì, nhựa, bùn thô, tóc, giấy vụn... giúp bảo vệ máy móc và hạn chế tắc nghẽn hệ thống.
- Rác thải được thu gom định kỳ và mang đi xử lý.

2. Bể điều hòa:

Nước thải sau khi qua song chắn rác được dẫn vào bể điều hòa để cân bằng lưu lượng và nồng độ. Hệ thống bơm điều hòa có nhiệm vụ đưa nước thải sang bể xử lý sinh học tiếp theo.

3. Bể Anoxic:

Bể Anoxic được sử dụng nhằm khử nitơ từ sự chuyển hóa nitrate thành nitơ tự do. Lượng nitrate này được tuần hoàn từ lượng bùn tuần hoàn từ bể lắng và lượng nước thải từ bể Aerotank (đặt sau bể thiếu khí). Nước thải sau khi khử nitơ sẽ tiếp tục tự chảy vào bể hiếu khí kết hợp nitrate hóa.

Thông số quan trọng ảnh hưởng tới hiệu quả khử nitơ là (1) thời gian lưu nước của bể thiếu khí; (2) nồng độ vi sinh trong bể; (3) tốc độ tuần hoàn nước và bùn từ bể hiếu khí và bể lắng; (4) nồng độ chất hữu cơ phân hủy sinh học (5) phần nồng độ chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học; (6) nhiệt độ. Trong các thông số trên, phần nồng độ chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học đóng vai trò cực kì quan trọng trong việc khử nitơ. Nghiên cứu cho thấy nước thải cùng một nồng độ hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học (bCOD) nhưng khác về thành phần nồng độ chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học (rbCOD). Trường hợp nào có rbCOD càng cao, tốc độ khử nitơ càng cao.

Hai hệ enzyme tham gia vào quá trình khử nitrate:

Å Đồng hóa (assimilatory): NO_3^-‡ NH_3, tổng hợp tế bào, khi N-NO_3^- là dạng nitơ duy nhất tồn tại trong môi trường.

Ç Dị hóa (dissimilatory) ‡ quá trình khử nitrate trong nước thải.

+ Quá trình đồng hóa:

$3NO_3^- + 14CH_3OH + CO_2 + 3H^+$‡ $3C_5H_7O_2N + H_2O$

+ Quá trình dị hóa:

Bước 1: $6NO_3^- + 2CH_3OH$ ‡ $6NO_2$- $+ 2CO_2 + 4H_2O$

Bước 2: $2NO_2^- + 3CH_3OH$ ‡ $3N_2 + 3CO_2 + 3H_2O + 6OH^-$

$6NO_3^- + 5CH_3OH$ ‡ $5CO_2 + 3N_2 + 7H_2O + 6OH^-$

+ Tổng quá trình khử nitrate:

$NO_3^- + 1{,}08CH_3OH + H^+$‡ $0{,}065C_5H_7O_2N + 0{,}47N_2 + 0{,}76CO_2 + 2{,}44H_2O$

Bể thiếu khí được khuấy trộn bằng máy khuấy nhằm giữ bùn ở trạng thái lơ lửng và nhằm tạo sự tiếp xúc giữa nguồn thức ăn và vi sinh. Hoàn toàn không được cung cấp oxy cho bể này vì oxy có thể gây ức chế cho vi sinh khử nitrate.

4. Bể sinh học hiếu khí FBR:

Bể Aerotank sử dụng các vi sinh vật hiếu khí để phân hủy các chất hữu cơ thích hợp có trong nước thải trong điều kiện được cung cấp oxy liên tục. Mục đích của bể này là (1) giảm nồng độ các chất hữu cơ thông qua hoạt động của vi sinh tự dưỡng hiếu khí; (2) thực hiện quá trình nitrate hóa nhằm tạo ra lượng nitrate cho hệ thống thiếu khí phía trước thông qua nhóm vi sinh vật Nitrosomonas và Nitrobacter. Máy thổi khí được vận hành liên tục nhằm cung cấp oxy cho cả hai nhóm vi sinh vật hiếu khí này hoạt động. Đối với quần thể vi sinh vật tự dưỡng hiếu khí, trong điều kiện thổi khí liên tục, quần thể vi sinh vật này sẽ phân hủy các hợp chất hữu cơ có trong nước thải thành các hợp chất vô cơ đơn giản như CO_2 và H_2O theo 3 giai đoạn:

Oxy hóa các chất hữu cơ:

$$C_xH_yO_z + O_2 \xrightarrow{\text{Enzyme}} CO_2 + H_2O + DH$$

Tổng hợp tế bào mới:

$$C_xH_yO_z + NH_3 + O_2 \xrightarrow{\text{Enzyme}} \text{Tế bào vi khuẩn} + CO_2 + H_2O + C_5H_7NO_2 - DH$$

Phân hủy nội bào:

$$C_5H_7NO_2 + 5O_2 \xrightarrow{\text{Enzyme}} CO_2 + 2H_2O + NH_3 \pm DH$$

Theo các giai đoạn trên, vi sinh vật hiếu khí không chỉ oxy hóa các chất hữu cơ trong nước thải tạo thành những hợp chất vô cơ đơn giản mà còn tổng hợp phospho và nitơ nhằm tổng hợp, duy trì tế bào và vận chuyển năng lượng cho quá trình trao đổi chất của chúng. Đây là giai đoạn mang tính ưu tiên hơn so với giai đoạn nitrate hóa của nhóm vi sinh vật Nitrosomonas và Nitrobacter. Do vậy giai đoạn xử lý các chất hữu cơ sẽ được ưu tiên xảy ra trước bởi nhóm vi sinh vật tự dưỡng. Tuy nhiên lượng chất hữu cơ không phải được xử lý triệt để mà còn một lượng dư cho nhóm vi sinh nitrate hóa sử dụng để chuyển hóa nitrate. Dưới tác dụng của Nitrosomonas và Nitrobacter, quá trình nitrate hóa xảy ra theo các phương trình phản ứng sau đây:

$NH_3 + 3/2O_2 \ddagger NO_2^- + H^+ + H_2O +$ sinh khối : Nitrosomonas

$NO_2^- + ½O_2 \ddagger NO_3^-$ + sinh khối : Nitrobacter

Trong bể bùn hoạt tính hiếu khí với vi sinh vật sinh trưởng dạng lơ lửng kết hợp nitrate hóa, quá trình phân hủy xảy ra khi nước thải tiếp xúc với bùn trong điều kiện sục khí liên tục. Việc sục khí nhằm đảm bảo các yêu cầu cung cấp đủ lượng oxy một cách liên tục và duy trì bùn hoạt tính ở trạng thái lơ lửng.

5. Bể lắng:

Tại đây, xảy ra quá trình lắng tách pha và giữ lại phần bùn (vi sinh vật). Tại bể lắng, hỗn hợp nước thải cùng bùn được dẫn vào ống trung tâm, di chuyển từ trên xuống dưới đáy bể.

Trong quá trình di chuyển, các bông bùn do va chạm vào tấm chắn của ống trung tâm, bị mất lực và rơi xuống đáy bể. Phần nước trong lan tỏa ra hai bên và dâng lên thành bể. Phần bùn lắng này sẽ được bơm bùn tuần hoàn về bể Anoxic nhằm duy trì nồng độ vi sinh vật. Bùn dư sẽ được đưa về bể chứa bùn.

6. Bể khử trùng:

Nước sau quá trình lắng sẽ chảy qua bể khử trùng. Tại đây, nước được khử trùng bằng Clo. Quá trình tiêu diệt vi sinh vật xảy ra qua hai giai đoạn. Đầu tiên hóa chất khử trùng khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh, sau đó phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến sự diệt vong của tế bào vi sinh.

7. Bể chứa và phân hủy bùn:

- Bùn thải từ bể lắng được tập trung tại bể chứa bùn.
- Bùn có thể được hút định kỳ để xử lý hoặc chôn lấp an toàn, đồng thời có thể tận dụng làm phân bón sau khi ổn định.

CÔNG AN TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NT-PCCC

Hưng Yên, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Công ty cổ phần thiết bị điện Mai Lâm.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 244/TD-PCCC ngày 18/9/2023 và Văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 98/TD-PCCC ngày 24/02/2025 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) Công an tỉnh Hưng Yên;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 202412/DNNT đề ngày 24/12/2024, số 202502/DNNT đề ngày 28/02/2025 của Công ty cổ phần thiết bị điện Mai Lâm *(kèm theo hồ sơ, tài liệu có liên quan)*;

Người đại diện theo pháp luật là bà Hoàng Thị Hồng; Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC và CNCH ngày 08/01/2025, ngày 06/3/2025 do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên cùng các bên liên quan lập.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC của công trình Nhà xưởng sản xuất số 01 (ký hiệu số 05), Nhà xưởng sản xuất số 02 (ký hiệu số 06) và Nhà xưởng sản xuất số 04 (ký hiệu số 08) thuộc Nhà máy sản xuất thiết bị điện Mai Lâm với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Xã Lý Thường Kiệt (nay là xã Tân Minh), huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần thiết bị điện Mai Lâm.

Đơn vị thi công xây dựng: Công ty cổ phần kết cấu thép cơ khí.

Đơn vị tư vấn giám sát xây dựng: Công ty TNHH xây dựng Hoàng Minh Hưng Yên.

Đơn vị thi công hệ thống PCCC: Công ty cổ phần Hbcons Thăng Long.

Đơn vị tư vấn giám sát PCCC: Công ty cổ phần cơ kỹ thuật Việt An.

Quy mô: Nhà xưởng sản xuất số 01 (ký hiệu số 05) cao 01 tầng có diện tích 3.050 m^2 (khu vực văn phòng cao 01 tầng có diện tích 242 m^2/tầng). Nhà xưởng sản xuất số 02 (ký hiệu số 06) cao 01 tầng có diện tích 3.650 m^2 (khu vực văn phòng cao 01 tầng có diện tích 289 m^2). Nhà xưởng sản xuất số 04 (ký hiệu số 08) cao 01 tầng có diện tích 3.650 m^2.

Các hệ thống, giải pháp phòng cháy và chữa cháy:

- Hệ thống báo cháy tự động, gồm: các đầu báo cháy tia chiếu Beam, đầu báo cháy khói và chuông, đèn, nút ấn báo cháy kết nối tới tủ trung tâm báo cháy tự động đã được nghiệm thu về PCCC ở giai đoạn trước.

- Hệ thống chữa cháy bằng nước (ngoài nhà, trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler) được cấp từ trạm bơm cấp nước chữa cháy đã được nghiệm thu về PCCC ở giai đoạn trước.

- Giải pháp chống tụ khói: Thi công giải pháp thông gió tự nhiên khi có cháy cho công trình.

- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn bố trí trên các cửa ra vào, đường thoát nạn để chiếu sáng, chỉ dẫn lối đi và dễ quan sát.

- Trang bị bình chữa cháy xách tay cho toàn bộ khu vực của công trình.

Nội dung được nghiệm thu về PCCC:

1. Đường giao thông cho xe chữa cháy;

2. Khoảng cách an toàn PCCC;

3. Quy mô; bậc chịu lửa; bố trí công năng của công trình liên quan đến công tác PCCC; hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ;

4. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;

5. Giải pháp thoát nạn;

6. Hệ thống báo cháy tự động;

7. Hệ thống chữa cháy bằng nước (ngoài nhà, trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler);

8. Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn;

9. Giải pháp chống tụ khói;

10. Trang bị phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

11. Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC; Phương án chống sét và các hệ thống kỹ thuật có liên quan về phòng cháy chữa cháy.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 và Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ, đồng thời liên hệ với Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên để được hướng dẫn, lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC;

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của các hạng mục công trình dẫn đến một trong các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ thì phải lập hồ sơ thiết kế điều chỉnh, gửi đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo thẩm quyền để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo quy định;

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về quy mô, tính chất hoạt động của công trình phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, xuất trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC của công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ;

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác của hồ sơ nghiệm thu. Việc kiểm tra của cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy (không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng), là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- C07 – Bộ Công an;
- Đ/c Nguyễn Xuân Hồng – PGĐ CAT; *(để báo cáo)*
- Đ/c Trưởng phòng;
- Đội Công tác phòng cháy *(để quản lý cơ sở)*;
- Lưu: HS[P].

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Cao Thế Hùng